

Thông Luận là kết hợp của những người cùng theo đuổi một lý tưởng chung là xây dựng một nước Việt Nam dân chủ, bao dung và giàu mạnh, một nước Việt Nam mà những con người ngày hôm nay có thể chấp nhận và các thế hệ mai sau có thể tự hào.

Mục tiêu gần và cũng thiết thân nhất của Thông Luận là đấu tranh thiết lập một thể chế dân chủ đa nguyên trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc bằng những phương thức bất bạo động.

Là một kết hợp hoàn toàn hướng về tương lai, Thông Luận quy tụ những người Việt Nam thuộc mọi lứa tuổi, mọi quá khứ chính trị, mọi cương vị, trong cũng như ngoài nước.

Tài liệu này là một dự án xã hội, một lập trường dựng nước, một chương trình hành động và là một lời kêu gọi.

Nó cũng chứa đựng một giấc mơ Việt Nam mà mọi người Việt Nam đều có thể chia sẻ:

Nước Việt Nam sẽ là một nước lớn.

Làm người Việt Nam trong thế kỷ hai mươi đã là một điều bất hạnh thì làm người Việt Nam trong thế kỷ hai mươi mốt sẽ phải là một niềm vui, một may mắn và một nguồn hạnh diện. Thế giới đã biết đến Việt Nam như là nạn nhân của hận thù và chia rẽ, của óc độc quyền lễ phải thì thế giới sẽ phải biết đến Việt Nam sau này như là vùng đất của sự bao dung, như là một mẫu mực thành công của tình anh em tìm lại, của sự hồi sinh từ hoang tàn và đổ nát.

THÔNG LUẬN

THỦ THÁCH VÀ HY VỌNG

Dự án chính trị dân chủ đa nguyên

THÔNG LƯỢC

THỬ THÁCH VÀ HY VỌNG

Dự án chính trị dân chủ đa nguyên

- 1996 -

ISBN-2-907857-06-1

I. Nhiệm vụ lịch sử

Với một dân số đông đảo, những con người cần mẫn và một địa lý thuận lợi, Việt Nam có tiềm năng của một nước lớn và giàu mạnh, giữ một địa vị quan trọng trên thế giới, vẻ vang cho dân tộc và có ích cho loài người.

Mặc dầu vậy hiện nay chúng ta chỉ là một trong những nước nghèo và lạc hậu nhất thế giới. Mâu thuẫn đau lòng đó chất vấn mọi người Việt Nam.

Bẩm sinh mọi con người, dù thuộc chủng tộc nào, đều có những khả năng như nhau. Những chênh lệch về trình độ phát triển và mức sống của các dân tộc là hậu quả của điều kiện địa lý, tài nguyên thiên nhiên và cách tổ chức xã hội. Trong những yếu tố đó tổ chức xã hội có tầm quan trọng vượt hẳn. Tổ chức xã hội tốt hay xấu, khéo hay vụng có thể thay đổi hẳn số phận của một dân tộc. Thế giới đã thấy nhiều quốc gia mặc dầu đất đai chật hẹp, tài nguyên ít ỏi mà vươn lên mạnh mẽ trong khi nhiều quốc gia khác tuy rất được thiên nhiên ưu đãi mà vẫn quần quai trong cảnh nghèo đói. Chúng ta càng ý thức được tầm quan trọng đặc biệt của tổ chức xã hội khi nhìn vào sự cách biệt hiện nay: bảy quốc gia phát triển nhất tuy dân số chưa bằng 15% số người trên trái đất nhưng lại tập trung quá 2/3 tổng sản lượng của thế giới; lợi tức của một người Nhật lớn gấp một trăm lần lợi tức của một người Việt Nam. Sự thua kém hổ nhục này một mặt bắt buộc chúng ta suy nghĩ về mình để tìm một lối đi cho mình, một mặt cho phép chúng ta tin tưởng rằng nếu tổ chức lại đất nước một cách hợp lý chúng ta chắc chắn sẽ thoát khỏi cảnh nghèo đói và sẽ vươn lên mạnh mẽ.

Chúng ta đã bỏ lỡ nhiều cơ hội lịch sử.

Vào buổi rạng đông của thời đại mới, chúng ta, cũng như hầu hết các nước Phương Đông, đã không ý thức được rằng đã đến lúc phải xét lại toàn bộ các giá trị và tập quán, phải đổi mới hoàn toàn cách suy nghĩ và tổ chức. Trong nhiều thế kỷ chúng ta đã chấp nhận khuôn mẫu xơ cứng Khổng Mạnh, bỏ mất

óc sáng tạo và dẫm chân tại chỗ; trong khi người Phương Tây, nhờ óc khách quan và phương pháp, nhờ biết xét lại và đổi mới không ngừng đã tiến lên mạnh mẽ, đã hơn hẳn phần còn lại của thế giới.

Vì không biết thích nghi kịp thời như một số quốc gia may mắn khác, chúng ta đã thất bại trước người Phương Tây, đã mất chủ quyền, đã phải chịu cái nhục bị đô hộ. Mất chủ quyền, chúng ta đã mất luôn khả năng hội ý với nhau để cùng nhau tìm một lối thoát cho đất nước, rồi từ đó dần dần mất luôn tinh thần đối thoại để dàn xếp những bất đồng.

Bước vào thế kỷ thứ hai mươi, chúng ta phải giải quyết cùng một lúc hai vấn đề vô cùng khó khăn: giành chủ quyền dân tộc và thích nghi với một nền văn minh mới. Vì không đồng ý được với nhau trên một dự án quốc gia mới nên chúng ta đã xung đột với nhau ngay cả trên mục tiêu mà mọi người Việt Nam đều ao ước là lấy lại quyền tự chủ. Chúng ta đã chia rẽ, lên án nhau, mạt sát nhau và tiêu diệt nhau, với kết quả sau cùng là phải chuốc lấy một trong những chế độ độc tài tồi tệ nhất; trong khi các dân tộc khác dù không tồn hay chỉ tồn rất ít xương máu cũng đã được độc lập, và trong nhiều trường hợp còn xây dựng được cả dân chủ.

Ngày hôm nay chúng ta đang mất chủ quyền kinh tế và nhiều vùng đất có giá trị cao cũng đã vào tay người ngoại quốc; nhân dân ta cơ cực và chán nản, đất nước ta kiệt quệ và bế tắc. Các vấn đề kinh tế, xã hội, môi sinh, đạo đức, giáo dục, nhân mãn, v.v... chồng chất không được giải quyết càng ngày càng trở nên gay gắt hơn và chẳng bao lâu nữa có thể sẽ không còn giải đáp nếu đã băng hoại này cứ tiếp tục. Nước Việt Nam lúc đó có thể bị xóa tên khỏi danh sách các dân tộc có quyền nói tới hạnh phúc. Nhiệm vụ lịch sử của thời đại chúng ta là giải thoát dân tộc khỏi cảnh lầm than hiện nay và cứu đất nước khỏi nguy cơ bị thua kém vĩnh viễn.

Nguy cơ thua kém vĩnh viễn cũng là nguy cơ mất nước bởi vì trong thời đại này, khi ý niệm quốc gia dân tộc đang bị công phá từ mọi phía và đang bị xét lại, những quốc gia không đem lại được hạnh phúc, niềm tự hào và hy vọng

vươn lên không sớm thì muộn cũng sẽ bị giải thể.

Con đường ra khỏi bế tắc và vươn lên của chúng ta là dân chủ đa nguyên và nhân quyền. Dân chủ để đặt những vấn đề một cách đúng đắn và chọn một cách đúng đắn những giải pháp và những người trách nhiệm. Đa nguyên để tôn trọng mọi khác biệt, và để thực hiện hòa giải dân tộc sau những xung đột đẫm máu. Nhân quyền để phát huy sinh lực và sáng kiến của mọi người.

Lịch sử của mọi dân tộc đều chứng tỏ nhân quyền chưa bao giờ ngăn cản ai xây dựng đời mình và dân chủ chưa bao giờ cấm đoán một dân tộc nào tiến lên. Dân chủ đi trước và mở đường cho phát triển, phát triển củng cố và phát huy dân chủ. Đó phải là lập trường căn bản của chúng ta.

Nhìn lại đoạn đường đã đi qua ta phải nhìn nhận rằng nguyên nhân của mọi đổ vỡ mà nước ta đã phải chịu đựng là chúng ta đã không đầu tư đủ suy nghĩ để nhận diện những vấn đề trọng đại đặt ra cho mình và để tìm ra hướng giải quyết. Ở mỗi thời điểm, chúng ta luôn luôn thiếu một dự án chính trị thích nghi với thời đại mới và phù hợp với hoàn cảnh đất nước. Cuối cùng chúng ta đã tàn sát nhau vì những ý hệ vay mượn mà chúng ta bảo vệ một cách đam mê hơn cả những dân tộc đã khởi xướng ra chúng.

Đầu tư suy nghĩ vào một dự án chính trị như vậy là điều mà chúng ta phải làm trước hết.

Tổ chức xã hội rõ ràng là chìa khóa của tiến bộ, là yếu tố quyết định chỗ đứng và sự vinh nhục của các dân tộc. Nhưng tổ chức xã hội không thể có bằng sự áp đặt máy móc một khuôn mẫu mà phải được hình thành sau một quá trình trao đổi, do sự gặp gỡ giữa trí tuệ và những thực tại lịch sử, địa lý, văn hóa, đạo đức của mỗi dân tộc.

Máu và nước mắt của nhân dân, những đổ vỡ của đất nước, sự tủi nhục vì thua kém buộc chúng ta rút ra một bài học dứt khoát là phải từ bỏ tâm lý nóng vội, từ bỏ óc độc quyền lễ phải, chế ngự lòng đam mê để đối thoại và thỏa hiệp với nhau trong tinh thần tương kính.

Thái độ lương thiện và xây dựng ấy xuất phát từ nhận thức rằng mọi người

Việt Nam đều ràng buộc với nhau trong một thân phận chung: nếu đất nước chúng ta giàu mạnh cuộc sống của chúng ta sẽ khá hơn và tất cả chúng ta đều được kính trọng; ngược lại nếu đất nước chúng ta nghèo khổ và lạc hậu, tất cả chúng ta đều bị coi thường, bất luận chúng ta thuộc thành phần nào, đảng phái nào, hay theo chủ nghĩa nào. Trong hoàn cảnh bi đát hiện nay, điều tốt nhất cho mỗi người cũng là điều tốt nhất cho mọi người.

Dự án chính trị này có tham vọng đóng góp vào một cương lĩnh chính trị cho tập hợp dân chủ Việt Nam. Nó muốn được đón nhận như một tài liệu để thảo luận. Thảo luận để đi đến kết hợp giữa những người cùng theo đuổi một lý tưởng chung là xây dựng một đất nước Việt Nam mà những con người hôm nay có thể chấp nhận và các thế hệ mai sau có thể tự hào.

II. Bối cảnh quốc tế và Việt Nam

Chúng ta đang đứng trước một thế giới đầy hy vọng và thử thách. Các chế độ độc tài đang theo nhau sụp đổ. Làn sóng dân chủ đang trời dậy mạnh mẽ trên khắp thế giới. Các dân tộc vừa được giải tỏa khỏi ám ảnh thế chiến vừa được một cơ hội vô cùng thuận lợi để loại bỏ những tập đoàn chuyên chính và tổ chức lại xã hội của mình một cách hợp lý hơn. Nhưng mặt khác họ cũng bị đặt trước một thế giới tranh đua gay gắt hơn, với các thông số đã đổi mới.

Thế giới đang trải qua một cuộc chuyển hóa trọng đại. Các tiến bộ khoa học kỹ thuật dồn dập tới hằng ngày làm thay đổi hẳn bản chất của hoạt động kinh tế và những trao đổi giữa các quốc gia, đẩy các quốc gia vào một cuộc cạnh tranh dữ dội. Một trật tự mới chưa hình thành trong khi nhiều dấu hiệu đáng ngại đã xuất hiện. Sự tranh đua tìm kiếm hiệu năng tối đa, phẩm chất cao nhất và giá thành thấp nhất không những buộc mọi xí nghiệp xét lại phương thức sản xuất và quản trị mà còn buộc nhiều quốc gia xét lại mô thức xã hội của mình. Thất nghiệp lên cao ngay tại các nước phát triển nhất. Mô thức Tây Âu từ trước tới nay vẫn được coi, và xứng đáng được coi, là lý tưởng nhất vì dung hòa được một mức độ phát triển rất cao với một liên đới xã hội rất lớn đang gặp khó khăn trước sự cạnh tranh của những nền kinh tế thuần túy thị trường. Đối với các nước chưa phát triển và cần được trợ giúp, các định chế tài chánh quốc tế không ngừng khuyến cáo và áp đặt những biện pháp ổn định tiền tệ mà hậu quả rõ nét nhất là chiết giảm những chi phí xã hội cần thiết để duy trì liên đới quốc gia.

Tuy vậy xu hướng căn bản toàn cầu vẫn là sự ra đời của một kỷ nguyên mới. Đó là kỷ nguyên đặt nền tảng trên những giá trị đã tạo ra sức mạnh của các nước Phương Tây: *hòa bình, tự do, dân chủ, nhân quyền, bình đẳng, nhà nước pháp trị, đối thoại, hợp tác, lợi nhuận*. Những thành tựu khoa học, kỹ thuật và kinh tế quyết định chỗ đứng của các dân tộc. Trong nhất thời, vai trò lãnh đạo thế giới thuộc về Hoa Kỳ và Tây Âu. Trong vài thập niên nữa, một phần

quan trọng của vai trò lãnh đạo sẽ chuyển sang khu vực Thái Bình Dương. Sau đó Trung Quốc và Nga cũng sẽ vươn lên giành một vai trò quan trọng hơn. Ngôi vị có thể thay đổi, các liên minh cũng sẽ thay đổi, nhưng luật chơi sẽ không thay đổi vì các giá trị nền tảng sẽ không thay đổi. Các quốc gia không hiểu luật chơi này, hoặc còn do dự không chịu mau chóng thích nghi với các giá trị mới phải chờ đón một tương lai rất đen tối.

Nét đậm nổi bật hiện nay là vai trò áp đảo của Hoa Kỳ. Hoa Kỳ vừa là cường quốc vượt trội về mọi mặt, vừa là cường quốc có nhiều tiềm năng tiến lên nhất, do đó thế thượng phong của Hoa Kỳ sẽ còn kéo dài trong thế kỷ tới. Trong vài thập niên nữa sẽ khó có vấn đề quốc tế quan trọng nào có thể giải quyết được nếu không có sự thỏa thuận của Hoa Kỳ. Hoa Kỳ vì vậy trở thành một vấn đề thế giới, và quốc gia nào dù muốn hay không cũng có vấn đề Hoa Kỳ của mình. Điều đáng mừng là cùng với sức mạnh vô địch đó Hoa Kỳ đồng thời cũng tỏ ra là cường quốc đem các vấn đề dân chủ và nhân quyền vào chính sách đối ngoại.

Nhưng nếu cả thế giới có vấn đề Hoa Kỳ thì các nước Đông Nam Á lại có vấn đề Trung Quốc. Trung Quốc đang phát triển về mặt kinh tế và đang gia tăng sức mạnh quân sự. Điều đáng lo ngại là Trung Quốc cho tới nay tỏ ra muốn sử dụng sức mạnh quân sự đó cho một chính sách bá quyền khu vực. Châu Á cũng là khu vực có nhiều hiểm họa chiến tranh nhất trên thế giới hiện nay. Sự kiện Trung Quốc vừa gia tăng sức mạnh quân sự vừa để lộ một số tham vọng bá quyền đã làm mọi nước trong vùng lo ngại. Mỗi quan tâm đối với Trung Quốc đã là nguyên nhân cho một cuộc chạy đua vũ trang nguy hiểm trong vùng, làm cho tình hình căng thẳng thêm. Trong tình huống đó, Việt Nam là nước có nhiều tranh tụng nhất với Trung Quốc lại cũng là nước không có khả năng tài chánh để tân trang vũ khí và tăng cường quân lực. Sức mạnh quân sự của chúng ta sút kém một cách báo động trong khi áp lực gia tăng.

Một yếu tố đầy ý nghĩa là sự mạnh lên, và nhiều khi giành lại được chính

quyền, của các đảng phái kết hợp những người cộng sản cũ tại Đông Âu và Liên Xô cũ. Tại các nước này, các đảng cộng sản đã can đảm từ bỏ độc quyền chính trị và chấp nhận luật chơi dân chủ. Trong nhiều trường hợp họ đã mất chính quyền nhưng nhờ biết thích nghi với tình hình mới họ đã trở thành những đảng dân chủ và đã giành lại được chính quyền một cách hợp pháp tại nhiều nước. Nhờ tinh thần hòa giải dân tộc, các quốc gia này đã chuyển hóa thành công về dân chủ trong hòa bình.

Các nước cộng sản cũ tại Đông Âu và Liên Xô đã gặp rất nhiều khó khăn và xáo trộn về mặt kinh tế và xã hội trong giai đoạn chuyển tiếp, do di sản cực kỳ bi đát của các chế độ cộng sản để lại, nhưng đã vượt qua được hay sắp vượt qua được. Sinh hoạt kinh tế xã hội đã bắt đầu ổn vững, nhiều nước đã phát triển mạnh, nhiều nước đang bắt đầu phát triển, các quốc gia còn lại đang trên đường ra khỏi giai đoạn khó khăn. Các nước cộng sản đã chấp nhận dân chủ hóa giờ đây có thể hướng về tương lai với niềm tin và hy vọng. Trái lại, bốn chế độ cộng sản ngoan cố - Việt Nam, Trung Quốc, Bắc Triều Tiên, Cuba - vẫn còn là những bệnh nhân chưa được giải phẫu với một ngày mai đầy bất trắc. --

Hiện tượng rất mới và cần được ý thức đúng mức là sự xuống cấp toàn cầu của ý niệm quốc gia dân tộc. Nhiều quốc gia tan vỡ mà không hề bị ngoại xâm, tan vỡ trong hỗn loạn hay tan vỡ thành những quốc gia nhỏ; sự toàn vẹn của nước Canada, dân chủ và phồn vinh, đã chỉ được duy trì sau một cuộc trưng cầu dân ý rất khít khao, nhưng nguy cơ ly khai vẫn còn nguyên vẹn. Ý niệm quốc gia dân tộc đang bị công phá từ mọi phía. Từ bên ngoài do những kết hợp khu vực hứa hẹn một không gian hoạt động lớn hơn không gian quốc gia, từ bên trong do các cộng đồng ít người đòi bản thể, và từ cả trong lẫn ngoài do những công ty đa quốc gia và những trao đổi dồn dập và ngày càng gia tăng vận tốc. Các phương tiện giao thông và truyền thông hiện đại cũng đã làm cho trái đất nhỏ lại và đem con người tới gần nhau. Con người ngày hôm nay có khuynh hướng coi mình là công dân của thế giới trước khi là công dân của một nước. Ý niệm quốc gia dân tộc đang bị xét lại một cách gay gắt. Quốc gia không còn

là một cứu cánh thiêng liêng mà phải là một tình yêu, một phương tiện để xây dựng hạnh phúc cho dân tộc. Trong bối cảnh thế giới hiện nay và sắp tới, một quốc gia không được định nghĩa như một tình cảm, một đồng thuận, một dự án tương lai chung sẽ không còn lý do tồn tại. Một quốc gia không đảm bảo về an ninh và nhân phẩm, không đem lại phúc lợi và niềm tự hào cho người dân lại càng tan vỡ nhanh hơn và bi đát hơn. Trong thời đại mới này, chúng ta cần ý thức rằng các chế độ độc tài bạo ngược giết chết các quốc gia, càng tồi tệ và độc ác bao nhiêu chúng càng làm chết nhanh chóng các quốc gia bấy nhiêu.

Sự sụp đổ của khối cộng sản đã chấm dứt tranh chấp tư bản - cộng sản và làm mất vai trò của các liên minh ý thức hệ. Thay vào đó đã xuất hiện những liên minh có mục đích kinh tế, nổi bật nhất là các kết hợp khu vực. Thế giới đang dần dần được phân chia thành một số tập hợp địa lý lớn trong đó các quốc gia vừa cạnh tranh với nhau vừa nương tựa lẫn nhau trong cuộc thi đua với phần còn lại của thế giới. Trong lòng các tập hợp này các biên giới quốc gia, các hàng rào quan thuế càng ngày càng mờ nhạt đi, sự di chuyển của người, hàng hóa và tư tưởng càng ngày càng dễ dàng. Biên giới giữa ngoại giao và kinh tế càng ngày càng khó xác định. Các quốc gia tìm mọi cơ hội, dựa vào mọi lý do - tôn giáo, ngôn ngữ, đồng dạng về sản xuất, v.v... - để thất những mối bang giao, tạo những liên hệ hợp tác, thành lập các liên minh. Trong thế giới ngày nay cô lập là chết. Các quốc gia không muốn hay không có phương tiện để tham gia và vận dụng những liên hệ hợp tác này kể như tuyệt vọng, vì bị gạt ra ngoài lề sinh hoạt của một thế giới liên lập.

Bối cảnh thế giới hiện nay chứa đựng hai bất lợi lớn cho các nước chưa phát triển như Việt Nam.

Sự giải thể của phong trào cộng sản thế giới dĩ nhiên là điều rất đáng mừng, nhưng nó cũng đặt ra những vấn đề nghiêm trọng cho các nước chậm chân lỡ bước. Phong trào cộng sản thế giới đã là thảm kịch cho nhiều dân tộc nhưng cũng đã có tác dụng răn đe các cường quốc tư bản trong cách đối xử với các nước

chậm tiến.

Với sự biến mất của khối cộng sản, thế giới ngày nay gần giống như một quốc gia không có đối lập. Các nước kém mở mang sẽ gặp nhiều khó khăn mới. Chúng ta sẽ không còn phải lo ngại tệ chiếm đóng, thống trị và vơ vét tài nguyên của những thế kỷ trước nữa, nhưng cảnh cá lớn nuốt cá bé, mạnh được yếu thua là điều chắc chắn sẽ có. Những dân tộc phân hóa, chia rẽ, thiếu sáng kiến, chậm thích nghi sẽ là nạn nhân của trận đấu mới. Lần này sự chèn ép sẽ không trắng trợn và dăm man mà diễn ra theo những qui luật hợp pháp. Sự thua thiệt của các nước kém mở mang cũng sẽ tương tự như sự phá sản của các công ty yếu kém hoặc thiếu hiệu lực ngay trong lòng các nước tư bản.

Những tiến bộ dồn dập và trọng đại trong ngành vi điện tử và ngành tin học đang đưa tới một trào lưu tự động hóa càng ngày càng cao khiến cho nhân công rẻ không còn là một yếu tố tự nó đủ sức thuyết phục để lôi kéo đầu tư nữa, các nước kém mở mang đang mất dần đi một vũ khí chiến lược. Chính trị ổn vững, trật tự bảo đảm, luật pháp giản dị, thuế khóa nhẹ nhàng, điều kiện địa lý và nhân văn thuận lợi là những vũ khí chiến lược phải có để tranh thủ sự chú ý của các công ty quốc tế.

Ngược lại, bối cảnh thế giới mới cũng có những lợi điểm mà các nước kém mở mang có thể vận dụng.

Một là, các chế độ độc tài sẽ không còn được dung dưỡng vì những liên minh ý thức hệ nữa. Các dân tộc sẽ được cởi trói, nhiều sinh lực sẽ được giải tỏa, các quốc gia sẽ được quản trị một cách hợp lý hơn, dù là sau một thời gian dọ dẫm. Sự đào thải của các chế độ độc tài là may mắn rất lớn cho các nước chậm tiến. Kinh nghiệm đã cho thấy mọi chế độ độc tài đều độc hại. Dưới chiêu bài duy trì kỷ luật và trật tự, các chế độ độc tài chỉ là những sào huyệt tham nhũng và lạm quyền, cho phép những tập đoàn lưu manh, thoái hóa kèm kẹp nhân dân và ngăn cản mọi tiến bộ.

Hai là, kinh tế trở thành mối ưu tư hàng đầu của mọi quốc gia. Sự cạnh tranh gay gắt giữa các nước giàu mạnh với nhau trong một thế giới mà ngôi vị

thay đổi không ngừng cũng khiến các nước đã mở mang luôn luôn phải tìm những thị trường mới, những vận hội đầu tư mới. Các nước kém mở mang nếu biết tạo một bối cảnh xã hội ổn vững, những điều kiện kinh tế thuận lợi, nếu không bị lên án và cô lập sẽ có khả năng tìm được những nguồn hợp tác rất có lợi.

Ba là, do những tiến bộ về truyền thông và giao thông vận tải, cũng như do dân số trên trái đất càng ngày càng đông, thế giới đã nhỏ lại và các quốc gia đều trở thành liên thuộc với nhau và lệ thuộc lẫn nhau. Mọi quốc gia đều cảm thấy nhu cầu được sống trong một thế giới không bị đe dọa. Càng giàu có và phát triển các dân tộc càng thấy cần phải đảm bảo những thành tựu của mình bằng cách đóng góp cho một thế giới an bình và ổn vững. Do đó dù muốn dù không, các nước giàu mạnh cũng không thể để mặc các quốc gia khác sống trong sự bần cùng. Đây không phải là một bắt buộc do lòng nhân đạo, mà do thể liên thuộc mật thiết. Một thí dụ cụ thể là vấn đề môi sinh. Chernobyl không phải là một tai họa của riêng Ukrain. Các ống thoát khói tại Ấn Độ không phải chỉ ô nhiễm không gian của Ấn Độ, do đó không phải chỉ là vấn đề của Ấn Độ mà là vấn đề của cả thế giới. Sự phá hủy rừng Amazon không phải là vấn đề riêng của nước Brazil. Những ô nhiễm của vùng biển Việt Nam là vấn đề của cả Đông Nam Á. Một thí dụ khác là phong trào di dân từ các nước nghèo sang các nước giàu, đặt cho các nước giàu mạnh hàng loạt những vấn đề nan giải. Thế liên thuộc bắt buộc các nước mở mang tạo điều kiện để các nước chậm tiến có cơ hội để phát triển. Sự tương trợ này, dù chỉ xuất phát từ nguyện vọng của các nước phát triển là khỏi phải sống trong một thế giới quá nhiều hiểm họa, cũng là cơ may mà các nước thua kém có thể lợi dụng để vươn lên.

Bốn là, những đòi hỏi về hạnh phúc và tiện nghi của các dân tộc đã mở mang tăng lên mau chóng, có phần nhanh hơn cả đà phát triển kinh tế của họ. Số giờ làm việc ngày càng giảm đi, lương bổng ngày càng tăng thêm, các chi tiêu công cộng về xã hội, văn hóa, nghệ thuật, tiện nghi sẽ tăng cao kéo theo sự gia tăng về thuế khóa. Dĩ nhiên những phát minh mới sẽ không ngừng xuất hiện để hạ giá thành xuống và nâng phẩm chất lên, nhưng trong thế giới truyền

thông hiện nay các phát minh này nếu xuất hiện ở các nước đã phát triển cùng sẽ mau chóng được phổ biến sang các nước khác. Cuối cùng khuynh hướng chung tại các nước có mức sống cao vẫn là giá thành càng ngày càng tăng, tỷ lệ lợi nhuận giảm và phân tái đầu tư của tổng sản lượng quốc gia cũng giảm. Trong tình trạng này, nhân dân các nước kém mở mang, vì ít đòi hỏi về tiện nghi và tiêu thụ hơn, sẽ có khả năng chấp nhận những hy sinh và cố gắng hơn hẳn, do đó có triển vọng cạnh tranh hữu hiệu với các nước mở mang. Chúng ta có thể tiên liệu rằng, trước khi đi tới cạnh tranh về mọi mặt, thế giới sẽ trải qua một giai đoạn chuyển tiếp khá dài trong đó, nói chung, các nước vừa mới mở mang sẽ sản xuất phần lớn hàng hóa và vật dụng trong khi các nước đã đạt tới mức phát triển cao cung cấp phần lớn tư bản, dịch vụ, hàng hóa phẩm chất cao và thiết bị sản xuất. Cho nên đối với những quốc gia kém mở mang, trong một vài thập niên nữa, sự cạnh tranh gay go nhất sẽ là sự tranh đua giữa chính họ với nhau. Sự tranh đua này sẽ rất khó khăn đối với các nước hoặc kém mở mang nhất, hoặc không thích nghi thật nhanh với tình thế.

Trong một bối cảnh quốc tế như vậy, tương lai của Việt Nam rất bất bèngh.

Vai trò người lính tiền phong của khối Xô Viết mà chế độ cộng sản Việt Nam tự gán cho mình cùng với chính sách đối ngoại khiêu khích và xác xược từ 1975, cuộc tấn công và chiếm đóng Cam-bốt sau đó, sự theo đuổi một cách ngoan cố chủ nghĩa Mác-Lênin, những vi phạm trắng trợn về nhân quyền và dân quyền đã khiến Việt Nam lâm vào một thế cô lập lớn, mặc dầu trên nguyên tắc nước ta đã có quan hệ bình thường với mọi quốc gia và đã là thành viên của ASEAN. Việt Nam vắng mặt trong hầu hết mọi chương trình hợp tác và cũng vắng mặt trên mọi thị trường quốc tế quan trọng. Ngoại thương của Việt Nam không đáng kể, đầu tư còn ở mức thấp và gặp nhiều trắc trở, trong khi các quốc gia khác không ngừng vận dụng mọi sáng kiến để thu hút tư bản quốc tế dựa trên ưu thế sẵn có. Lợi tức quốc gia quá thấp đã khiến một chính quyền vô trách nhiệm bỏ rơi giáo dục, cơ sở hạ tầng, thiết bị sản xuất và ngay cả những ưu tư tối thiểu về lương thực và sức khỏe cho dân chúng.

Chất liệu nhân xà của chúng ta đã bị rách nát do những cuộc tương tàn kéo dài và thảm khốc, do tinh thần bất dung và thù hận mà những cuộc chiến này để ra, do chính sách phân biệt đối xử mà đảng cộng sản thi hành trong suốt thời gian qua, do chênh lệch giàu nghèo quá lộ liễu và do sự nghi hoặc toàn diện của dân chúng đối với các giá trị cơ bản của mọi xã hội.

Đất nước tiêu hao gần hết của cải vật chất. Công nghiệp đã bị quản lý một cách thô vụng lại còn phải chịu sự cạnh tranh bất chính của hàng nhập cảng lậu thuế. Nhiều thiết bị sản xuất đã cũ và lỗi thời nhưng vẫn chưa thay thế được. Nhiều cơ sở hạ tầng hư hao mà không được tu bổ.

Trong vòng mấy năm gần đây, chúng ta chứng kiến một thảm kịch mới: đó là sự hao mòn ngay ở nền tảng của đất nước. Cây rừng bị chặt phá để xuất khẩu tống tháo lấy ngoại tệ, bờ biển bị ô nhiễm, đất nước trở thành cằn cỗi. Đất nước không những chỉ bị hủy hoại mà còn bị đem bán, rất nhiều vùng đất có giá trị kinh tế chiến lược đã bị người ngoại quốc mua mất.

Đồng thời tài nguyên quý nhất của quốc gia là con người cũng bị xuống cấp một cách thâm trọng. Sức khỏe của nhân dân suy nhược vì thiếu dinh dưỡng, thuốc men và chăm sóc. Các chứng bệnh truyền nhiễm nguy hiểm lan tràn một cách báo động mà không có biện pháp ngăn chặn. Thanh thiếu niên bỏ học hàng loạt. Cuộc sống khó khăn làm con người càng ngày càng rời xa các giá trị căn bản của mọi xã hội: đạo đức, lương thiện, thật thà, cần cù, kỷ luật, v.v...

Giềng mối của xã hội cũng bị tan rã: bất công xã hội lộ liễu và thách đố, trộm cướp hoành hành công khai, buôn lậu trở thành một phong trào quốc gia, tham nhũng trở thành một thông lệ, sự dối trá, giật gịoc trở thành một nếp sống.

Trước thực trạng nguy ngập đó, nhà cầm quyền thay vì dồn mọi cố gắng để cứu nước lại áp đặt làm mục tiêu hàng đầu việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, một chủ nghĩa đã bị cả thế giới, kể cả các nước đã khai sinh ra nó, từ bỏ và đã bị nhân dân Việt Nam coi là nguyên nhân của tình trạng bi đát hiện nay. Nhà nước vì vậy trở thành một bộ máy khủng bố thô bạo và một tai họa. Tai họa đó kéo dài quá lâu cho nên người dân, bất lực và chán chường, không những chỉ ghét chính quyền mà còn dần dần mất cả lòng tin vào đất nước. Mong ước

của rất nhiều người Việt Nam ngày hôm nay là được rời khỏi Việt Nam và làm công dân của một nước khác. Chúng ta đang tiến dần tới sự giải thể quốc gia. Chúng ta phải thét lên tiếng hô báo động. Nếu đà này tiếp tục, ý niệm quốc gia có lúc sẽ mất hết nội dung, các ý đồ ly khai, tự trị sẽ xuất hiện và tăng trưởng, các thế lực ngoại bang sẽ càng ngày càng có điều kiện khuynh loát chúng ta, trong một thế giới mà ý niệm quốc gia dân tộc đang bị chất vấn. Sự tồn vong của chính đất nước cũng không chắc chắn.

Ngược lại, chúng ta cũng có những căn bản tốt cần sử dụng triệt để cho cố gắng phục hưng.

Chúng ta có một ngôn ngữ đồng nhất trong cả nước, một ngôn ngữ dễ học và khá đầy đủ để chuyển chở văn hóa, khoa học, kỹ thuật.

Chúng ta có một dân số khá đông đảo, gần 80 triệu dân, đứng hàng thứ 13 trên thế giới. Dân số đông đảo này tuy là một trở ngại lớn cho cố gắng nâng cao mức sống nhưng cũng là một sức mạnh. Người Việt Nam ta minh mẫn và siêng năng trên mức trung bình. Trong quá khứ chúng ta đã chứng tỏ khả năng tiếp thu mau chóng các khoa học và kỹ thuật mới nhất, sinh viên Việt Nam đã thành công đông đảo và mỹ mãn trong những cuộc thi tuyển khó khăn tại mọi quốc gia trên thế giới, thợ Việt Nam học nghề mau chóng và được sự thán phục của mọi người. Gần đây những người Việt Nam di tản ra nước ngoài cũng đã chứng tỏ một khả năng thích ứng xuất sắc với điều kiện sinh hoạt hoàn toàn mới. Có thể nói chúng ta là một dân tộc tinh anh. Một vốn liếng như vậy dù có bị soi mòn đến đâu đi nữa cũng không thể mất hẳn trong vòng một hai thế hệ. Nếu tìm ra được tổ chức xã hội hợp lý con người Việt Nam có thể phục hồi được. Và một khi con người Việt Nam đã được phục hồi chúng ta sẽ có một tài nguyên nhân lực rất hùng hậu.

Trong suốt dòng lịch sử khó khăn nhưng oanh liệt, người Việt Nam đã biểu lộ một nguyện vọng tha thiết muốn giữ nước để sống chung với nhau và xây dựng cùng nhau một tương lai Việt Nam chung. Lòng yêu nước của người Việt dù đã suy giảm vì thất vọng và bức bối vẫn còn có thể khôi phục. Dân tộc Việt

Nam đã chứng tỏ một sức sống phi thường, đã thắng được nhiều thử thách vô cùng cam go. Chúng ta vẫn còn đủ sức để vượt qua thử thách hôm nay nếu biết kịp thời trấn tĩnh.

Chúng ta có một địa lý vô cùng thuận lợi. Đất đai của ta tuy hẹp nhưng phì nhiêu, nông nghiệp của ta nếu hoạt động một cách hợp lý không những có khả năng sản xuất đủ lương thực cho dân chúng mà còn có khả năng xuất cảng. Bờ biển của ta dài và đẹp, nước ta nằm ngay sát nhiều trục giao thông quan trọng và ở ngay giữa một vùng đang phát triển mạnh mẽ có tất cả mọi triển vọng để trở thành một trung tâm kinh tế chiến lược lớn của thế giới. Chúng ta có tiềm năng của một quốc gia rất lớn về du lịch, công nghiệp và thương nghiệp.

Chúng ta đang sống một thay đổi tư duy mang rất nhiều hy vọng. Những cuộc chiến khốc liệt tàn phá đất nước đã khiến người Việt Nam ý thức cái tai hại của bạo lực. Chúng ta đã đạt tới đồng thuận rằng hòa bình là giá trị đáng quý nhất trong mọi giá trị. Kinh nghiệm các chế độ độc tài gian trá kế tiếp nhau cũng đã giúp chúng ta tin tưởng một cách thâm kín vào tự do dân chủ. Chiến tranh lạnh chấm dứt cũng đang giúp chúng ta đoạn tuyệt với tâm lý trông cậy ở các liên minh ý thức hệ để dựa vào chính mình, và do đó đã hiểu rằng cần phải hòa giải với nhau, đoàn kết với nhau để giải quyết những vấn đề chung và xây dựng tương lai chung. Chúng ta cũng đã chấm dứt được những bàn cãi về mô thức kinh tế để nhận định rằng chỉ có một nền kinh tế thị trường lấy cạnh tranh và sáng kiến cá nhân làm nền tảng là có thể thành công. Chúng ta cũng đã thấu hiểu trong óc, trong tim, trong da, trong thịt những hậu quả bi đát của hận thù và chia rẽ. Trên rất nhiều điểm cơ bản, trí tuệ Việt Nam đã được khai thông.

III. Những niềm tin nền tảng

Thời đại của các chủ nghĩa và ý thức hệ đã chấm dứt. Thời đại của chúng ta là thời đại đa nguyên và không ngừng biến đổi, trong đó không còn những chân lý không thể đặt lại. Tuy vậy, một tập hợp chính trị trong mỗi giai đoạn vẫn cần đồng thuận trên một số nhận định nền tảng.

Giữa những thay đổi dồn dập đòi hỏi những chính sách và biện pháp đa dạng và phức tạp để thích nghi với tình thế, người dân cần nắm vững những chọn lựa nền tảng, nghĩa là những gì không thay đổi và giải thích cái tại sao của các biện pháp và chính sách. Đó là điều kiện để đất nước không mất phương hướng và để người dân có thể hiểu và đóng góp một cách có ý thức vào sinh hoạt quốc gia. Chúng ta là một dân tộc đông đảo và phải đương đầu với rất nhiều vấn đề trầm trọng và gai góc, công việc của chúng ta chắc chắn là rất phức tạp. Chính sự phức tạp đó đòi hỏi chúng ta phải trình bày một cách thực rõ ràng những chọn lựa có tính chủ thuyết, chủ thuyết được hiểu theo nghĩa không phải là chủ nghĩa hay ý thức hệ, cũng không phải là những học thuyết với cấu trúc lý luận phức tạp, mà là những ý kiến đơn giản được coi là đúng và được lấy làm căn bản cho các chính sách và biện pháp.

Ngoài những giá trị và ý niệm đã sáng tỏ và chỉ cần được thể hiện một cách sáng suốt, mạch lạc và với quyết tâm, còn có ba vấn đề lớn đã gây nhiều tranh cãi và có thể sẽ còn gây nhiều tranh cãi: đó là một thể chế dân chủ đa nguyên, một quan điểm về phát triển đất nước, và tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc. Chúng ta cần dứt khoát tư tưởng trên ba chủ đề đó.

1. Dân chủ đa nguyên

Để thoát khỏi bế tắc hiện nay và hội nhập vào thế giới tiến bộ, để có thể động viên một cách hữu hiệu mọi sinh lực quốc gia vào cố gắng vươn lên mưu tìm một chỗ đứng xứng đáng trong cộng đồng quốc tế, Việt Nam không có chọn

lựa chính trị nào khác hơn là một thể chế dân chủ đa nguyên.

Dân chủ đa nguyên không những là chọn lựa hiển nhiên cho Việt Nam mà còn là hướng đi tất yếu của loài người tiến bộ.

Cuộc tranh cãi gay go nhất trong thế kỷ hai mươi đã là cuộc tranh cãi về dân chủ. Hàng chục triệu người trên khắp thế giới đã thiệt mạng vì những xung đột gây ra bởi cuộc tranh cãi này. Vấn đề cốt lõi là làm thế nào để người dân quyết định vận mệnh đất nước về nhiều công thức đã được đề ra và thử nghiệm.

Trước hết có dân chủ kiểu Phương Tây. Nhưng cũng đã có dân chủ kiểu Mác-Lênin, thường được biết đến dưới những cụm từ "dân chủ nhân dân", "dân chủ xã hội chủ nghĩa" v.v... Hai mô thức này đã đụng độ nhau dữ dội. Một bên nhân danh tự do, một bên giương chiêu bài công bằng xã hội. Ở giữa hai thái cực này người ta còn thấy nhiều chế độ "dân chủ gân guốc" như đã từng thấy tại Châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ la-tinh, trên thực tế là những chế độ độc tài chỉ khác với các chế độ cộng sản ở sinh hoạt kinh tế. Mọi chế độ đều tự nhận mình là dân chủ mặc dù bản chất rất khác nhau.

Nhiều người nói nền dân chủ kiểu Phương Tây mà hầu hết các quốc gia trên thế giới đã lựa chọn tự nhiên đã có đa nguyên. Điều này có phần đúng, nhưng cụm từ "dân chủ đa nguyên" có ý nghĩa đặc biệt quan trọng của nó, nhất là đối với người Việt Nam trong giai đoạn hiện tại. Nó nói lên một tinh thần, một thái độ và một lý tưởng. Tinh thần đó là tinh thần bao dung và khoan nhượng, tôn trọng mọi người, mọi ý kiến. Thái độ đó là thái độ khước từ thẳng thắn mọi hình thức độc tài chuyên chính, kể cả, và nhất là, thứ "dân chủ" bịp bợm mệnh danh là "dân chủ tập trung" hay "dân chủ xã hội chủ nghĩa" dành địa vị độc tôn cho một chủ nghĩa. Lý tưởng đó là lý tưởng xây dựng đất nước Việt Nam có chỗ đứng xứng đáng và ngang nhau cho tất cả mọi người.

Đa đảng chưa phải là đa nguyên nếu mọi khuynh hướng không được nhìn nhận một chỗ đứng ngang nhau. Trong những ngày độc đoán và giáo điều nhất của nó, chế độ cộng sản Việt Nam cũng đã có ba hoặc bốn đảng, nhưng không phải vì thế mà nó đã có đa nguyên. Đa đảng chỉ là yếu tố cần, nhưng chưa đủ,

của đa nguyên. Đa nguyên là một tinh thần, trong khi đa đảng chỉ là một con số.

Trong cuộc tranh hùng với phong trào cộng sản, các nước Phương Tây đã lấy một quyết định vô cùng táo bạo là thay vì co cụm lại trong một kỷ luật tự vệ xơ cứng lại phát triển tối đa nền dân chủ của họ, mà nét đậm nhất là sự tôn trọng mọi khác biệt trong xã hội, và họ dần dần tiến tới dân chủ đa nguyên. Tuy vậy nhiều thể chế tư bản Phương Tây chưa phải là những nền dân chủ đa nguyên theo đúng nghĩa của nó. Các nước Phương Tây ở vào những mức độ đa nguyên khác nhau.

Dân chủ đa nguyên là sự hội nhập và ứng dụng triết lý đa nguyên vào đời sống chính trị. Căn bản của triết lý đa nguyên là tinh thần bao dung, là sự nhìn nhận và tôn trọng mọi khác biệt trong xã hội. Dĩ nhiên tính đa nguyên có trong mọi xã hội và nếu muốn nguy biến thì xã hội nào cũng đa nguyên cả, nhưng điều độc đáo là dân chủ đa nguyên thay vì coi sự hiện diện của những thành tố khác biệt như một thực tại phải nhìn nhận và khắc phục, lại coi như một lẽ tự nhiên, một sự phong phú cần được khuyến khích và khai thác. Đó là một phong cách sinh hoạt chính trị. Dân chủ đa nguyên là dân chủ nhưng không phải dân chủ nào cũng là dân chủ đa nguyên.

Dân chủ đa nguyên là một hệ thống chính trị mới với những đặc tính bất buộc của nó. Ta có thể nhấn mạnh năm đặc tính:

Một là: dân chủ đa nguyên nhìn nhận và tôn trọng chỗ đứng và tiếng nói ngang nhau cho mọi người thuộc mọi thành phần xã hội, mọi tín ngưỡng và mọi khuynh hướng chính trị. Dân chủ đa nguyên lên án mọi phân biệt đối xử, nó chống đối quyết liệt chế độ độc đảng. Một cách cụ thể bản hiến pháp của một thể chế dân chủ đa nguyên không thể chứa đựng bất cứ một qui chiếu nào về một chính đảng, một chủ nghĩa hay một tôn giáo.

Hai là: ngoài nguyên tắc phân quyền phải có trong mọi nền dân chủ xứng đáng với tên gọi của nó, dân chủ đa nguyên đòi hỏi tản quyền để tôn trọng sự khác biệt giữa các địa phương. Một chính quyền dù xuất phát từ bầu cử tự do

đi nữa cũng không phải là dân chủ đa nguyên nếu phần lớn quyền hành tập trung trong tay chính quyền trung ương. Trong một thể chế dân chủ đa nguyên các chính quyền địa phương, do nhân dân địa phương bầu ra, phải có những quyền luật định rộng rãi để tổ chức cuộc sống phù hợp với bối cảnh riêng của mỗi vùng. Mỗi vùng phải có diện tích và dân số ở mức độ thỏa đáng để có thể là những thực thể đủ tầm vóc để tự quản được và phát triển được. Như thế một số nguyên nhân xung đột sẽ tự nhiên được giải tỏa. Các sắc tộc ít người sẽ có được tiếng nói đáng kể tại các địa phương mà họ tập trung đông đảo. Các chính đảng không có được đa số trong các cuộc bầu cử toàn quốc vẫn có thể nắm được chính quyền tại những địa phương nơi họ được tín nhiệm. Dân chủ đa nguyên làm nhẹ đi mối căng thẳng chính quyền - đối lập và bẻ gãy mối xung khắc "được làm vua thua làm giặc". Tản quyền đưa tới hệ luận là chính quyền trung ương không cai trị trực tiếp mà chỉ đảm nhiệm các sứ mạng quốc phòng, ngoại giao, tiền tệ và phối hợp giữa các địa phương. Một vai trò khác của chính quyền trung ương là thực hiện các công trình cơ sở hạ tầng trên qui mô cả nước và trợ giúp các chương trình địa phương đáng khuyến khích.

Ba là: dân chủ đa nguyên đặt nền tảng trên xã hội dân sự. Bên cạnh các chính đảng, các cộng đồng sắc tộc, địa phương và tôn giáo, các hiệp hội công dân tổ chức theo ngành nghề, quyền lợi, nhân sinh quan, sở nguyện, ưu tư, v.v... được hoạt động độc lập với chính quyền, được nhìn nhận một chỗ đứng trọng yếu, được có tiếng nói và ảnh hưởng trong sinh hoạt cũng như trong sự tiến hóa của xã hội. Nhà nước tự coi mình là có sứ mạng phục vụ xã hội dân sự chứ không khống chế xã hội dân sự, không định đoạt sinh hoạt thường ngày thay cho xã hội dân sự. Về mặt kinh tế, điều này có nghĩa là nền kinh tế quốc gia phải đặt nền tảng trên các xí nghiệp tư, khu vực quốc doanh phải được giới hạn ở mức tối thiểu và nếu không có thì càng hay. Vai trò nền tảng của các hiệp hội công dân đa dạng là một bảo đảm chắc chắn cho sự chuyển hóa thường trực, tự nhiên và liên tục của xã hội, tránh những xáo trộn đột ngột và đầy đổ vỡ của các cuộc cách mạng.

Bốn là: dân chủ đa nguyên kính trọng các thiểu số và luôn luôn mưu tìm

thỏa hiệp. Trong một thể chế dân chủ đa nguyên, nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số không được sử dụng một cách tự động và máy móc mà chỉ được dùng tới sau khi đã tận dụng mọi cố gắng để tìm đồng thuận. Dân chủ đa nguyên chống lại mọi hình thức chuyên chính, kể cả chuyên chính của đa số. Bình thường trong một thể chế dân chủ sự chính đáng của một chính quyền dựa trên kết quả của cuộc bầu cử cuối cùng, nhưng trong dân chủ đa nguyên sự chính đáng của một chính quyền còn nằm cả trong sự thành khẩn tìm đồng thuận trong mọi quyết định quan trọng.

Năm là: dân chủ đa nguyên trong bản chất của nó tôn trọng mọi thành phần dân tộc và không thể để một thành phần này bóc lột và chà đạp một thành phần khác. Vì thế dân chủ đa nguyên coi rất trọng công bằng xã hội và không thể đi đôi với cái thường được gọi là "tư bản rừng rú".

Trong một thể chế dân chủ đa nguyên, nhà nước không còn là người chỉ huy tuyệt đối. Vai trò của nhà nước là đảm nhiệm ba chức năng: trọng tài trong các quan hệ giữa các thành tố của xã hội, chế tài những vi phạm; và hòa giải những đòi hỏi mâu thuẫn của các thành phần dân tộc. Nhà nước hòa giải thay vì nhà nước chỉ huy là nét đậm của dân chủ đa nguyên. Nó phân biệt hẳn dân chủ đa nguyên với các chế độ chuyên chính, nhưng nó cũng khiến dân chủ đa nguyên khác với nhiều chế độ dân chủ trong đó chính quyền vẫn còn tham vọng định đoạt thay cho xã hội dân sự.

Với sự tôn trọng mọi khác biệt, với vai trò nền tảng của xã hội dân sự gồm vô số các cộng đồng, hiệp hội công dân và các xí nghiệp, với tổ chức chính trị tản quyền, xã hội đa nguyên là sự kết hợp vô cùng phức tạp của vô số liên hệ đan xen. Một xã hội phức tạp như vậy chỉ có thể tồn tại được với những luật lệ rõ ràng, minh bạch và được áp dụng triệt để. Nhà nước trong một thể chế dân chủ đa nguyên chỉ có thể là một nhà nước pháp trị. Nhà nước văn minh nào cũng phải là một nhà nước pháp trị nhưng nhà nước dân chủ đa nguyên phải là một nhà nước pháp trị toàn vẹn.

Nhìn vào thực trạng Việt Nam, nếu có một điều mà chúng ta có thể quả

quyết thì đó là với tình trạng hận thù chồng chất, khủng hoảng niềm tin và thiếu đồng nhất về lập trường hiện nay không thể áp đặt một lực lượng nào hay một đường lối nào mà không gặp sự chống đối mạnh mẽ. Thể chế Việt Nam tương lai phải là một thể chế tôn trọng mọi khác biệt, dành chỗ đứng và tiếng nói ngang nhau cho mọi người và cho mỗi người. Thể chế này do đó bắt buộc phải là một thể chế dân chủ đa nguyên.

Nhiều người viện cố dân ta chưa đủ kinh nghiệm dân chủ, tinh thần kỷ luật còn chưa cao, lòng người còn phân tán, v.v... để cho rằng dân chủ là một xa xỉ phẩm đối với Việt Nam. Như vậy phải chăng chúng ta đành phải tạm thời chấp nhận một phân lượng độc tài nào đó? Để trả lời câu hỏi này, chúng ta chỉ cần so sánh những thành tựu của các nước dân chủ với thành tích tồi tệ của các chế độ cộng sản, nhìn vào những gì mà các chế độ độc tài cánh hữu đã từng đem lại cho các nước Châu Á, Châu Phi và Châu Mỹ la-tinh.

Một số thất vọng đối với dân chủ đã xuất hiện sau những khó khăn ban đầu tại các nước vừa thiết lập dân chủ và đã được các chế độ độc tài khai thác triệt để như một lý do để trì hoãn dân chủ. Chúng ta cần khẳng định rằng những thất vọng này xuất phát từ một ngộ nhận về dân chủ. Thành công của mọi chế độ đòi hỏi những chọn lựa đúng đắn và những con người có khả năng. Dân chủ không đem cơm áo và sự phồn vinh để phát không. Dân chủ không thay thế cho những chọn lựa và những con người. Nhưng dân chủ là một phong cách sinh hoạt cho phép đặt các vấn đề một cách đúng đắn và chọn lựa một cách đúng đắn những người có trách nhiệm. Dân chủ, và nhất là dân chủ đa nguyên, cũng là một phương thức tổ chức xã hội cho phép phát huy triệt để ý kiến và sáng kiến, động lực cơ bản nhất của tiến bộ. Vì thế mức độ dân chủ quyết định một giới hạn trên cho phát triển. Dân chủ càng cao, khả năng phát triển càng cao.

Ngược lại, các chế độ độc tài cấm cản ý kiến và sáng kiến, ngăn chặn tiến hóa hòa bình và liên tục của xã hội, dung túng tham nhũng, bất công và lạm quyền, và do đó ngăn cản phát triển. Chúng ta cần cảnh giác là không thể có những chế độ độc tài sáng suốt bởi vì nền tảng của mọi chế độ độc tài là sự kiêu

căng bệnh hoạn của một nhóm người tự nghĩ rằng họ đủ thông minh để suy nghĩ thay cho cả một dân tộc. Nhà độc tài trước hết là một kẻ u mê. Và lại, nếu quan sát, ta có thể thấy hầu hết các tập đoàn độc tài đều thiếu văn hóa.

Di nhiên dân chủ đa nguyên không thể đem lại tất cả mọi phúc lợi của nó trong những điều kiện dân trí, xã hội và kinh tế chưa tốt đẹp, nhưng ngay cả trong trường hợp này dân chủ đa nguyên vẫn còn hơn xa độc tài.

Chúng ta khẳng định: dân chủ đa nguyên thực sự và ngay tức khắc.

Để có dân chủ đa nguyên thực sự, điều chúng ta phải làm trước hết là xóa bỏ những hận thù do một quá khứ đầm máu để lại và được một chính sách phân biệt đối xử nuôi dưỡng suốt thời gian qua. Hòa giải dân tộc là một bắt buộc của hoàn cảnh lịch sử. Có như thế chúng ta mới có thể chấp nhận lẫn nhau, nhận lỗi với nhau và tha lỗi cho nhau, để chung sống với nhau và bắt tay nhau xây dựng một tương lai chung. Còn nếu không đa nguyên cùng lắm chỉ có nghĩa là tạm thời chịu đựng lẫn nhau do một so sánh lực lượng chưa ngã ngũ. Đa nguyên mà không có hòa giải dân tộc như vậy chỉ là đa nguyên bệnh hoạn, chỉ chuẩn bị cho một sự thanh toán lẫn nhau. Ngược lại hòa giải mà không có đa nguyên chính trị cũng chỉ là hòa giải bịp bợm, hòa giải trong sự khuất phục của kẻ bị trị trước kẻ thống trị.

Đất nước ta không phải chỉ có những hận thù do chiến tranh để lại. Chúng ta còn có vô số nguyên nhân chia rẽ mà chúng ta đã không giải quyết được vì ta đã không ý thức được tầm quan trọng của các vấn đề đặt ra, hay vì hoàn cảnh chiến tranh đã không cho phép ta giải quyết. Những cách biệt về tôn giáo, địa phương, sắc tộc, giàu nghèo, nhân sinh quan, chính kiến, v.v... không thiếu, và vì không được giải quyết nên càng ngày càng trở nên trầm trọng. Dân chủ đa nguyên, do tinh thần bao dung và mô thức tản quyền của nó là giải pháp giúp mọi thành phần dân tộc đều có chỗ đứng và tiếng nói, và do đó có thể chấp nhận lẫn nhau, xấp lại gần nhau, hòa hợp với nhau để cùng xây dựng một tương lai Việt Nam chung.

Không ai phủ nhận rằng đa nguyên là một lý tưởng đẹp, đẹp đến nỗi các

chế độ độc tài, dù bị khốn đốn vì nó, cũng không dám phủ nhận nó một cách dứt khoát.

Dân chủ đa nguyên đang trở thành đồng thuận căn bản của dân tộc ta trong cuộc hành trình về tương lai. Đó cũng là hướng đi tất yếu của loài người. Những người tranh đấu cho dân chủ đa nguyên có quyền tự hào vì mình đang theo đuổi một lý tưởng đẹp và cũng có quyền lạc quan vì mình đang tranh đấu cho một lập trường nhất định sẽ thắng lợi.

2. Hòa giải và hòa hợp dân tộc

Trong hơn bốn thế kỷ qua, kể từ khi họ Mạc cướp ngôi nhà Lê hồi đầu thế kỷ 16, nước ta liên tiếp đi từ cuộc chiến tranh này đến cuộc xung đột khác. Đất nước bị chia cắt nhiều lần trong gần hai thế kỷ, bị đô hộ và bị đặt dưới những chế độ hành chính khác nhau trong gần một trăm năm. Chiến tranh, nội loạn, trả thù, báo oán, bách hại đã là những yếu tố thường trực trong lịch sử cận đại của ta. Khốc liệt nhất là cuộc chiến sau cùng 1945-1975 trong đó lần đầu tiên chúng ta xung đột với nhau cả về ý thức hệ, và sau đó phe chiến thắng thi hành chính sách bỏ tù và hạ nhục, đồng thời với vô số biện pháp phân biệt đối xử.

Do hoàn cảnh lịch sử, chất liệu nhân xã của chúng ta đã bị tổn thương nặng nề. Những đổ vỡ đòi hỏi một thời gian hàn gắn rất lâu dài, do đó tinh thần căn bản của mọi chính sách cho nhiều thế hệ tới sẽ phải là hòa giải và hòa hợp dân tộc. Hòa giải dân tộc để xóa bỏ những hận thù và hiềm khích của quá khứ để đi đến hòa hợp dân tộc trong cố gắng xây dựng một tương lai chung.

Trong một thế giới thay đổi dồn dập như hiện nay, quốc gia nào cũng phải chịu những xáo trộn không ngừng. Ngành này tiến lên trong khi ngành kia suy thoái, khu vực này bành trướng trong khi khu vực khác trì trệ. Những chênh lệch xã hội liên tiếp xuất hiện và các chính sách dù hoàn chỉnh đến đâu cũng không thể nào thỏa mãn được tất cả mọi người. Cho nên quốc gia nào, dân tộc nào cũng luôn luôn phải hòa giải với nhau vì các mối xung đột quyền lợi và căng

thẳng luôn luôn xảy ra. Hòa giải đã trở thành triết lý điều hành quốc gia.

Hòa giải là bắt buộc của mọi dân tộc dù ở trình độ nào và có lịch sử nào. Nhưng dân tộc Việt Nam là một trong những dân tộc cần hòa giải hơn cả.

Chúng ta cần hòa giải cộng đồng quốc gia nói chung với các sắc tộc ít người đã có mặt trên đất nước này từ ngày mở nước và luôn luôn bị chà đạp và hắt hủi trong suốt dòng lịch sử.

Chúng ta cần hòa giải các tôn giáo, nhất là Phật giáo và Công giáo, hai tôn giáo đã bị các nhà cầm quyền Việt Nam cũng như ngoại bang bách hại, đàn áp, phân biệt đối xử và đặt vào thế đối đầu với nhau. Đã thế, các hiềm khích, hậu quả của một hoàn cảnh lịch sử trong đó cả hai tôn giáo đều là nạn nhân, thay vì được giải tỏa còn đôi khi bị thổi phồng và khai thác cho những tham vọng bất chính.

Chúng ta cần hòa giải và hòa hợp hai miền Nam - Bắc đã bị chia cắt và đặt vào thế tương tranh trong hơn một thế kỷ, rồi trong hai mươi năm, và kể từ 1975 bị chia rẽ bởi một chính sách không khác gì một sự chiếm đóng của đảng cộng sản.

Chúng ta cần hòa giải đất nước với cộng đồng người Việt hải ngoại đã phải bỏ người thân, tài sản, mồ mả tổ tiên ra đi vì không thể chấp nhận được một chính quyền hà khắc, đã phải chịu đựng những khổ đau và mất mát rất lớn do hải tặc, sóng gió và công an.

Chúng ta cũng cần hòa giải người Việt Nam với đất nước Việt Nam. Phải nhìn nhận rằng làm người Việt Nam trong thế kỷ 20 đã là một điều không may. Đất nước đã chỉ là hy sinh. Hơn thế nữa, các tập đoàn lãnh đạo kế tiếp nhau còn nhân danh đất nước để phạm những tội ác rất nghiêm trọng. Dĩ nhiên, đất nước không đồng hóa với người cầm quyền, nhưng vẫn được thể hiện qua người cầm quyền. Vì thế, khi trong một thời gian quá dài chỉ có những người cầm quyền gian trá hay bạo ngược, hay vừa gian trá vừa bạo ngược, thì chính hình ảnh của đất nước cũng bị tổn hại và lòng yêu nước cũng bị suy giảm. Hòa giải người Việt Nam với đất nước Việt Nam là điều phải làm để phục hồi lòng yêu nước, một yếu tố không thể thiếu nếu chúng ta còn muốn một tương lai cho Việt Nam.

Muốn như thế nhà nước, người đại diện đất nước, phải là một nhà nước khiêm tốn, hiền hòa. Tổ quốc Việt Nam phải được cảm nhận như một tình yêu và một dự án tương lai chung.

Nhưng gần nhất và cũng đau đớn nhất, chúng ta vừa tàn sát nhau trong một cuộc tương tranh kéo dài ba mươi năm. Những vết thương vẫn còn chảy máu và thay vì được hàn gắn đã bị trầm trọng hóa bởi một chính sách phân biệt đối xử thô bạo.

Trong cuộc xung đột vừa qua chúng ta đã không có chọn lựa tốt nào. Chúng ta đã chỉ có những chọn lựa đau buồn, giữa cái dở và cái mà một cách chủ quan chúng ta thấy là còn dở hơn. Chúng ta đã chỉ chịu đựng chứ không làm chủ các biến cố. Rất ít người Việt Nam nào đã thực sự tranh đấu cho cái mà mình ưa thích. Trong tuyệt đại đa số, người Việt Nam, quốc gia cũng như cộng sản, đã chỉ chống lại phe mà mình thấy là còn tồi tệ hơn hàng ngũ mình đang đứng. Người không chịu đựng được sự thối nát của các chính quyền quốc gia thì đứng vào hàng ngũ cộng sản, mặc dầu cũng biết bản chất bạo ngược của nó, còn người thấy rằng để đất nước lọt vào tay cộng sản là một tai họa quá lớn thì đứng vào hàng ngũ quốc gia, mặc dầu cũng chán ghét sự thối nát của nó. Anh em ruột thịt, bạn bè thân thích đã chỉ vì một sự lượng định nặng nhẹ khác nhau, hay đã chỉ bị hoàn cảnh xô đẩy, mà phải quay lưng lại với nhau, mạt sát nhau, bắn giết nhau. Cho nên, ngoài những đổ vỡ về vật chất và sinh mạng, còn có một đổ vỡ lớn hơn trong lòng mỗi người Việt Nam.

Để rồi, kẻ thì đã thua trận, bị tù đầy và nhục mạ, người thì nhận ra tất cả những hy sinh của mình chỉ là để đóng góp cho một công trình đập phá đất nước. Chẳng có ai có lý do gì để bắt lỗi ai, tất cả chúng ta đều đã thất bại bẽ bàng. Chúng ta đều là nạn nhân. Chúng ta phải bắt tay nhau cùng làm lại lịch sử.

Thách đố trước mắt chúng ta là một tập đoàn cầm quyền đã gây đổ vỡ trầm trọng cho đất nước, đã thất bại trên tất cả mọi phương diện và trong tất cả mọi địa hạt, nhưng vẫn xác xược tự cho mình độc quyền cai trị đất nước vô thời hạn và đàn áp thô bạo mọi tiếng nói đối lập, dù là ôn hòa. Tập đoàn này dùng mọi biện pháp để ngăn chặn hòa giải và hòa hợp dân tộc vì họ biết rằng chỉ có thể

duy trì được sự thống trị của họ nếu dân tộc Việt Nam bất lực vì hận thù và chia rẽ. Không những không xoa dịu những vết thương của cuộc chiến, bằng những biện pháp đàn áp chính trị, xếp loại dân chúng và phân biệt đối xử, họ còn mở rộng hiềm khích tới nhiều thành phần dân tộc và kéo dài hận thù tới thế hệ vừa lớn lên.

Ngày hôm nay khát vọng của tuyệt đại đa số nhân dân Việt Nam là dân chủ. Nhìn lại anh em, nhận lại bạn bè phải là tinh thần chỉ đạo của một tập hợp dân tộc mới, trong đó không có kẻ đúng người sai mà chỉ có những người anh em bình đẳng cùng ngậm ngùi cho đất nước và cùng kết hợp trong một cuộc vận động dân chủ. Hòa giải và hòa hợp dân tộc chính là điều kiện cốt lõi để cô lập và đánh bại tập đoàn độc tài ngoan cố.

Nhưng vượt lên trên những đam mê của hiện tại, hòa giải và hòa hợp dân tộc cũng là một *đoạn tuyệt lịch sử* cần thiết để bẻ gãy cái vòng luẩn quẩn của hận thù và chia rẽ đã giam hãm chúng ta từ nhiều thế kỷ qua, nhất là từ nửa thế kỷ nay. Đây là một đoạn tuyệt lịch sử rất khó khăn vì ý niệm hòa giải dân tộc hoàn toàn thiếu vắng trong tâm lý chính trị Việt Nam. Trong gần tám thế kỷ, kể từ nhà Trần, nhỏ cỏ tận gốc, tru di tam tộc, tiêu diệt toàn bộ vẫn là những biện pháp được người cầm quyền sử dụng thay cho hòa giải. Dần dần cách ứng xử hung bạo đó đã ăn rễ vào tâm lý tập thể làm cho ý niệm hòa giải trở thành xa lạ đối với người Việt Nam. Vì thế nhiều người đã nói rằng dân tộc Việt Nam không có nhu cầu hòa giải trong khi thực sự chúng ta là một trong những dân tộc cần hòa giải nhất. Chính vì thiếu tinh thần hòa giải mà chúng ta đã bị tù hãm trong hận thù. Cái vòng oan nghiệt đó đã khiến chúng ta không động viên được mọi sinh lực của đất nước để vươn lên và giải thích tại sao chúng ta đã phải quần quai mãi trong đói khổ và thua kém.

Hòa giải và hòa hợp dân tộc là điều kiện cần cho thắng lợi của cuộc vận động dân chủ hiện nay và cũng là điều kiện cần cho thành công của cố gắng phục hưng đất nước ngày mai.

Thực thi hòa giải dân tộc không phải chỉ đơn thuần là một tình cảm mà còn đòi hỏi những biện pháp cụ thể. Nhà nước Việt Nam tương lai sẽ đặt con người tự do làm đối tượng phục vụ cao nhất. Nhà nước Việt Nam tương lai sẽ coi đa nguyên như một giá trị tuyệt đối. Đa nguyên về mọi mặt tâm linh, văn hóa, chính trị, kinh tế, xã hội. Nhà nước Việt Nam tương lai sẽ chế tài nghiêm khắc mọi ngôn ngữ và thái độ xúc phạm với mọi sắc tộc, mọi cộng đồng, mọi tín ngưỡng, mọi quan điểm. Ngược lại nhà nước sẽ khuyến khích và giúp đỡ tận tình mọi sáng kiến và cố gắng đem mọi người Việt Nam thuộc mọi vùng, mọi sắc tộc, mọi tôn giáo, mọi nhân sinh quan, mọi chính kiến đến gần nhau hơn trong tinh thần tôn trọng mọi khác biệt. Nhà nước Việt Nam tương lai sẽ phải phục hồi danh dự cho những người đã bị hạ nhục, phải bồi thường thiệt hại, dù chỉ là một cách không đầy đủ, cho những nạn nhân. Xóa bỏ hận thù có nghĩa là sẽ không có những vụ án chính trị, ngược lại sẽ có một đạo luật cấm nhà nước truy tố bất cứ ai vì chức vụ mà họ đã giữ, trừ khi họ đã vi phạm một cách rất nghiêm trọng ngay chính những luật lệ đương hành lúc họ tại chức. Mọi công dân có quyền tố cáo những hà hiếp mà mình đã là nạn nhân, và nhà nước sẽ xử lý những tranh tụng đó như những tranh tụng giữa những công dân bình đẳng trước pháp luật.

Những biện pháp đó, được thực hiện với thành tâm hàn gắn những vết thương do lịch sử để lại, sẽ giúp chúng ta dần dần tiến tới hòa hợp dân tộc trong cố gắng xây dựng và chia sẻ một tương lai Việt Nam chung. Chúng ta sẽ khép lại một trang sử đau buồn của đất nước và mở ra một trang sử mới viết bằng tình tự dân tộc.

3. Phát triển đất nước trên nền tảng dân chủ, kinh tế thị trường và sáng kiến cá nhân

Điều nhức nhối nhất của chúng ta là tình trạng lạc hậu và nghèo khổ. Do đó trọng tâm của mọi cố gắng quốc gia phải là phát triển, và một cái nhìn thấu đáo về vấn đề phát triển là vô cùng quan trọng.

Ba phần tư nhân loại vẫn còn đang sống trong nghèo khổ, một nửa đang sống trong nghèo khổ cùng cực. Cách đây hai thế kỷ, ngay tại các nước phát triển nhất, quá phân nửa dân số đã chết trước tuổi dậy thì. Phát triển như vậy là một hiện tượng rất mới tại một số nước nhờ một số điều kiện đặc biệt mà chúng ta cần nhận diện để nắm bắt.

Trước hết, chúng ta hiểu phát triển như thế nào?

Phát triển là một thay đổi liên tục và kéo dài trong thời gian, cho phép sử dụng mỗi ngày hữu hiệu hơn tài nguyên và nhân lực, đem lại cho quốc gia lợi tức ngày một lớn hơn và cho con người cuộc sống mỗi ngày một cao hơn về cả vật chất lẫn tinh thần.

Phát triển là một khái niệm tương đối. Một quốc gia được coi là phát triển khi đạt thành tích cao so với phần còn lại của thế giới về lợi tức bình quân trên mỗi đầu người, về giáo dục, y tế, gia cư và cơ sở hạ tầng, khi hoạt động kinh tế mạnh và hiện đại, môi trường sinh sống sạch và đẹp, các phương tiện di chuyển, thông tin, học hỏi và giải trí dồi dào.

Phát triển, ngay cả với định nghĩa trên đây, cũng không phải là tất cả. Sự thành công của một quốc gia, ngoài phát triển, còn là sự kiện mọi người gắn bó một cách tự nguyện trong cố gắng xây dựng một tương lai chung và mỗi người cảm thấy được làm chủ đời mình, được sống theo ý mình, được quý trọng trong một xã hội không đe dọa, được hưởng phúc lợi do cố gắng của mình, được bảo đảm những cơ hội thăng tiến công bình, và có lý do để tin rằng ngày mai sẽ hơn ngày hôm nay và cuộc sống của con cái mình sẽ hơn cuộc sống của mình. Đó là mục tiêu chúng ta muốn đạt tới.

Phát triển không phải chỉ là sự gia tăng tổng sản lượng quốc gia. Do đó, một mức độ tăng trưởng 5% của tổng sản lượng quốc gia với những hệ thống giáo dục và y tế hoàn chỉnh, môi trường thiên nhiên được bảo vệ và cải thiện, lợi tức được phân chia tương đối đồng đều, phải được đánh giá là tốt hơn nhiều lần một tăng trưởng 15% trong đó mọi vấn đề văn hóa, xã hội và môi sinh bị bỏ rơi. Chúng ta tìm kiếm một phát triển hài hòa và cân bằng, bởi vì chỉ có phát

triển đó mới có thể kéo dài và mới xứng đáng được coi là một mục tiêu quốc gia.

Tuy phát triển không phải chỉ là phát triển kinh tế, nhưng phát triển kinh tế là yếu tố quan trọng nhất và cũng là chìa khóa cho phát triển cân đối toàn bộ. Chúng ta là một trong những dân tộc nghèo khổ và chậm tiến nhất nên phát triển kinh tế là mục tiêu cấp bách nhất đối với chúng ta.

Chúng ta cần đánh tan ngay một lần căn tai hại.

Bịp bợm lớn nhất trong thế kỷ 20 đã là luận điệu cho rằng một xã hội muốn tiến nhanh cần một chế độ độc tài sáng suốt, cần đình hoãn xây dựng dân chủ và hy sinh một số tự do căn bản. Bịp bợm này đã là nguyên nhân của những tang tóc ghê gớm. Nó đã tạo ra và nuôi dưỡng các chế độ phát-xít quân phiệt tại Ý, tại Đức và tại Nhật. Nó đã giúp cho phong trào cộng sản nảy sinh, phát triển và tồn tại trong ba phần tư thế kỷ. Nó đã tiếp tay duy trì các chế độ độc tài tại Châu Mỹ la-tinh và Châu Á trước đây. Và nó vẫn đang được dùng làm chỗ dựa lý luận của nhiều chế độ độc tài khác, trong đó có Việt Nam.

Những chế độ này đã chỉ đem lại những kết quả tồi tệ. Các chế độ độc tài tại Ý, Đức và Nhật đã tích lũy mâu thuẫn, đã bế tắc và phải lao đầu vào các cuộc chiến tự hủy. Chế độ cộng sản tại Liên Xô đã hủy hoại tài nguyên, môi trường, đã đẩy dọa dân chúng rồi sụp đổ. Tất cả những chế độ độc tài khác đều có một thành quả giống nhau: đói khổ và lạc hậu.

Sự thực, phát triển là hậu quả của tự do và dân chủ. Nhưng vì tự nó phát triển cùng thúc đẩy và phát huy tự do dân chủ nên dễ có ngộ nhận giữa hậu quả và nguyên nhân, và sự ngộ nhận này đã bị các tập đoàn độc tài khai thác.

Kinh nghiệm của các dân tộc chứng minh điều đó.

Hiện tượng phát triển trên qui mô quốc gia đã bắt đầu xuất hiện tại Châu Âu và Hoa Kỳ sau khi những xã hội đặt nền tảng trên dân chủ được thành lập. Nguyên nhân đã làm nảy sinh ra phát triển là trọng lượng của nhà nước trong đời sống thường ngày được giảm nhẹ, một hiến pháp dân chủ và ổn vững được

thượng tôn, luật pháp thay thế cho các quyết định tùy tiện của người cầm quyền, con người được tôn trọng và được bảo vệ, kinh tế hoạt động theo qui luật của thị trường, hoạt động kinh doanh được tôn vinh, buôn bán và trao đổi được đề cao, ý kiến và sáng kiến được khuyến khích và tưởng thưởng, lợi nhuận được nâng lên hàng một giá trị.

Quốc gia Châu Á duy nhất đã bắt kịp các nước Phương Tây ngay đầu thế kỷ 20 là Nhật đã phát triển được nhờ mau chóng chấp nhận sinh hoạt kinh tế Phương Tây. Dưới cái vung thống trị của một giai cấp hiệp sĩ kiêu căng sống tách rời hẳn khỏi quần chúng, một xã hội dân chủ đã âm thầm hình thành giữa đại đa số người Nhật và đã khiến cho nước Nhật vươn lên ngay từ thế kỷ 18, rồi vươn lên mạnh mẽ từ nửa sau thế kỷ 19.

Sự kiện hai chế độ phát-xít Ý và quốc-xã Đức đã đem lại một số tiến bộ lúc ban đầu, và chế độ quân phiệt Nhật đã duy trì được phát triển trong vài thập niên, giúp ta nhận diện một yếu tố khác của phát triển vốn đã có trong những phát triển trước đây: đồng thuận dân tộc. Cả ba dân tộc này vào thời điểm đó đều cùng bực tức vì thua kém và đều có được những lãnh tụ đủ sức lôi cuốn để đoàn kết họ trong một cố gắng chung.

Kinh nghiệm của các nước vừa phát triển tại Châu Á cần được nhìn một cách chính xác bởi vì, trái với nhận định hời hợt của một số người và trái với giải thích gian trá của các chế độ độc tài, các quốc gia này đã phát triển được vì họ đã dân chủ hơn và tự do hơn các nước chậm tiến khác, mặc dầu chưa thể nói họ đã đạt tới dân chủ trọn vẹn và đúng nghĩa.

Các nước Châu Mỹ la-tinh với tài nguyên phong phú đã quần quai trong hơn một thế kỷ rưỡi trong lạc hậu dưới các chế độ độc tài và đã chỉ vươn lên từ thập niên 1980 nhờ dân chủ.

Tại Châu Âu, ba nước Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Hy Lạp, vì vướng mắc vào các chế độ độc tài mà đã tụt hậu bi đát; họ đã chỉ vươn lên từ thập niên 70 nhờ vứt bỏ được ách độc tài.

Ngay cả những tiến bộ kinh tế được ghi nhận gần đây tại Trung Quốc và Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ: chúng đã có được nhờ kinh tế thị trường

và nhờ một mức độ tự do lớn hơn.

Kinh nghiệm của mọi dân tộc đã chứng minh: dân chủ, quyền tư hữu, kinh tế thị trường, nhà nước nhẹ là những yếu tố làm nảy sinh ra phát triển kinh tế.

Nhưng kinh nghiệm cũng cho thấy cùng những yếu tố ấy đã tạo ra những phát triển kinh tế khác nhau về vận tốc và về cường độ tại các quốc gia khác nhau, và nhiều quốc gia với điều kiện thiên nhiên bất lợi đã phát triển mạnh mẽ hơn những quốc gia khác, cũng dân chủ và còn có tài nguyên phong phú hơn nhiều. Các yếu tố tâm lý và văn hóa đã đóng góp vai trò quyết định.

Sau khi đã quan sát lịch sử của các dân tộc chúng ta cũng có thể tiếp cận hiện tượng phát triển bằng lý luận kinh tế.

Phát triển kinh tế đòi hỏi ba yếu tố vừa cần vừa đủ: con người có ước muốn kinh doanh, có thể kinh doanh, và có phương tiện để kinh doanh.

Để ước muốn kinh doanh người dân cần một bối cảnh tâm lý thuận lợi: hoạt động kinh doanh được xã hội quý trọng, ý kiến và sáng kiến được đề cao, sự chấp nhận rủi ro được tôn vinh; họ cũng cần có lý do để lạc quan tin tưởng rằng kinh doanh sẽ có lợi và lợi tức đó sẽ là của họ. Nói một cách khác, để kinh doanh, cùng với một bối cảnh kinh tế lạc quan, nhà kinh doanh cần một tâm lý xã hội thuận lợi cho kinh doanh và một bảo đảm chắc chắn về quyền tư hữu. Yếu tố khởi động này của phát triển giải thích tại sao các nước cộng sản đã suy sụp vì không tôn trọng quyền tư hữu. Nhưng quan trọng hơn, nó giải thích tại sao hiện tượng phát triển đã chỉ có tại một số quốc gia nhờ một tâm lý xã hội thuận lợi.

Để có thể kinh doanh, doanh nhân cần một xã hội có trật tự và an ninh, cần được luật pháp đảm bảo và được tự do hành động; họ không thể bị trói buộc bởi quá nhiều qui định, không bị gò bó trong một kế hoạch quốc gia cứng nhắc, không phải nộp thuế quá cao, không bị sách nhiễu bởi một guồng máy chính quyền tham nhũng. Chúng ta nhìn thấy ở đây sự cần thiết của một thể chế dân chủ pháp trị, của một hoạt động kinh tế thị trường thay vì kinh tế hoạch định, của một guồng máy nhà nước nhẹ. Nhưng chúng ta cũng nhìn thấy một lần nữa các yếu tố tâm lý: đạo đức và lương thiện. Tham nhũng cũng là hậu quả của

sự suy đồi của đạo đức xã hội.

Người kinh doanh dĩ nhiên cũng cần có phương tiện, nghĩa là có nguồn nhân lực cần thiết với những khả năng cần có, có một cơ sở hạ tầng tốt, có vốn đầu tư, có một hệ thống tín dụng ngân hàng đặc lực để huy động vốn luân chuyển. Vốn đầu tư chỉ là một trong những yếu tố và cũng không phải là yếu tố quan trọng nhất. Vốn có ít thì đầu tư ít, và lợi nhuận sẽ đẻ ra vốn. Và lại tư bản có trí khôn và logic của chính nó, ở đâu kinh doanh có lợi vốn sẽ tìm đến. Điều quan trọng hơn hết vẫn là con người, những con người có kỹ năng và có tinh thần trách nhiệm. Một lần nữa yếu tố tâm lý và văn hóa là nòng cốt.

Nói chung, phát triển cần một bối cảnh tự do dân chủ và là một vấn đề chủ yếu văn hóa và tâm lý. Chính vì thế mà một số quốc gia dù tài nguyên ít ỏi, dù bị tàn phá ghê gớm vẫn vươn lên mạnh mẽ. Nước Đức và nước Nhật bại trận và tan hoang đã chỉ cần một vài thập niên để trở thành những nước phát triển nhất. Dân tộc Hòa Lan chen chúc trên một mảnh đất nhỏ với tài nguyên thiên nhiên ít ỏi cũng đã xây dựng được một trong những quốc gia phồn vinh nhất thế giới. Chính vì phát triển là một vấn đề chủ yếu văn hóa và tâm lý mà cho tới nay nó đã chỉ giới hạn ở một số quốc gia.

Cần phân biệt tâm lý và văn hóa với trí tuệ và kiến thức. Bẩm sinh con người có trí tuệ bằng nhau hay gần bằng nhau và do đó nhờ giáo dục có thể đạt tới một trình độ hiểu biết ngang nhau. Sự khác biệt là tâm lý và văn hóa, là óc cầu tiến, tính chấp nhận rủi ro của kinh doanh, là tinh thần trách nhiệm, là cách ứng xử trong cuộc sống tập thể.

Chúng ta cần thay đổi xã hội và con người để có phát triển.

Chúng ta cần một xã hội dân chủ, quý trọng con người, đặt lòng tin ở con người, để cho con người tự do quyết định xây dựng đời mình. Chúng ta cần một nhà nước pháp trị, có luật pháp đầy đủ và không có quá nhiều thủ tục, chúng ta cần một sự tôn trọng qui luật thị trường thay vì một kế hoạch áp đặt.

Chúng ta cần những con người tự do, trách nhiệm, lương thiện, gắn bó vào cộng đồng, cầu tiến và thi đua chứ không ghen tức và phá hoại. Chúng ta cần

những con người ham thích kinh doanh, khao khát làm giàu một cách lương thiện.

Chúng ta cần một bộ máy kinh tế hoạt động không cưỡng chế. Nhà kinh doanh phải được phép tự do hành động theo các qui luật khách quan của kinh doanh và thị trường. Công bằng xã hội là một ưu tư thường trực của một chính quyền đứng đắn, nhưng công bằng xã hội phải được thực hiện ở khâu phân phối lợi tức quốc gia qua thuế khóa chứ không thể can thiệp trực tiếp vào sự điều hành hoạt động kinh doanh.

Chúng ta cũng cần một bối cảnh pháp lý, nghĩa là hiến pháp và pháp luật, ổn định để người dân có thể yên tâm xây dựng cuộc sống và lập ra những dự định cho tương lai mà không lo sợ một thay đổi luật chơi đột ngột làm hỏng dự án kinh doanh của mình.

Nhưng hiến pháp và luật pháp ổn vững không có nghĩa là chính quyền ổn vững. Sự thay đổi thường xuyên người cầm quyền trong một bối cảnh pháp lý ổn vững không hề cấm cản cảnh sát tiếp tục bảo vệ an ninh trật tự, không hề cấm cản các thẩm phán tiếp tục xử án và cũng không hề cấm cản một nhà máy tiếp tục hoạt động. Điều có thể tác hại cho sinh hoạt kinh tế là những cuộc cách mạng đảo lộn tất cả, là những thay đổi đột ngột luật pháp và định hướng quốc gia.

Đẩy xa lý luận hơn nữa, ta còn có thể nói những chính phủ dân chủ không có đa số áp đảo để thay đổi tùy tiện luật pháp và chính sách còn có thể là một đảm bảo cho sự ổn định bối cảnh pháp lý, và do đó có lợi cho phát triển. Một chính quyền áp đảo và nhiều quyền lực chỉ cần thiết để có thể quyết định mau chóng những thay đổi, và áp đặt một kế hoạch phát triển quốc gia. Nhưng kế hoạch quốc gia là điều chúng ta nên tránh. Kế hoạch quốc gia là một sản phẩm duy ý chí, tàn dư của thời đại thế giới chưa đủ sáng suốt và kinh nghiệm để nhận định rằng cần để cho xã hội, qua qui luật thị trường khách quan, quyết định những gì cần làm, làm tới mức nào và làm như thế nào. Kế hoạch quốc gia là một cản trở cho phát triển mà chúng ta phải loại bỏ, điều chúng ta cần là một định hướng cho quốc gia và những dự án cho từng vấn đề, đặc biệt là những dự

án xây dựng cơ sở hạ tầng. Dĩ nhiên trong một hoàn cảnh còn khó khăn và còn nhiều trở ngại cho phát triển, chúng ta cần một chính quyền có khả năng quyết định những chọn lựa cần thiết nhằm tháo gỡ những ách tắc do quá khứ để lại. Nhưng khả năng này một chính quyền dân chủ và nhẹ vẫn có thể có được nhờ thuyết phục để tạo ra đồng thuận và hậu thuẫn của quần chúng trên một số chọn lựa căn bản phải làm.

Tóm lại, để phát triển đất nước, và trước hết là phát triển kinh tế, chúng ta cần một thể chế dân chủ, một nhà nước pháp trị, một sinh hoạt kinh tế thị trường, một sự tôn trọng tuyệt đối ý kiến và sáng kiến cá nhân, một niềm tin mạnh mẽ vào con người. Thể chế đó sẽ làm nảy nở óc sáng tạo, tinh thần cầu tiến, tinh thần trách nhiệm. Nhưng chúng ta cũng cần một cố gắng văn hóa quan trọng để thượng tôn những giá trị của tiến bộ và đưa những giá trị đó vào tâm hồn và phản xạ của mọi người. Những giá trị đó là *hòa bình, tự do, dân chủ, nhân quyền, bình đẳng, nhà nước pháp trị, hợp tác và lợi nhuận*.

Xây dựng một xã hội dân chủ đa nguyên, phát huy các giá trị tiến bộ, chúng ta sẽ có phát triển, đặc biệt là phát triển kinh tế. Đó là chủ thuyết phát triển của chúng ta. Chúng ta quả quyết rằng một xã hội như thế và với những giá trị như thế dù muốn không phát triển cũng không được. Ngược lại, một xã hội không dân chủ, hoặc không có những giá trị tiến bộ thì dù muốn và cố gắng đến đâu cũng sẽ không có phát triển, hay chỉ có phát triển ở một mức độ thấp. Tài nguyên thiên nhiên và vốn đầu tư là những yếu tố rất thứ yếu.

Trong một chủ thuyết phát triển như thế, vai trò của nhà nước chủ yếu là gìn giữ hòa bình và trật tự an ninh, bảo đảm quốc phòng và công lý, tạo những quan hệ bang giao tốt với cộng đồng thế giới, hòa giải và trọng tài những tranh tụng của xã hội dân sự. Vai trò của nhà nước trong kinh tế sẽ được giới hạn trong ba phạm vi: thuế, chi tiêu công cộng và điều chỉnh khối lượng tiền tệ. Thuế để nhà nước có ngân sách làm nhiệm vụ của mình và bảo đảm an sinh và liên đới xã hội. Các chi tiêu công cộng để xây dựng, bảo trì và cải thiện cơ sở hạ tầng,

thúc đẩy, kích thích một số ngành nghề. Việc điều chỉnh khối lượng tiền tệ lưu hành, chủ yếu qua ấn định một mức lãi suất, có ảnh hưởng trực tiếp trên giá cả, đầu tư và tăng trưởng. Trong cả ba phạm vi đó, nhà nước cũng cần hành động với tất cả dè dặt để tránh đảo lộn sinh hoạt kinh tế. Ổn định là yếu tố cốt lõi của kinh doanh. Riêng việc ấn định lãi suất, chúng ta phải tránh trường hợp chính quyền hành động theo những yêu cầu chính trị ngắn hạn, bằng cách giao phó cho một định chế ngân hàng trung ương xuất phát từ chính phủ nhưng không chịu sự chi phối tùy tiện của chính phủ.

Một lần nữa, nhu cầu phát triển buộc ta phải có một nhà nước hòa giải và trọng tài để cho xã hội dân sự lo việc phát triển thay vì một nhà nước chỉ huy và định đoạt thay cho xã hội dân sự. Vai trò hòa giải và trọng tài trong sinh hoạt kinh tế buộc nhà nước phải từ bỏ mọi chức năng kinh doanh. Các công ty quốc doanh không nên có, hay nếu có thì cần được coi là những bó buộc chẳng đáng dừng trong một thời gian nhất định. Trong chủ thuyết phát triển của chúng ta, nhà nước không chen lấn với xã hội dân sự, mà tập trung mọi cố gắng để làm tròn và làm tốt chức năng thực sự của một nhà nước.

IV. Những định hướng lớn

Bước vào thế kỷ 21, chúng ta sẽ phải làm lại đất nước. Chúng ta phải đổi mới hoàn toàn hệ thống chính trị, kinh tế, xã hội, quan hệ giữa nhà nước và các công dân, quan hệ giữa nước ta và thế giới; chúng ta phải xét lại vai trò của xã hội dân sự, chọn lựa những giải pháp dài hạn cho các vấn đề công bằng xã hội và giới hạn dân số.

Chúng ta sẽ làm lại đất nước trên những định hướng lớn sau đây:

1. Xây dựng đất nước trên những giá trị thay vì một chủ nghĩa

Một xã hội tiến bộ phải được xây dựng trên nền tảng của những giá trị tiến bộ.

Các nước Phương Tây sở dĩ phát triển mạnh mẽ và vượt hơn hẳn phần còn lại của thế giới là vì xã hội của họ đặt nền tảng trên những giá trị cơ bản đúng. Những giá trị đó là *hòa bình, tự do, dân chủ, bình đẳng, nhân quyền, nhà nước pháp trị, đối thoại, hợp tác, lợi nhuận*. Những giá trị này không phải của riêng người Phương Tây mà vốn đã hiện diện trong mọi xã hội và trong mọi nền văn minh. Ưu điểm của các nước Phương Tây là họ đã biết đề cao và phát huy triệt để các giá trị này để lấy làm nền tảng cho xã hội. Nhờ vậy họ đã có được sức mạnh và sự phồn vinh. Tiếp xúc với các nước Phương Tây, các quốc gia đều nhận ra sự thua kém của mình và đều tìm cách thỏa hiệp với nền văn minh Phương Tây. Tuy nhiên quán tính tự nhiên đã khiến hầu hết các quốc gia đều có khuynh hướng chỉ chấp nhận một phần những thành tố của xã hội Phương Tây để hội nhập nó vào truyền thống của mình, chẳng hạn như học hỏi kỹ thuật Phương Tây trong khi vẫn giữ nguyên cơ cấu xã hội cũ. Nhưng một nền văn minh là một tổng thể cấu tạo bởi những giá trị gắn bó với nhau cho nên rất khó lấy một thành tố của một nền văn minh để ghép vào một nền văn minh khác. Không thể chấp nhận kỹ thuật của Phương Tây trong khi vẫn từ chối những giá trị cơ bản đã làm nảy sinh và đã thúc đẩy sự tiến phát của các kỹ thuật đó. Kinh

nghiệm của các quốc gia đã chứng tỏ rằng thái độ nửa chừng này đã chỉ đem lại những thành công giới hạn. Nước Nga mặc dầu đã bắt đầu canh tân từ cuối thế kỷ 17 đã không bắt kịp được Tây Âu và đã khủng hoảng, cuối cùng trở thành một chế độ cộng sản với hậu quả tai hại mà thế giới đã thấy; nước Nhật đã tích lũy những mâu thuẫn để rồi bị dẫn đến chiến tranh tự hủy. Ngày nay cả Nhật và Nga đều đã nhận ra sai lầm đó. Nhật đã chấp nhận toàn bộ các giá trị của thế giới tiến bộ và Nga cũng đang chuyển hóa theo chiều hướng đó.

Chấp nhận một cách thành thực và toàn bộ những giá trị chính trị, văn hóa, xã hội của thế giới tiến bộ là điều kiện tiên quyết. Nhật Bản, vì đã chọn lựa như vậy đã trở thành một cường quốc hàng đầu thế giới. Các nước Châu Á khác từ ba thập niên gần đây đi theo khuôn mẫu Nhật Bản cũng đang trỗi dậy mạnh mẽ. Tuy nhiên, vì vẫn còn nhiều vướng mắc với quá khứ và chưa chọn lựa một cách dứt khoát các giá trị tiến bộ mới, các nước vừa phát triển tại Châu Á đang tích lũy nhiều mâu thuẫn không những có khả năng làm khựng lại đà phát triển mà còn có nguy cơ đưa tới xung đột vô trang. Chấp nhận toàn bộ các giá trị tiến bộ là chọn lựa chúng ta phải làm và phải làm một cách thật quả quyết. Giữa sự dửng dăng, lưỡng lự của các nước trong vùng, chọn lựa này là một cơ may cho phép chúng ta vươn lên bắt kịp và vượt qua họ.

Trong những giá trị trên đây, giá trị mà ta cần nhất là hòa bình. Truyền thống chống ngoại xâm dần dần đã khiến ta coi bạo lực như là phương cách tự nhiên để giải quyết xung đột. Ta quen tôn vinh những anh hùng có chiến công hiển hách mà coi nhẹ những cố gắng xây dựng âm thầm, nền tảng của mọi tiến bộ. Từ nay chúng ta phải nguyên rửa bạo lực và nâng hòa bình lên làm một giá trị tuyệt đối.

Chúng ta đừng lo sợ chấp nhận những giá trị mới sẽ làm ta mất đi quốc hồn quốc túy. Những giá trị này đã có sẵn trong xã hội ta, chỉ tiếc rằng ta đã không phát huy chúng một cách đầy đủ đến nỗi phải khổ nhục và thua kém như ngày nay. Chấp nhận chúng không phải là tự phủ nhận chúng ta mà chỉ có nghĩa là phát huy cái hay sẵn có trong chúng ta. Và lại tiến lên và bắt kịp thế giới là điều kiện để chúng ta có thể tồn tại như một quốc gia và giữ được văn hóa và bản

sắc dân tộc.

Trên những giá trị chung các nước Phương Tây đã xây dựng ra nhiều nếp sống khác nhau tùy đặc thái riêng của mỗi nước. Xã hội Anh khác với xã hội Pháp, văn hóa Đức khác với văn hóa Ý, nước Mỹ không giống như nước Thụy Điển. Trên căn bản các giá trị mới Nhật Bản và nhiều nước Châu Á khác vẫn giữ được truyền thống của họ. Trên căn bản các giá trị tiến bộ Việt Nam cũng vẫn sẽ là Việt Nam, nhưng là một Việt Nam vinh quang hơn.

Chúng ta cần một cuộc vận động tư tưởng lớn. Giáo dục của ta, luật pháp của ta, các sinh hoạt văn hóa, xã hội, kinh tế của ta đều phải nhấn mạnh và tôn vinh các giá trị tiến bộ. Một cố gắng đặc biệt cũng sẽ được dành cho thể dục thể thao nhằm phát huy óc khách quan, tinh thần tranh đua trong hòa bình, tinh thần thượng tôn luật pháp. Cuộc vận động tư tưởng này là cố gắng quan trọng nhất trong mọi cố gắng, bởi vì đây chính là cố gắng xây dựng nền tảng của xã hội mới.

2. Lấy tự do làm động lực để phát huy óc sáng tạo và tinh thần cầu tiến

Dân tộc ta có truyền thống giữ nước vẻ vang, nhưng bù lại ta cũng đã mất quá nhiều thời giờ và nghị lực cho cố gắng chống ngoại xâm. Trong những tranh đấu cam go ấy ta luôn luôn phải đề cao kỷ luật và sự nhất trí, luôn luôn phải gác lại những tranh cãi để đương đầu với những vấn đề cấp bách. Lịch sử chật vật ấy một mặt khiến chúng ta có khả năng thích nghi cao với điều kiện sinh sống nhưng mặt khác cũng làm ta dần dần mất đi cái nhìn dài hạn, sáng kiến, óc phát minh và tinh thần mạo hiểm.

Chúng ta có một bờ biển dài, một đại dương hiền hậu nhưng biển cả hình như không có một tiếng gọi nào với chúng ta cả. Chúng ta đã thiếu hẳn quyết tâm chinh phục và tận dụng đại dương. Chúng ta không có kỹ thuật đóng tàu và đi biển, không có đội thương thuyền, không có những nhà hải hành lớn. Chúng ta chỉ sống với đất như một dân tộc lục địa. Chúng ta đã hài lòng với khuôn mẫu Khổng Mạnh từ đời này qua đời khác mà không hề có ý định thay đổi, mặc dầu khuôn mẫu độc đoán và hà khắc đó sau khi đã cho phép chúng

ta đạt những thành tựu lớn lúc ban đầu, đã bắt chúng ta dấn chân tại chỗ trong nhiều thế kỷ sau đó.

Óc sáng tạo và tinh thần cầu tiến là điều chúng ta phải học và tập quen. Muốn như thế chúng ta phải khuyến khích và tôn vinh tự do suy nghĩ và phát biểu. Chúng ta cần nâng lên hàng một nguyên tắc tuyệt đối là trong nước Việt Nam tương lai sẽ không thể có những vấn đề cấm bàn tới và cũng không thể có những ý kiến cấm nêu ra. Không một người Việt Nam nào có thể gặp phiền phức vì những gì mình phát biểu, trừ trường hợp trực tiếp kêu gọi bạo lực.

3. Phát huy lòng yêu nước tự nguyện

Chúng ta có một lịch sử khá dài, do đó tình cảm với quê hương đất nước dĩ nhiên là có và là một vốn quý. Nhưng trong gần suốt dòng lịch sử chúng ta sống dưới những chế độ quân chủ tuyệt đối đặt nền tảng trên một hệ thống tư tưởng coi đất nước của riêng một dòng vua, khi chúng ta không bị ngoại thuộc. Ý niệm quốc gia dân tộc, với biên giới, quốc tịch, quyền lợi và nghĩa vụ công dân, thực ra chỉ mới xuất hiện từ hơn một thế kỷ nay, vào lúc chúng ta đã mất chủ quyền. Chúng ta cũng quá yếu kém về triết học và tư tưởng chính trị để có thể có một đồng thuận dân tộc gắn bó mọi người với nhau. Lòng yêu nước của chúng ta vì vậy không có điều kiện để phát triển. Đã thế nó còn bị lợi dụng và lạm dụng cho những ý đồ chủ nghĩa và quyền lực, gây ra những đổ vỡ cực kỳ thảm khốc. Tổ quốc đã được dùng làm chiêu bài cho quá nhiều tội ác. Chiến tranh, tang tóc, thất vọng, sự chịu đựng quá lâu một chế độ độc tài vừa tồi dở vừa bạo ngược, mặc cảm thua kém các dân tộc khác làm cho lòng yêu nước của chúng ta bị tổn hại trầm trọng. Chính vì lòng yêu nước đã bị suy giảm mà trước đây chúng ta đã để cho đảng cộng sản, một đảng mà lý tưởng là phục vụ cho một phong trào quốc tế thay vì đất nước, khống chế chính trường. Chính vì ý chí và lòng yêu nước đã hao mòn mà ngày nay chúng ta đã không phản ứng đủ quyết liệt trước một chế độ độc tài đảng trị coi đất nước là của riêng mình như các vua chúa ngày xưa, trong khi cả nhân loại đang tiến về dân chủ và chính chúng ta cũng biết đất nước rất cần dân chủ.

Nhưng chúng ta là người Việt Nam, và tương lai của chúng ta gắn liền với tương lai của đất nước Việt Nam. Chúng ta không có chọn lựa nào khác hơn là xây dựng một tương lai Việt Nam chung. Và để xây dựng tương lai chung đó, lòng yêu nước vẫn là mấu chốt chung bắt buộc. Chúng ta cần một sức bật mới của lòng yêu nước. Chúng ta cần phục hồi và phát minh lại lòng yêu nước.

Chúng ta cần định nghĩa lòng yêu nước như một tình cảm tự nguyện của những con người tự do, ràng buộc mật thiết với nhau để xây dựng một tương lai chung cho mình và cho con cháu. Chúng ta cần để cho mỗi người yêu nước theo cách của mình, chúng ta không thể để cho lòng yêu nước bị đồng hóa với sự tán thành một chủ nghĩa. Chúng ta cần hòa giải người Việt Nam với đất nước. Chúng ta cần một tổ quốc hiền hòa, một tổ quốc có trái tim, một tổ quốc đáng yêu, một tổ quốc của nhân quyền và dân quyền, một tổ quốc khuyến khích, một tổ quốc gần gũi với mọi người thay vì một tổ quốc quá thiêng liêng đến nỗi trở thành trừu tượng và xa cách.

Muốn như thế chính quyền, người đại diện và hành động nhân danh tổ quốc, phải là một chính quyền khiêm tốn, cần kiệm và tận tụy, quý trọng từng người dân và để cho mỗi người thấy rõ ràng mình được quý trọng. Chính quyền ấy sẽ hóa giải mọi hận thù, sẽ nhân danh sự liên tục quốc gia xin lỗi, phục hồi danh dự và bồi thường thiệt hại cho mọi nạn nhân của những oan ức. Chính quyền ấy sẽ không bắt bất cứ ai phải yêu nước, trái lại sẽ dồn mọi cố gắng tạo điều kiện để mọi người có thể yêu nước.

Cùng với dân chủ tự do, ý kiến và sáng kiến, nhưng trên tất cả, lòng yêu nước sẽ là một vũ khí chủ yếu giúp chúng ta chinh phục tương lai.

4. Xây dựng đất nước trên nền tảng xã hội dân sự

Mọi quốc gia văn minh đều phải đặt nền tảng trên xã hội dân sự. Xã hội dân sự là toàn thể các giáo hội, hiệp hội, câu lạc bộ, các tổ chức thiện nguyện, các nghiệp đoàn, hợp tác xã, công ty, xí nghiệp. Nói chung, đó là tất cả các kết hợp của người dân, được thành lập để cùng theo đuổi một số mục đích chung và không nhằm tranh giành quyền lực chính trị.

Ý niệm xã hội dân sự đã được xuất hiện cùng một lúc với các xã hội văn minh. Đó là những sợi dây chằng chịt gắn bó những con người với nhau và gắn bó con người với xã hội. Những sợi dây liên lạc đan xen đó tạo ra sự bền chắc của quốc gia. Các kết hợp công dân tạo thành xã hội dân sự cũng là những cái nôi cho ý kiến, sáng kiến và tiến bộ. Một xã hội dân sự mạnh bảo đảm các ý kiến mới được nảy sinh nhanh chóng, các mâu thuẫn được phát hiện và giải quyết kịp thời, xã hội không ngừng tiến hóa trong hòa bình và trật tự.

Trong mô hình xã hội của chúng ta, xã hội dân sự còn được giao phó một vai trò quan trọng là thực hiện liên đới xã hội, giúp đỡ và bênh vực những người yếu kém và thiếu may mắn.

Mọi kết hợp đều tạo ra sức mạnh. Sức mạnh của xã hội dân sự là sức mạnh tổng hợp, nhưng không bao giờ thống nhất, của các kết hợp công dân có khi cùng hướng với nhau, có khi biệt lập với nhau và cũng có khi đối chọi với nhau. Sức mạnh của xã hội dân sự từng lúc và từng cơ hội hòa nhập với nhà nước hay đối lập với nhà nước, nhưng lúc nào cũng ảnh hưởng trên nhà nước và không bao giờ có tham vọng tranh quyền với nhà nước bởi vì nó không có và không thể có tham vọng chính trị.

Xã hội dân sự đảm bảo sự năng động của xã hội và đồng thời cũng bảo đảm tự do, dân chủ, nhân quyền, ngăn chặn mọi ý đồ độc tài chuyên chính. Mọi chế độ độc tài bạo ngược đều nhắm trước hết tiêu diệt xã hội dân sự. Bản chất của các chế độ độc tài là dựa trên một thiểu số để khống chế một xã hội phân hóa. Các bạo quyền không cần dân chúng tin yêu mình mà chỉ cần người dân dùng găng bó với nhau để không có sức đề kháng. Không gì thỏa mãn các tập đoàn độc tài hơn là sự thờ ơ và bất lực của quần chúng.

Triết lý của một chế độ dân chủ, trái lại, là làm cho các kết hợp công dân ngày càng đông đảo, không ngừng tiến lên và mạnh lên để đóng góp tích cực cho sự phồn vinh của xã hội. Nhà nước dân chủ đa nguyên tự coi mình là có vai trò bảo đảm hoạt động lành mạnh của xã hội dân sự, để xã hội dân sự tạo hạnh phúc cho các công dân. Đó không phải là một sự từ nhiệm mà là một triết lý chính trị mới của một chính quyền đủ tự tin để đặt lòng tin vào các công dân.

Trong quan hệ biện chứng với xã hội dân sự, nhà nước dân chủ đa nguyên tự coi mình là người trọng tài, phối hợp và thể hiện những nguyện vọng của xã hội dân sự. Nhà nước phục vụ chứ không khống chế xã hội dân sự.

Sẽ không thể có một cản trở nào cho sự thành lập và phát triển của các kết hợp công dân. Đặc biệt các hiệp hội không có mục đích lợi nhuận sẽ chỉ cần khai báo sự thành lập chứ không cần giấy phép hoạt động. Các hiệp hội có mục đích văn hóa, xã hội còn có quyền được nhà nước giúp đỡ.

5. Xác định Việt Nam là đất nước xây dựng trên các cộng đồng

Đất nước ta tuy có một lịch sử dài nhưng lại là một đất nước mới. Miền Trung mới hội nhập xong từ thế kỷ 17, miền Nam từ thế kỷ 18. Nước ta đã tiếp nhận rất nhiều đóng góp mới về đất đai và chủng tộc. Tuy vậy tổ chức của ta lại không thích nghi với những thay đổi đó và vẫn được quan niệm một cách sai lầm như là đất nước của một cộng đồng duy nhất: cộng đồng người Kinh. Lịch sử của ta là lịch sử của người Kinh. Văn hóa của ta là văn hóa của người Kinh. Các quan niệm về đạo lý, xã hội, luật pháp đều dựa trên người Kinh và nhắm phục vụ cho người Kinh. Có lẽ là quá trình mở nước và giữ nước khó khăn của ta đã không cho ta thời giờ và phương tiện để suy nghĩ một cách nghiêm túc về một chính sách cộng đồng, nhưng phải nói thực là chúng ta rất thiếu sót về điểm này. Trong suốt dòng lịch sử, trừ một vài ngoại lệ ít ỏi, người Kinh hầu như chưa hề nhìn nhận một trách nhiệm nào đối với các sắc tộc ít người mà chỉ áp đặt khuôn mẫu của mình, nếu cần bằng bạo lực. Tình trạng này nếu không được nhận định rõ rệt để kịp thời có chính sách thỏa đáng có thể dẫn tới những hậu quả rất tai hại, nhất là trong bối cảnh thế giới hiện nay và sắp tới. Nhiều quốc gia đang và sẽ còn phải khốn đốn vì những cuộc nổi dậy cuồng nhiệt của các sắc tộc ít người vùng lên đòi bản thể. Nếu chúng ta không cảnh giác để cho tình trạng này xảy ra thì hai vùng rộng lớn của đất nước là miền Thượng Du phía Bắc và miền Cao Nguyên Trung Phần có thể trở thành bất ổn và không phát triển được.

Các cộng đồng đều phải được tôn trọng như nhau trong một đất nước Việt

Nam được định nghĩa như là đất nước của các cộng đồng. Cộng đồng người Việt gốc Khmer đã sống từ ngàn xưa tại miền Nam, cộng đồng người Việt gốc Hoa đã góp công lớn khai mở ra miền Nam phải được coi là những người Việt Nam trọn vẹn trước luật pháp cũng như trong tình cảm dân tộc.

Quốc gia Việt Nam phải gạt bỏ hẳn ý đồ đồng nhất hóa để mưu tìm đồng tiến trong dị biệt. Chúng ta phải khẳng định rằng đất nước Việt Nam không được định nghĩa bằng một chủng tộc mà bằng sự chấp nhận chia sẻ một tương lai chung.

Ngày nay người Kinh đã chiếm đa số trên khắp lãnh thổ, giải pháp thành lập những vùng tự trị cho các sắc tộc không còn khả thi nữa, nhưng tản quyền sẽ cho phép các sắc tộc có tiếng nói đáng kể trong các chính quyền địa phương. Văn hóa, ngôn ngữ của các sắc tộc ít người phải được coi là thành phần của văn hóa Việt Nam mà nhà nước có nhiệm vụ gìn giữ. Lịch sử Việt Nam cũng phải được xét lại và được coi như lịch sử của các sắc dân đã hợp lại để tạo thành đất nước Việt Nam.

Tinh thần tôn trọng các cộng đồng cũng phải được mở rộng ra tới các cộng đồng tôn giáo, các cộng đồng tư tưởng, các cộng đồng nghề nghiệp và các cộng đồng không thành hình thái do nếp sống khác nhau của từng địa phương mà có.

Kể từ ngày 30 tháng 4-75 chúng ta lại có thêm một cộng đồng mới: cộng đồng người Việt hải ngoại. Những người Việt Nam này đã ra đi vì không chấp nhận chế độ cộng sản. Họ phải được nhìn nhận quyền công dân tức khắc và trọn vẹn, cho họ cũng như cho con cái sinh ra tại nước ngoài.

Sự hình thành của cộng đồng Việt Nam Hải Ngoại là một yếu tố rất mới và một may mắn lớn cho đất nước. Nhờ cộng đồng này người Việt Nam đã làm quen được với mọi nếp sống và mọi nền văn minh, đã thử nghiệm mọi khuôn mẫu tổ chức xã hội, đã len lỏi vào mọi bộ môn khoa học kỹ thuật. Cộng đồng này, một khi nối lại được quan hệ bình thường với đất nước, sẽ là một bảo đảm rằng Việt Nam sẽ là một nước cởi mở, sẽ rũ bỏ được mọi cố chấp và thành kiến, sẽ vinh viễn ra khỏi ngõ cụt cố chấp. Cộng đồng này tuy chưa đông nhưng có tiềm năng đóng góp lớn cho đất nước. Người Việt hải ngoại sẽ là những đầu

cầu khoa học, kỹ thuật, văn hóa, thương mại vô cùng quý báu mà nhà nước Việt Nam không có phương tiện để tạo ra. Kinh nghiệm cho thấy rằng các quốc gia phát triển mau chóng trong những năm gần đây đều đã nhờ sự đóng góp của một cộng đồng hải ngoại hùng mạnh. Bất cứ một nhà nước Việt Nam khôn ngoan nào cũng phải khuyến khích liên lạc giữa trong và ngoài nước, nhìn nhận một thực thể Việt Nam Hải Ngoại và tìm mọi sáng kiến để cộng đồng Việt Nam hải ngoại ngày một lớn mạnh.

6. Dứt khoát chọn lựa một nền kinh tế thị trường lấy tư doanh làm nền tảng

Kinh nghiệm thế giới trong nhiều thập niên qua đã chứng tỏ rằng các chính sách kinh tế tập thể, quốc doanh đều dẫn đến thất bại. Kinh nghiệm cũng đã cho thấy rằng thị trường tự do là hướng dẫn chính xác nhất cho sản xuất và là bảo đảm chắc chắn nhất cho một sự phân phối hiệu nghiệm. Chọn lựa kinh tế phải có cho Việt Nam là một nền kinh tế thị trường, lấy xí nghiệp tư làm nền tảng, lấy óc kinh doanh và sáng kiến làm sức mạnh, lấy tinh thần cầu tiến và làm giàu làm động cơ, lấy lợi nhuận làm phần thưởng và chất kích thích.

Chọn lựa ấy có nghĩa là nhà nước sẽ không làm tất cả những gì mà tư doanh có thể làm được. Vai trò kinh tế chủ yếu của nhà nước là bảo đảm sự ổn vững của đồng tiền, ngăn ngừa những cạnh tranh bất chính và đầu tư vào những ngành nhiều triển vọng mà tư nhân chưa dám hoặc chưa đủ khả năng đầu tư. Nhà nước cũng có chức năng cảnh giác trước những khuynh hướng kinh doanh có phương hại và khuyến khích những hoạt động kinh tế có lợi, nhưng nhà nước thực hiện chức năng này chủ yếu bằng thông tin và nâng đỡ chứ không phải bằng mệnh lệnh và cấm đoán. Nhà nước sẽ dồn mọi cố gắng bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ trật tự an ninh, bảo vệ công lý, bảo vệ môi trường sinh sống, phát huy các mối bang giao quốc tế có lợi, xây dựng và củng cố đồng thuận dân tộc, nghĩa là làm đúng chức năng của một nhà nước.

7. Không ngừng cảnh giác bảo vệ công bằng xã hội

Trong các nhiệm vụ của Nhà Nước Dân Chủ Đa Nguyên, nhiệm vụ trọng

yếu nhất là bảo đảm công bằng xã hội. Trong căn bản triết học của nó, chủ nghĩa đa nguyên tôn trọng mọi thành phần trong xã hội, do đó nó không chấp nhận để một thành phần bóc lột và chà đạp một thành phần khác. Và lại một dân tộc không có liên đới thì không còn là một dân tộc. Chúng ta hiểu công bằng xã hội là liên đới xã hội. Chúng ta không thể bỏ rơi những người yếu kém, sa cơ lỡ bước, như một xã hội văn minh không thể từ khước một cái nạng cho người thương tật. Chúng ta nhìn nhận sự bình đẳng của mỗi con người trong xã hội và chúng ta cần dành những phương tiện để thực hiện sự bình đẳng đó.

Công bằng xã hội là điều kiện cơ bản để giữ gìn sự bền chắc của nền tảng xã hội, bảo đảm sự tham gia tích cực và phấn khởi của mọi người vào tương lai đất nước, tránh những xung đột có thể làm gây đổ vỡ tiến của dân tộc về tương lai và đưa đến bạo loạn.

Trong thực tế, phát triển kinh tế thường dễ ra và làm trầm trọng thêm những chênh lệch trong xã hội. Nhiệm vụ trọng yếu của nhà nước là ngăn chặn và làm giảm thiểu những nguyên nhân căng thẳng mà sự phát triển, vì không thể nào hoàn toàn nhịp nhàng, chắc chắn sẽ đem lại.

Công bằng xã hội đòi hỏi một cố gắng không ngừng trong việc tái phân phối lợi tức quốc gia nhằm bênh vực những thành phần yếu kém.

Công bằng xã hội đòi hỏi một hệ thống bảo trợ xã hội đảm bảo những nhu cầu tối thiểu về thực phẩm và sức khỏe cho mọi người.

Công bằng xã hội đòi hỏi một hệ thống giáo dục và đào tạo phổ cập và liên tục đảm bảo những cơ hội thăng tiến đồng đều cho mọi công dân.

Nhìn một cách ngắn hạn công bằng xã hội có thể là một gánh nặng cho quốc gia và một trở ngại cho phát triển kinh tế nhưng, nhìn một cách dài hạn hơn và sáng suốt hơn, nó là một bắt buộc để phát triển kinh tế có thể tiếp tục. Công bằng xã hội cũng là điều kiện tối cần thiết để đảm bảo tình tự dân tộc và sự gắn bó của quốc gia.

Công bằng xã hội tuyệt đối là điều không thể có. Điều quan trọng là nhà nước coi công bằng xã hội là ưu tư thường trực. Chính vì công bằng xã hội là vấn đề vừa cần thiết, vừa tế nhị mà chúng ta phải gìn giữ nó thật cẩn trọng, như

gìn giữ linh hồn của chúng ta.

Nhà nước dĩ nhiên đảm nhận nhiệm vụ thực hiện công bằng xã hội. Nhưng nhà nước cũng sẽ đặc biệt khuyến khích xã hội dân sự, qua các tổ chức thiện nguyện, góp phần tích cực vào công tác trọng đại đó. Một phần ngân sách xã hội sẽ được sử dụng qua ngả xã hội dân sự. Các tổ chức thiện nguyện sẽ được tài trợ, trong một tỷ lệ do khả năng ngân sách, so với nguồn tài nguyên mà họ đã động viên được từ quần chúng cho các công tác xã hội.

Việc tham gia tích cực của xã hội dân sự vào cố gắng thực hiện công bằng xã hội vừa có tác dụng vận động sự đóng góp của quần chúng vào công tác liên đới xã hội vừa có hiệu lực đặc biệt về mặt tinh thần. Trước một văn phòng cứu trợ xã hội của nhà nước người cần được giúp đỡ có thể chỉ gặp một công chức, nhưng tại một cơ quan thiện nguyện họ gặp một người tình nguyện làm công tác xã hội vì niềm tin, họ gặp một người và một tấm lòng, sợi dây liên đới xã hội và tinh thần phấn đấu vượt qua trở ngại chỉ có thể mạnh thêm.

Chúng ta cần khẳng định rằng công bằng xã hội là nhiệm vụ của nhà nước với sự hợp tác của xã hội dân sự chứ không phải là trách nhiệm của các xí nghiệp, chúng ta khẳng định rằng công bằng xã hội không thể can thiệp vào hoạt động kinh tế và trở thành một trở ngại cho việc điều hành kinh tế.

Công bằng xã hội cũng đòi hỏi một quyết tâm sắt đá bài trừ tham nhũng và những mầm mống của tham nhũng. Tham nhũng là bất công lớn nhất. Tham nhũng là bệnh ung thư của xã hội. Nó làm sai lệch những qui luật kinh doanh khách quan của kinh tế thị trường và làm tê liệt óc sáng tạo, ngăn chặn cái hay, che chở sự tồi đố và tôn vinh sự gian trá. Chúng ta sẽ đàn áp và tiêu diệt tham nhũng một cách không nhân nhượng như một vi phạm trầm trọng đạo lý và công bằng xã hội.

8. Tiến tới một nền kinh tế công nghiệp và dịch vụ

Với đất đai canh tác tuy ít nhưng phì nhiêu, Việt Nam có tiềm năng nông nghiệp đáng kể. Nông nghiệp trong ngắn hạn là đòn bẩy cho sự hồi sinh và điểm khởi đầu của phát triển kinh tế. Do đó nông nghiệp là trọng tâm kinh tế tức khắc

của chúng ta và cũng sẽ còn là trọng tâm kinh tế của chúng ta trong khoảng một thập niên nữa.

Tuy nhiên trong trung hạn, vì đất đai chật hẹp và dân số đông đảo, Việt Nam không thể là một nước nông nghiệp lớn. Ngược lại vị trí của ta thuận lợi, nhân lực của ta dồi dào và tinh nhuệ. Chức năng tự nhiên của chúng ta là chức năng của một quốc gia công nghiệp, thương nghiệp và hàng hải. Chúng ta phải chuẩn bị ngay từ bây giờ cho tương lai đó.

Mục tiêu kinh tế của chúng ta trong hai mươi năm tới là chuyển hóa từ một nền kinh tế nông nghiệp sang một nền kinh tế công nghiệp và thương nghiệp. Điều này có nghĩa là mặc dầu năng suất và sản lượng của nông nghiệp vẫn không ngừng tăng lên trọng lượng của nông nghiệp trong tổng sản lượng quốc gia cũng như trong phối trí nhân lực sẽ giảm dần đi. Bước đầu của cố gắng chuyển hóa này là phát triển những ngành công nghiệp gắn bó với nông nghiệp như công nghiệp thực phẩm, chế tạo phân bón, thuốc trừ sâu, nông cơ, v.v... song song với cố gắng tìm thị trường xuất khẩu cho nông phẩm.

Ngoài những cố gắng dồn vào những ngành mà triển vọng đã thấy rõ như ngư nghiệp, du lịch, chúng ta sẽ đặc biệt chú trọng tới hai triển vọng mới là dịch vụ thương cảng và tin học. Cả hai ngành này đều đòi hỏi một chính sách mở cửa trọn vẹn, thẳng thắn ra thế giới bên ngoài.

Do vị trí và bờ biển thuận lợi của ta, Việt Nam có thể có những thương cảng rất lớn, đặc biệt cảng Cam Ranh là một quà tặng vô cùng quý báu của thiên nhiên mà ta phải giữ trọn vẹn chủ quyền và triệt để khai thác. Chúng ta sẽ sẵn sàng ký những hợp đồng xây dựng và khai thác dài hạn một số thương cảng với các tổ hợp nước ngoài. Nhưng điều quan trọng để thu hút những dịch vụ thương mại quốc tế là tình hình trật tự an ninh phải ổn định, thể chế chính trị phải cởi mở và hệ thống viễn thông phải hoàn chỉnh.

Người Việt Nam ta rất có khiếu về ngành tin học. Đây là một ngành còn chưa trưởng thành và còn cần tới rất nhiều chuyên viên với giá rất cao. Việt Nam có thể có rất nhiều, và hiện đã có khá nhiều, chuyên viên giỏi với thù lao đòi hỏi rất thấp so với thù lao tại các nước phát triển, ngay cả so với các nước

trong vùng.

Chúng ta sẽ không thiết lập các khu kinh tế với qui chế đặc biệt như kiểu "khu chế xuất" mà sẽ dành mọi khuyến khích và dễ dãi cho các hoạt động kinh tế trên cả nước, với một luật kinh doanh chung cho toàn lãnh thổ.

Đất nước ta may mắn là một quốc gia duyên hải, các vùng đông dân đều không xa bờ biển và cũng không xa các cảng tốt. Dựa vào ưu thế đó chúng ta sẽ theo đuổi một chính sách công nghiệp hóa tại chỗ bằng cách thiết lập các trung tâm công nghiệp trải đều trên khắp lãnh thổ. Chính sách này đòi hỏi một đầu tư quan trọng cho hệ thống giao thông và truyền thông nhưng bù lại sẽ tiết kiệm được những tổn kém còn quan trọng hơn về di dân, và đồng thời cũng tránh được nạn nhân mãn tại các thành phố lớn mà các quốc gia đang mở mang đều gặp. Cần nhấn mạnh rằng mọi chính sách tương lai đều tuyệt đối không mang tính cưỡng bách. Tái phối trí dân số và lực lượng lao động là hiện tượng thường trực và tự nhiên trong mọi quốc gia, nhất là tại các quốc gia đang phát triển, nhưng cách hay nhất vẫn là để người dân trọn quyền chọn lựa nghề nghiệp và nơi sinh sống sau khi được thông tin đầy đủ về các cơ hội. Đó là phương thức để trí tuệ cá nhân và sách lược quốc gia bổ túc cho nhau và điều chỉnh lẫn nhau.

9. Theo đuổi "một chủ nghĩa nước nhỏ"

Chúng ta hiện nay là một nước rất thua kém, yêu cầu cấp bách nhất của chúng ta là phát triển, bắt kịp các nước mở mang. Do đó chính sách căn bản của Việt Nam trong giai đoạn này phải là một chủ nghĩa nước nhỏ.

Chủ nghĩa nước nhỏ là gì? Nói một cách giản dị, đó là nhẫn nhục hôm nay để lớn mạnh ngày mai.

Về mặt đối nội, chủ nghĩa nước nhỏ có nghĩa là chúng ta sẽ không chia rẽ và xung khắc với nhau về những chủ thuyết cao siêu, sẽ cùng nhau nhận diện số phận hẩm hiu, thương yêu và đùm bọc lẫn nhau để cùng dắt tay nhau ra khỏi bế tắc. Nhà nước sẽ từ chối những chi tiêu có tính huênh hoang gây thanh thế, tập trung mọi tài nguyên và sinh lực cho cố gắng ra khỏi tình trạng thua kém. Nhà nước sẽ trân trọng bảo vệ và gìn giữ những thành quả ít ỏi đã đạt được, nhà

nước sẽ đặt trọng tâm vào giáo dục và đào tạo, và sẽ đầu tư vào một nền giáo dục thực dụng trước tiên.

Về mặt đối ngoại, chúng ta sẽ không tranh giành một vai trò quốc tế nào, sẽ không có thái độ trong những tranh chấp quốc tế trừ khi để bênh vực lẽ phải, đạo đức và công pháp quốc tế. Chúng ta sẽ cố gắng tạo một hình ảnh hiền hòa, khiêm tốn để được cộng đồng quốc tế chấp nhận như một quốc gia có thể giao thương được, sẽ dứt khoát không can dự vào một xung đột quốc tế nào.

Điều đáng lo ngại hiện nay là chúng ta đang sống trong một khu vực có nhiều khả năng gây ra căng thẳng, thậm chí xung đột. Chúng ta coi sự hiện diện quân sự tích cực của Hoa Kỳ trong vùng là một yếu tố cần thiết để bảo đảm hòa bình và ổn vững, và chúng ta sẽ khuyến khích sự hiện diện đó.

Chúng ta coi hợp tác với Hoa Kỳ và các nước Tây Phương là một phúc lợi lớn không những mở ra cho ta những thị trường lớn, đem lại những chuyển giao khoa học kỹ thuật quý báu mà còn giúp ta tiếp thu cách tổ chức, suy nghĩ và làm việc của các xã hội dân chủ tiên tiến. Chúng ta sẽ thành thực và khiêm tốn hợp tác với họ và học hỏi nơi họ.

Với một chính sách đối ngoại khiêm tốn và hòa bình chúng ta sẽ không cần một quân lực đông đảo. Với một chính sách đối nội tôn trọng mọi quyền tự do và dựa trên tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, chúng ta sẽ không cần một bộ máy cảnh sát công an đồ sộ. Quân đội và cảnh sát vì vậy sẽ được giảm tới mức tối thiểu, nhưng đầy đủ, để làm tròn nhiệm vụ của những công cụ phi chính trị bảo vệ lãnh thổ và giữ gìn trật tự an ninh.

Tinh thần của chủ nghĩa nước nhỏ là nhìn nhận sự thua kém của mình và động viên tất cả tài nguyên và sinh lực để đưa đất nước đi lên. Với dân số đông đảo và những con người cần mẫn, lại được một vị trí thuận lợi, Việt Nam có tiềm năng lớn và có quyền mong muốn một chỗ đứng vẻ vang trên thế giới.

Nhưng muốn ước mơ đó thành sự thực thì trước hết chúng ta cần nhiều cố gắng và nhẫn nại. Chính sự theo đuổi chủ nghĩa nước nhỏ sẽ cho phép chúng ta, sau vài thập niên, trở thành một nước lớn.

10. Thực hiện một chính sách đối ngoại hòa bình và hợp tác song song với một chính sách láng giềng tốt

Trong một thế giới đầy tranh đua như hiện nay các mối bang giao tốt là điều không thể thiếu. Chúng ta sẽ không bỏ lỡ một cơ hội nào để thiết lập và tăng cường mọi liên hệ hợp tác với mọi quốc gia trên thế giới, trước hết là với các quốc gia lân cận.

Đối với các nước Phương Tây, đặc biệt là Pháp và Hoa Kỳ là hai nước đã từng có những quan hệ phức tạp và xung động, chúng ta bình thường hóa không những quan hệ ngoại giao mà cả quan hệ văn hóa và tình cảm. Chúng ta còn rất nhiều để học hỏi nơi họ và cũng có rất nhiều để trông đợi ở một sự hợp tác lưỡng lợi. Chúng ta cũng cần lưu ý đặc biệt đến những quốc gia mà chính sách di dân còn dễ dãi hoặc có triển vọng dễ dãi để phát triển cộng đồng người Việt hải ngoại. Một chính sách đối ngoại hiếu hòa và khiêm tốn, đi song song với sự tận dụng khả năng đóng góp của cộng đồng Việt Nam hải ngoại là căn bản của những cố gắng ngoại giao của chúng ta.

Nhưng gần hơn hết chúng ta phải củng cố và tăng cường chỗ đứng của ta tại khu vực Châu Á và Thái Bình Dương đặc biệt là trong lòng khối ASEAN. Trong lòng khối này chúng ta sẽ góp phần tích cực tăng cường sự liên đới, hạ thấp dần những hàng rào văn hóa và mậu dịch, thúc đẩy sự hình thành thực sự của một vùng trao đổi tự do trong tinh thần tương trợ và tương kính giữa các dân tộc.

Gần nhất, ta phải thắt chặt quan hệ hợp tác với hai nước bạn láng giềng Lào và Cam-bốt. Chúng ta đã là nạn nhân của một âm mưu chia để trị xuất phát từ thời ngoại thuộc Pháp mà ngày nay ta phải phá vỡ. Biên giới của ta với hai nước này không đổi từ hơn hai thế kỷ nay. Đó là một trong những biên giới ổn vững nhất thế giới, làm chúng cho khả năng sống chung hòa bình giữa Việt Nam, Lào và Kampuchea. Nhưng chúng ta cũng cần đồng loạt tuyên cáo một chính sách hiếu hòa thực sự và làm nhiều cố gắng ngoại giao để đánh tan những hiểu lầm do một quá khứ còn khá mới để lại. Chúng ta sẽ đề nghị và vận động để ký kết với hai nước láng giềng này một hiệp ước tôn trọng các biên giới hiện

có với mọi đề dài về giao thông và thương cảng để họ có thể khai thông ra đại dương. Chúng ta sẽ đề nghị với họ cùng hợp tác xây dựng các trục lộ giao thông ra biển, và nếu có thể, tiến tới một thỏa ước tự do đi lại và di trú. Cả Lào và Cam-bốt đều cần đường ra biển qua ngã Việt Nam nên sự hợp tác sẽ là điều tự nhiên nếu họ vững tin rằng Việt Nam tôn trọng bản thể và lãnh thổ của họ. Việt Nam, Lào và Cam-bốt có nhiều triển vọng để hình thành một khối hợp tác gắn bó trong đó cả ba đều có lợi và đều phát huy được thế mạnh kinh tế riêng của mình.

Đối với Trung Quốc chúng ta cần giải quyết trong tinh thần hữu nghị những tranh chấp về lãnh hải và hải đảo để mở đầu một giai đoạn hợp tác. Hai nước có chung một biên giới dài, đã từng có chung một văn hóa và cũng có rất nhiều tương đồng về cấu tạo nhân văn cho nên sự hợp tác là một lẽ tự nhiên. Điều đáng lo ngại hiện nay là Trung Quốc một mặt đang gia tăng sức mạnh quân sự và mặt khác biểu lộ một chính sách bá quyền khu vực. Đối với Trung Quốc, chúng ta cần chứng tỏ một thái độ khiêm tốn, hòa nhã nhưng kiên quyết bảo vệ chủ quyền trên lãnh thổ, vùng biển và các hải đảo. Chúng ta hy vọng sự hiện diện quân sự tích cực của Hoa Kỳ trong vùng sẽ là một đảm bảo cho hòa bình và an ninh. Chúng ta cũng có lý do để tin rằng Trung Quốc sẽ chọn lựa đường lối hòa hoãn và hợp tác, nhưng hiện đại hóa khả năng tự vệ của chúng ta cũng là một yếu tố khuyến khích Trung Quốc đi theo đường lối tốt đẹp đó. Trong ngắn hạn, khi vấn đề thống nhất của Trung Quốc chưa giải quyết xong, chúng ta sẽ chú trọng đặc biệt vào sự phát triển các quan hệ ngoại thương phi chính trị với Đài Loan.

Chúng ta không thể phủ nhận vai trò lãnh đạo kinh tế Châu Á của Nhật và phải đặt quan hệ kinh tế với Nhật lên hàng một quốc sách phát triển. Chúng ta phải tranh thủ vốn đầu tư của các công ty Nhật, đồng thời quân bình đầu tư của Nhật với đầu tư từ các nước khác.

Sau cùng chúng ta cũng cần có một nhận định sáng suốt và thực tiễn đối với các nước thuộc Đông Âu và Liên Xô cũ. Các nước này là những thị trường đầy tiềm năng trong đó chúng ta đã sẵn có nhiều người bạn, nhiều quan hệ và hiểu biết cần được khai thác vì lợi ích của chính chúng ta.

11. Ngăn chặn đà gia tăng dân số

Chúng ta hiện có một dân số 75 triệu dân, đứng hàng thứ 13 trên thế giới, với một diện tích rất hẹp, 330.000 cây số vuông. Đã thế tỷ lệ đất đai thực sự canh tác và sinh sống được của ta lại rất thấp, chỉ ở mức một phần ba. Trong khi đó dân số của ta tiếp tục gia tăng một cách báo động, gần 2,3% mỗi năm. Bước vào thế kỷ 21 chúng ta sẽ có trên 80 triệu dân. Mặt khác khả năng kinh tế của ta không cho phép dự trù những đầu tư lớn vào việc mở rộng vùng đất sinh sống và canh tác. Chặn đứng đà gia tăng dân số vì vậy là một vấn đề sinh tử và cấp bách.

Kinh nghiệm của chính quyền cộng sản cho thấy là một chính sách hạn chế sinh đẻ quả quyết đến độ dã man chỉ làm xuống cấp con người chứ không làm giảm dân số. Vấn đề cần được giải quyết ở tận gốc rễ văn hóa và nhân sinh quan của nó. Trong giáo dục học đường và đại chúng cần phổ biến các kiến thức về ngừa thai và bình thường hóa quan hệ nam nữ, cần tách rời việc lập gia đình và có con cái với việc thỏa mãn nhu cầu sinh lý.

Sinh đẻ nhiều cũng do hai nguyên nhân khác mà ta cần khắc phục, đó là trình độ văn hóa và vai trò xã hội kém của phụ nữ, và sự lo âu của tuổi già. Nâng cao trình độ văn hóa của phụ nữ và hội nhập một cách tích cực phụ nữ vào sinh hoạt kinh tế xã hội là một đầu tư cần thiết để chặn đà gia tăng dân số. Mọi kinh nghiệm trên thế giới đều chứng tỏ rằng càng có trình độ văn hóa cao, càng tham gia tích cực vào sinh hoạt kinh tế, phụ nữ càng có khuynh hướng tự hạn chế sinh đẻ. Kinh nghiệm cũng cho thấy rằng bảo đảm cuộc sống cho người già sẽ hạn chế được một cách đáng kể đà gia tăng dân số vì con đông trước hết là một đảm bảo cho tuổi già ở các nước thiếu an sinh xã hội. Phải săn sóc người già nếu không muốn phải tiếp nhận thêm quá nhiều trẻ thơ mà chúng ta không có khả năng nuôi dưỡng và giáo dục. Chúng ta cần một đạo luật bảo đảm một lợi tức tối thiểu cho những người già cả. Chính sách này sẽ tạo một tâm lý an toàn và chắc chắn sẽ làm giảm ngay mức sinh đẻ, nhất là với niềm tin là lợi tức bảo đảm cho tuổi già sẽ càng ngày càng tăng với phát triển kinh tế.

Sau cùng chúng ta cũng có quyền tin tưởng là đa gia tăng dân số sẽ giảm xuống trong một xã hội có thông tin đầy đủ và có cơ hội thăng tiến cho mọi người. Một khi có đủ lạc quan để lập kế hoạch cho tương lai mình, các cặp vợ chồng sẽ tự nhiên nhận thấy họ phải hạn chế số con cái.

V. Chế độ chính trị cho một nước Việt Nam dân chủ đa nguyên

Việc chọn lựa một chế độ chính trị không thể là một chọn lựa thuần túy lý thuyết, càng không thể là sự sao chép một khuôn mẫu sẵn có đã thành công tại một quốc gia khác, dù chúng ta trân trọng tới đâu kinh nghiệm của các dân tộc trong cuộc hành trình tới dân chủ và phồn vinh.

Chúng ta chọn lựa một chế độ chính trị đáp ứng sáu yêu cầu cơ bản của đất nước: xây dựng dân chủ, phát triển, hòa giải và hòa hợp dân tộc, giảm thiểu chênh lệch giữa các vùng, thỏa mãn khát vọng của các thiểu số sắc tộc và tôn giáo, và thực hiện thống nhất đất nước thực sự. Dưới ánh sáng của sáu yêu cầu cơ bản đó chúng ta chọn một chế độ chính trị dân chủ và tàn quyền.

Có hai lo âu cần được giải tỏa.

Lo âu thứ nhất là một chế độ đa nguyên và đa đảng có thể gây ra tình trạng phân tán đảng phái, trong đó không có đảng nào có được đa số để nắm chính quyền và do đó gây ra tình trạng bất ổn chính trị. Người ta có thể lo sợ rằng chính quyền sẽ thay đổi liên tục tùy theo những hợp tan của những liên minh tạm bợ.

Lo âu này không có căn cứ, nó xuất phát từ một hiểu lầm do một tuyên truyền đầu độc mà nhiều người Việt Nam đã là nạn nhân.

Sự kiện có ít hay nhiều đảng phái tùy thuộc chủ yếu ở thể thức đầu phiếu, chứ không phải ở mức độ tự do chính trị. Nói một cách giản dị: lối đầu phiếu đơn danh và một vòng đưa tới chế độ lưỡng đảng vì loại bỏ các đảng nhỏ, trong khi lối đầu phiếu theo tỷ lệ đưa tới sự xuất hiện của nhiều chính đảng.

Bầu đơn danh và một vòng có nghĩa là mỗi đơn vị bầu ra một dân biểu và các ứng cử viên ra tranh cử với tư cách pháp lý cá nhân, dù có thể mang nhãn hiệu của một chính đảng, ai được số phiếu cao nhất sẽ đắc cử. Lối bầu cử này có lợi cho các chính đảng lớn, loại các đảng nhỏ và bảo đảm sự hiện hữu thường

trực của một đa số để thành lập và điều hành chính phủ một cách ổn vững, ngược lại nó không cho phép các khuynh hướng thiểu số có tiếng nói tại nghị trường. Trên thực tế nó thường đưa tới chế độ lưỡng đảng. Như vậy lối đầu phiếu đơn danh và một vòng là giải đáp kỹ thuật cho ưu tư có một chính quyền ổn vững mà không cần giới hạn tự do chính trị về mặt pháp chế.

Bầu theo tỷ lệ có nghĩa là đầu phiếu chung trên cả nước hay trong mỗi vùng, giữa các chính đảng với nhau, và số dân biểu đắc cử của mỗi chính đảng sẽ tỷ lệ với số phiếu của mình; lối đầu phiếu này rất dân chủ vì cho phép mọi khuynh hướng có tiếng nói và chỗ đứng trong quốc hội, nhưng ngược lại nó có nguy cơ đưa tới một quốc hội phân tán trong đó không có đảng nào có đa số đủ để cầm quyền.

Giải pháp tối ưu là một sự phối hợp giữa hai lối đầu phiếu này để vừa đảm bảo dân chủ vừa đảm bảo sự ổn vững tương đối của chính quyền. Về mặt kỹ thuật có thể có vô số công thức, kể cả lối đầu phiếu đơn danh hai vòng với tác dụng kết hợp các đảng có cùng khuynh hướng trong vòng hai.

Những nhận định này cho phép ta khẳng định rằng viện lý do ổn định chính trị để giới hạn hoạt động chính đảng là vô căn cứ. Trong nước Việt Nam tương lai không cần có, và cũng không thể có, bất cứ một giới hạn nào đối với quyền thành lập và phát triển các chính đảng.

Cùng cần chấm dứt một sự lẫn lộn gian trá về ổn định. Ổn định có hai nghĩa.

Nghĩa thứ nhất là *ổn định dân sự*, nghĩa là ổn định trong cuộc sống của mỗi công dân, là đảm bảo không bị bắt bớ, tịch thu tài sản, cấm kinh doanh, không là nạn nhân của những quyết định tùy tiện của chính quyền. Ổn định này rất cần thiết cho phát triển kinh tế, vì có như thế người dân mới có thể yên trí để tiên liệu và hoạch định sinh hoạt của mình. Ổn định này đòi hỏi dân chủ, nhân quyền và nhà nước pháp trị.

Nghĩa thứ hai là *ổn định của tập đoàn cầm quyền*, hay nói khác đi là sự kéo dài của một chính quyền với cùng những người cầm quyền. Sự kéo dài này, nếu không do bầu cử tự do mà là do một chế độ độc tài bạo ngược, còn rất mâu thuẫn

với ổn định dân sự, bởi vì người dân luôn luôn phải sống trong sợ sệt, và do đó hoàn toàn mâu thuẫn với phát triển.

Kinh nghiệm cho thấy ổn định dân sự rất cần cho phát triển, trong khi ổn định của tập đoàn cầm quyền hoàn toàn không có ảnh hưởng, hoặc chỉ có ảnh hưởng xấu. Tại Nhật, từ sau thế chiến hai tới nay, ít có chính phủ nào kéo dài được hai năm. Tại Ý, tuổi thọ trung bình của các chính phủ còn ngắn hơn nhiều. Mặc dầu vậy kinh tế của cả hai nước này đều phát triển nhanh chóng, họ đều là thành viên của nhóm bảy nước phát triển nhất. Trong khi các nước có những chính quyền kéo dài như Việt Nam, Cuba, Bắc Triều Tiên và nhiều nước thuộc Châu Phi và Châu Mỹ la-tinh lại rất trì trệ và lạc hậu.

Khi các tập đoàn độc tài - như ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam - nói cần phải có ổn định để phát triển, nhiều người đồng ý với họ vì hiểu đó là ổn định dân sự trong khi họ thực hiện ổn định theo nghĩa thứ hai, nghĩa là ổn định của tập đoàn cầm quyền. Đó là một sự gian trá cần được tố giác.

Lo âu thứ hai là tấn quyền có thể phương hại tới thống nhất lãnh thổ và tái lập lại tình trạng sứ quân.

Câu trả lời dứt khoát là không.

Các vùng không phải là những quốc gia, tự quản không đồng nghĩa với độc lập. Luật pháp của vùng không thể mâu thuẫn với luật pháp quốc gia.

Cùng nên có một cái nhìn lành mạnh hơn về thống nhất, vượt lên trên sự thống nhất hành chính nặng nề và bần giấy. Thống nhất chủ yếu là thống nhất trong lòng người. Khi mỗi người và mỗi địa phương cảm thấy có chỗ đứng và tiếng nói trong cộng đồng quốc gia trong khi những nét đặc thù của mình vẫn được tôn trọng thì họ càng cảm thấy hòa nhập vào quốc gia, và hòa hợp dân tộc càng mạnh thêm. Ngược lại, trong thế giới đồn dập sinh hoạt hiện nay và trong một quốc gia với gần một trăm triệu người, một chính quyền trung ương tập quyền không thể nào định đoạt tất cả, các địa phương trên thực tế vẫn tự trị, nhưng tự trị một cách bất hợp pháp, nghĩa là luôn luôn ở trong thế xung đột với chính quyền trung ương, và do đó với cộng đồng quốc gia. Trung ương tập

quyền vì vậy đưa tới sự quân thay vì thống nhất. Chính vì tác dụng đoàn kết dân tộc của nó mà tản quyền cần được thực hiện cả trên bình diện quốc gia lẫn trong tổ chức của mỗi vùng.

Tản quyền là xu hướng áp đảo của thời đại này, và là kết luận của hai thế kỷ thử nghiệm dân chủ trên trái đất. Điều đáng ngạc nhiên là các dân tộc đã mất một thời gian dài như vậy để khám phá một sự thật đơn giản: một nội các chỉ có thể gồm một số ít người, và một số ít người không thể quyết định tất cả cho một quốc gia rộng lớn với số người đông đảo, sinh sống trên những vùng đất với những điều kiện địa lý và nhân văn khác nhau.

Tản quyền có những ưu điểm rõ rệt: nó khuyến khích sinh hoạt chính trị tại các địa phương, nó đem dân chủ tới mọi nơi với mọi người, nó tránh được những đường dây hành chính dài và phức tạp cho sinh hoạt thường ngày, nó kích thích sinh hoạt văn hóa và báo chí địa phương, nó cho phép mỗi địa phương chọn lựa công thức sinh hoạt phù hợp nhất với đặc tính của mình và nhờ đó mà phát triển. Các vùng nghèo và khó khăn sẽ có được một chính quyền riêng dành tất cả ưu tư cho việc phát triển vùng và đưa vùng lên ngang tầm phát triển của cả nước, thay vì bị quên lãng bởi một chính quyền trung ương bận rộn với những vấn đề dồn dập của các vùng đã phát triển và có hoạt động mạnh. Không ai báo động một cách thành tâm và chính xác tình trạng khó khăn của một vùng bằng một chính quyền của vùng mà sứ mạng duy nhất là phát triển vùng.

Tản quyền còn đóng góp vào sự ổn vững của quốc gia và của dân chủ. Một mặt nó vô hiệu hóa những âm mưu đảo chính (lật đổ chính quyền trung ương rồi làm gì với các chính quyền địa phương?). Mặt khác nó tránh các khủng hoảng đáng lẽ không có ở cấp trung ương, bởi vì vấn đề có thể đặt ra ở từng địa phương một vào những thời điểm khác nhau. Một ưu điểm vô cùng quan trọng khác của tản quyền là nó làm giảm bớt xung đột chính trị bởi vì một đảng có thể thua ở cấp trung ương nhưng vẫn có thể nắm quyền tại một số địa phương, nơi mà họ được tín nhiệm. Xung khắc chính quyền - đối lập vì vậy sẽ bớt gay gắt. Trong hoàn cảnh lịch sử hiện nay của Việt Nam, tản quyền vì vậy tránh được tình trạng được thì được hết, thua thì thua luôn, và đóng góp tích cực cho

hòa giải và hòa hợp dân tộc.

Mặt khác, chính qua các chính quyền địa phương mà khi có một sự thay đổi chính quyền qua bầu cử thì những người lên cầm quyền ở trung ương cũng không phải là những người tập sự mà ít nhất đã có kinh nghiệm ở cấp địa phương.

Tản quyền cho phép những khuynh hướng thiểu số, các tôn giáo và các sắc tộc ít người có trọng lượng chính trị đáng kể tại những địa phương mà họ hiện diện đông đảo, do đó làm dịu bớt những tâm trạng bất mãn và các ý đồ ly khai, tự trị. Tuy nhiên, muốn tản quyền có nội dung và tác dụng thực sự của nó, các vùng phải có một diện tích và một dân số khả dĩ có thể tồn tại và phát triển được.

Thực hiện tản quyền

Nước ta hiện nay có 75 triệu dân, bước vào thế kỷ 21 chúng ta sẽ có trên 80 triệu dân. Chúng ta có thể có từ mười đến mười lăm vùng, mỗi vùng từ năm tới mười triệu người.

Để tránh những phiền phức về hành chính và nhất là về hộ tịch, các vùng sẽ là sự kết hợp của một số tỉnh hiện có. Việc tập trung các tỉnh vào một vùng sẽ dựa trên các tiêu chuẩn cấu tạo sắc tộc, chức năng kinh tế, tài nguyên thiên nhiên và giao thông.

Mỗi vùng sẽ có một nghị viện riêng được quyền bổ nhiệm chính quyền vùng, ban hành các luật lệ vùng không mâu thuẫn với hiến pháp và pháp luật quốc gia, biểu quyết mức độ của một số sắc thuế, biểu quyết ngân sách địa phương.

Chính quyền vùng do nghị viện địa phương bầu ra để thi hành những chính sách đã được nghị viện địa phương biểu quyết.

Các vùng không có quyền có quân đội, không được phát hành tiền tệ riêng, không có đại diện ngoại giao, không được quyền ký hiệp ước với các nước khác, không được làm chủ các công ty có mục đích kinh doanh, không được tổ chức

những trưng cầu dân ý có tác dụng trên chính trị quốc gia.

Các vùng không được ký hiệp ước với nhau.

Mỗi công dân có quyền chọn lựa nơi cư trú trên toàn lãnh thổ. Các vùng không có quyền cấm cản sự nhập cư vào vùng mà chỉ có quyền giới hạn phạm vi lưu thông của các công dân trong tình trạng điều tra pháp lý.

Số lượng cảnh sát vùng không được vượt quá một tỷ lệ, do chính quyền trung ương qui định, so với số cảnh sát quốc gia hiện diện tại vùng.

Chính quyền trung ương được quyền ấn định một nội dung tối thiểu cho mỗi trình độ giáo dục. Các bằng cấp cho phép hành nghề tự do phải được chính quyền trung ương chuẩn nhận.

Các cơ quan chính quyền tỉnh và dưới cấp tỉnh sẽ do một đạo luật quốc gia qui định theo nguyên tắc tản quyền.

Cơ cấu chính trị

Quyết tâm của chúng ta là thực hiện dân chủ và ngăn chặn sự trở lại của bất cứ một hình thức độc tài nào. Chúng ta lựa chọn thể chế chính trị trên căn bản của quyết tâm đó. Việc đầu tiên phải làm là chọn lựa một chế độ hành pháp giữa ba chế độ trong một nền dân chủ: chế độ tổng thống, chế độ bán tổng thống và chế độ đại nghị.

Trước hết, chúng ta loại bỏ chế độ tổng thống vì nó dành quá nhiều quyền lực cho một người và, trong hoàn cảnh của một nước vừa thử nghiệm dân chủ, nó có khả năng đưa tới lạm quyền và độc tài.

Trên mặt thuần túy lý thuyết chế độ tổng thống có ưu điểm của nó, mà ưu điểm nổi bật nhất là đảm bảo một chính quyền mạnh có khả năng quyết định mau chóng những chọn lựa chiến lược cần thiết, nhưng trên thực tế không nên quên một sự kiện rất cơ bản là cho tới nay, trừ trường hợp của Hoa Kỳ, tất cả mọi chế độ tổng thống trên thế giới đều đã thất bại. Hoặc là nó dẫn tới một chế độ độc tài cá nhân, như trường hợp của hầu hết các quốc gia theo chế độ này, hoặc là nó đưa tới một xung đột bế tắc giữa hành pháp và lập pháp.

Chính sự thất bại của các chế độ tổng thống đã đưa đến sự xuất hiện của các chế độ "bán tổng thống", nghĩa là vừa có một tổng thống vừa có một thủ tướng. Tổng thống do phổ thông đầu phiếu trực tiếp bầu ra nên uy thế rất lớn, ngang hàng với một tổng thống trong chế độ tổng thống thuần túy ngay cả khi quyền hiến định có thể khác. Uy thế này là một bảo đảm cho ổn vững chính trị, tương tự như một chế độ tổng thống, bù lại cái giá phải trả là một số bất lợi của chế độ tổng thống. Tổng thống vừa là nguyên thủ quốc gia vừa là nguyên thủ hành pháp. Tổng thống chia sẻ một phần quyền hành pháp, nhiều hay ít theo qui định của hiến pháp, với một thủ tướng chịu trách nhiệm trước quốc hội trong đa số các trường hợp.

Nói chung, các chế độ bán tổng thống có tác dụng giảm bớt những bất lợi của chế độ tổng thống bằng cách dung hòa nó với chế độ đại nghị. Đã có nhiều chế độ bán tổng thống thành công.

Trong một chế độ đại nghị, quyền hành pháp ở trong tay một thủ tướng do quốc hội bầu ra và chịu trách nhiệm trước quốc hội. Như thế khi bầu ra một quốc hội, một cách gián tiếp, người dân cũng chọn lựa một thủ tướng. Ưu điểm của chế độ đại nghị là người dân bầu trước hết cho một dự án chính trị của một đảng thay vì cho một người và sau đó chọn lựa một dân biểu trong số những ứng cử viên sinh hoạt gần gũi với họ mà họ có điều kiện để đánh giá; qua dân biểu của họ, họ cũng có khả năng theo dõi và kiểm soát một cách thường trực sinh hoạt của chính phủ.

Thể chế đại nghị là thể chế dân chủ nhất và cũng là thể chế đúng đắn nhất, với điều kiện là không dẫn tới tình trạng lạm phát chính đảng và một quốc hội tê liệt vì bị phân hóa giữa nhiều khuynh hướng đối nghịch. Điều kiện này, như kinh nghiệm đã chứng minh, có thể thỏa mãn được bằng phương thức bầu quốc hội đơn danh và một vòng.

Cả hai chế độ đại nghị và bán tổng thống nếu được thực hiện đúng đắn đều có khả năng đảm bảo dân chủ và phát triển. Chúng ta chọn lựa chế độ đại nghị vì sự giản dị và tính dân chủ cao của nó.

Một thể chế tản quyền đưa tới sự hiện hữu tất nhiên của hai nghị viện ở cấp trung ương. Thượng nghị viện đại diện cho các vùng, trong khi quốc hội đại diện cho quần chúng. Ở mỗi vùng, chỉ cần một nghị viện giữ vai trò của quốc hội ở cấp địa phương.

Thượng nghị viện chỉ có ở cấp trung ương. Mỗi vùng có một số thượng nghị sĩ bằng nhau do cử tri toàn vùng trực tiếp bầu ra, cộng đồng người Việt hải ngoại cũng sẽ được đại diện. Thượng nghị viện có vai trò: bảo đảm sự thống nhất và hòa hợp quốc gia qua các vùng, đề nghị các dự luật, phúc thẩm, nếu cần, các đạo luật do quốc hội biểu quyết, khuyến cáo và đề nghị với chính phủ về các chính sách và về việc bổ nhiệm nhân sự cấp cao. Thượng nghị viện có quyền đòi các viên chức chính quyền mọi cấp ra điều trần.

Quốc hội gồm các dân biểu mà đại đa số sẽ được bầu theo lối đầu phiếu đơn danh và một vòng, số còn lại được bầu theo tỷ lệ. Trong một nước Việt Nam với dân số 80 triệu trong một tương lai gần, quốc hội có thể gồm khoảng 500 dân biểu, trong đó khoảng 450 được bầu theo thể thức đơn danh và một vòng, số còn lại bầu theo tỷ lệ trên cả nước. Việc đa số được bầu theo thể thức đơn danh và một vòng bảo đảm rằng sẽ không có tình trạng lạm phát chính đảng và sẽ có một đa số (của một đảng hay do liên minh của một vài đảng cùng khuynh hướng) để thành lập một chính phủ. Thiếu số bầu theo tỷ lệ cho phép mọi đảng phái có mặt trong quốc hội và cũng cho phép những người lãnh đạo các chính đảng có tầm vóc quốc gia khỏi phải tranh cử tại địa phương và để tập trung cố gắng cho những vấn đề của cả nước.

Tại mỗi vùng, phần nghị viên được bầu theo tỷ lệ có thể cao hơn, các nghị viên có thể được bầu một nửa theo phương thức đơn danh một vòng, một nửa theo tỷ lệ.

Để giới hạn con số các chính đảng, cần đặt một mức tối thiểu để có thể hiện diện trong quốc hội hay nghị viện vùng qua lối bầu tỷ lệ, thí dụ 5%.

Về hành pháp, ở cấp trung ương, thủ tướng do quốc hội bầu ra và chịu trách nhiệm trước quốc hội. Các bộ trưởng do thủ tướng chỉ định. Tại các vùng, hành pháp nằm trong tay một thống đốc do nghị viện vùng bầu ra và chịu trách nhiệm

trước nghị viện vùng.

Vị nguyên thủ quốc gia, tổng thống, có thể do một cử tri đoàn gồm tất cả dân biểu, thượng nghị sĩ ở cấp trung ương và các nghị viên vùng bầu ra. Vị nguyên thủ quốc gia này vì được bầu ra do một cử tri đoàn hùng hậu sẽ có một uy tín rất cao. Tổng thống không giữ một quyền hành cụ thể nào cả, nhưng là vị nguyên thủ quốc gia đúng nghĩa, đứng ngoài và đứng trên cả lập pháp, hành pháp lẫn tư pháp, có vai trò bảo đảm sự liên tục, ổn vùng và đoàn kết của quốc gia. Tổng thống cũng có thể trực tiếp cầm quyền, nghĩa là kiêm nhiệm chức vụ thủ tướng, hoặc qua một thủ tướng do mình chọn và dưới trách nhiệm của chính mình, trong trường hợp có khủng hoảng theo qui định của hiến pháp.

Pháp Viện Tối Cao, gồm những thẩm phán được chọn trong các luật gia, có nhiệm kỳ dài, khoảng mười năm, do tổng thống, chủ tịch thượng nghị viện và chủ tịch quốc hội bổ nhiệm, mỗi vị một phần ba. Pháp Viện Tối Cao có quyền phán quyết tính hợp hiến hay bất hợp hiến của các đạo luật, trọng tài những tranh tụng giữa các cơ quan quyền lực, xét xử những cấp lãnh đạo cấp cao, xét lại các bản án do các tòa án quốc gia cùng như địa phương.

Trong một thể chế như vậy sẽ có thể có rất nhiều chính đảng, nhưng ở cấp trung ương sẽ chỉ có vài đảng lớn. Ở mỗi địa phương cũng sẽ chỉ có một số đảng địa phương giới hạn bên cạnh các đảng có tầm vóc quốc gia.

Mọi chế độ dân chủ đích thực đều phải trân trọng sinh hoạt chính đảng. Không thể có sinh hoạt chính trị đúng đắn nếu không có chính đảng. Trong hoàn cảnh nước ta, sau bao năm dài dưới các chế độ độc tài trong đó mọi sinh hoạt chính trị bị đàn áp, các chính đảng không những cần thiết mà còn cần được khai sinh, khuyến khích và nuôi dưỡng. Các chính đảng là yếu tố không thể thiếu cho đất nước, và vì thế quốc gia không những không được cấm cản mà còn phải sẵn sàng trả giá cho sinh hoạt chính đảng.

Các chính đảng phải tự tài trợ trước hết bằng đóng góp của đảng viên và cảm tình viên, nhưng các đảng có tầm vóc sẽ được ngân sách tài trợ. Bù lại, mọi phương thức kinh tài khác kể cả việc nhận ủng hộ tài chánh của các công ty,

xí nghiệp sẽ bị chế tài nghiêm khắc theo luật pháp. Một tỷ lệ từ 1% đến 2% ngân sách quốc gia sẽ được dành cho việc tài trợ các chính đảng ở cấp trung ương và một tỷ lệ tương đương ở cấp ngân sách vùng. Nguồn tài trợ, tại trung ương cũng như tại địa phương, chia làm hai phần: một phần chia cho các chính đảng theo số dân biểu hoặc nghị viên; một phần chia theo tổng số phiếu của mỗi chính đảng. Để tránh tình trạng lạm phát chính đảng, cần ấn định một tầm vóc tối thiểu - dựa theo số dân biểu, nghị viên hay số phiếu được bầu - để được hưởng trợ cấp. Chi phí chính đảng này dĩ nhiên là lớn, nhiều người có thể nghĩ là quá lớn, nhưng sẽ tránh cho chúng ta những thiệt hại còn nặng nề hơn gấp nhiều lần khi các chính đảng, vì không được tài trợ, trở thành con tin của những thế lực tài phiệt hay khi họ phải kiếm tài nguyên bằng những biện pháp bất chính. Một khi cộng đồng quốc gia đã tài trợ cho các chính đảng thì bù lại cộng đồng quốc gia cũng có quyền đòi hỏi nơi các chính đảng một sự trong sạch tuyệt đối. Sinh hoạt chính trị sẽ được kính trọng và dân chủ cũng vì thế mà lành mạnh hơn.

VI. Chấm dứt độc tài và thiết lập dân chủ đa nguyên

Vấn đề trọng đại trước mắt của chúng ta là chấm dứt chế độ độc tài đảng trị. Đối với mọi người Việt Nam chế độ này không còn lý do tồn tại và phải chấm dứt thật sớm. Phong trào cộng sản đã chết, các chế độ cộng sản còn lại như chế độ cộng sản Việt Nam chỉ còn là những đứa con côi bơ vơ của một sự phá sản toàn bộ, đối với mọi người hiểu biết chế độ độc tài đảng trị hiện nay chẳng bao lâu nữa sẽ bị đào thải.

Vấn đề thực sự của chúng ta là chấm dứt chế độ độc tài này trong thời gian ngắn nhất và trong những điều kiện tốt đẹp nhất. Chúng ta đã quá chậm trễ và không còn thời giờ để phí phạm. Chúng ta không thể chấp nhận một tình trạng hỗn loạn hậu cộng sản.

Trong thế giới của hòa bình, đối thoại và hợp tác hiện nay, mọi giải pháp dùng tới bạo lực đều không tranh thủ được sự ủng hộ của thế giới. Đất nước Việt Nam cũng đã chịu quá nhiều đổ vỡ và người Việt Nam cũng đã quá chán chường và mệt mỏi để có thể chấp nhận một cuộc nội chiến mới. Những diễn biến gần đây trên thế giới cũng đã chứng tỏ rằng đấu tranh bất bạo động có khả năng đánh đổ các chế độ độc tài, ngay cả các chế độ độc tài cộng sản được tổ chức thật tinh vi. Đấu tranh bất bạo động là giải pháp ngắn nhất và tốt đẹp nhất để đưa tự do dân chủ đến thắng lợi. Đó là phương thức mà chúng ta phải chọn.

Điều may mắn cho đất nước là ngày hôm nay tuyệt đại đa số người Việt Nam đã đồng ý rằng chế độ độc tài đảng trị là một tai họa, kể cả đại bộ phận những người đã đóng góp tạo dựng ra nó. Cuộc đấu tranh để thiết lập dân chủ đa nguyên vì vậy có thể qui tụ, và phải qui tụ, mọi người thuộc mọi quá khứ chính trị.

Lịch sử các cuộc vận động chính trị lớn tại các quốc gia qua các thời đại

cho thấy có bốn điều kiện vừa cần vừa đủ để một cuộc cách mạng - hiểu theo nghĩa tích cực của một sự thay đổi toàn diện của cả chế độ lẫn định hướng quốc gia - thành công:

Điều kiện thứ nhất là mọi người trong nước đồng ý rằng chế độ hiện hữu là tệ hại và phải thay đổi.

Điều kiện thứ hai là đảng hay giai cấp cầm quyền, vì mất đồng thuận trên lý tưởng chung hay vì bị ung thối, đã chia rẽ, phân hóa và đã mất bản năng tự tồn của một đoàn thể.

Điều kiện thứ ba là đại đa số quần chúng đạt tới đồng tình về một chế độ mới và những mục tiêu quốc gia mới.

Điều kiện thứ tư là có một tập hợp chính trị xuất hiện phù hợp với nguyện ước của toàn dân làm điểm hội tụ cho những khát vọng đổi mới.

Dĩ nhiên không bao giờ có điều kiện nào được thực hiện xong 100% cả, nhưng tới một mức độ chín muồi nào đó ta có thể coi một điều kiện là đã đạt được.

Nhìn vào bối cảnh hiện tại của đất nước chúng ta có thể khẳng định là hai điều kiện đầu đã có. Toàn dân đã chán ghét chế độ và đang nôn nóng chờ đợi thay đổi. Đảng cộng sản đã ruồng nát. Cán bộ đảng viên đã mất hết mọi tin tưởng vào chủ nghĩa xã hội và ban lãnh đạo đảng, ngược lại ban lãnh đạo đảng cũng đánh giá đa số đảng viên là tham nhũng, thiếu khả năng và phẩm chất. Những xung đột rất trầm trọng đã xảy ra ngay giữa các cán bộ cấp cao. Tâm lý ngự trị trong đảng là thi nhau giành giật, mạnh ai nấy sống. Đảng cộng sản đã mất ý chí và sức sống của một đoàn thể.

Điều kiện thứ ba cũng đã gần đạt được. Đại bộ phận quần chúng, kể cả đảng viên cộng sản, đều đã đồng ý rằng chế độ chính trị tương lai của Việt Nam bắt buộc phải là một thể chế dân chủ đa nguyên, dành chỗ đứng ngang nhau cho mọi người và cho mỗi người; mọi người đều đã đồng ý rằng nền kinh tế của Việt Nam phải là kinh tế thị trường lấy tư doanh làm nền tảng, lấy cạnh tranh làm sức mạnh và lấy lợi nhuận làm chất kích thích. Hơn thế nữa chúng ta còn ý thức được rằng phải thực hiện cuộc cách mạng dân chủ này bằng đường lối bất bạo

động, trong tinh thần hòa giải dân tộc. Chúng ta chỉ còn thiếu một dự án chính trị rõ ràng và minh bạch, đặt ra những vấn đề lớn của đất nước cùng với những hướng giải quyết. Trong tinh thần đó dự án chính trị này là một đóng góp.

Sau cùng chúng ta cũng đã thấy xuất hiện những cố gắng kết hợp quan trọng. Một số những khuôn mặt tranh đấu, thuộc những quá khứ chính trị khác nhau cũng đang dần dần trở nên quen thuộc với quần chúng. Những điều kiện cho một sự tập hợp các lực lượng dân chủ đã gần như hội đủ.

Như vậy việc còn lại phải làm là hoàn tất điều kiện thứ ba và xây dựng điều kiện thứ tư. Có thể nói chúng ta đã đi được ba phần tư lộ trình dẫn đến dân chủ, nhưng đoạn đường còn lại cũng là đoạn đường cam go nhất bởi vì chúng ta gặp phải sức đề kháng ngoan cố của một đảng cầm quyền cực kỳ lì lợm và vô trách nhiệm.

Đảng Cộng Sản Việt Nam từ ngày thành lập đến nay chưa bao giờ là một đảng yêu nước. Mục đích chính của nó là thắng lợi của chủ nghĩa Mác-Lênin và phong trào cộng sản thế giới. Đối với đảng cộng sản, giành độc lập chỉ là một cơ hội cho cuộc tranh đấu vì lý tưởng cộng sản. Mặc dầu đại bộ phận đảng viên đảng cộng sản đã tham gia đảng vì lòng yêu nước nhưng ban lãnh đạo và các đảng viên nòng cốt chưa bao giờ coi phục vụ đất nước là cứu cánh.

Chính vì thế mà để giành thắng lợi, đảng cộng sản đã không bao giờ ngần ngại trước những tổn hại nặng nề cho đất nước và con người Việt Nam. Gần đây, khi chủ nghĩa cộng sản và phong trào cộng sản thế giới đã sụp đổ, đảng Cộng Sản Việt Nam coi việc giữ lấy chính quyền bằng mọi giá là mục tiêu duy nhất. Một số thành phần thủ cựu trong bộ máy đảng còn chủ trương cấu kết với các chế độ cộng sản còn lại, đặc biệt là Trung Quốc, để tạo ra một liên minh giúp nhau giữ lấy chính quyền, bất chấp quyền lợi của dân tộc và đất nước.

Trước ngưỡng cửa của thiên niên kỷ thứ ba, cương lĩnh chính trị cho đại hội VIII 1996 của đảng cộng sản đề ra mục tiêu là vào năm 2000 còn 10% dân chúng ăn đói và 30% trẻ em suy dinh dưỡng, mức độ giáo dục phổ cập là tiểu học, và chỉ có tối đa 25% nhân công được đào tạo ngắn hạn. Một hội nghị y tế của nhà nước đặt ra mục tiêu là vào năm 2020 chiều cao của thanh niên Việt

Nam sẽ đạt 1,65m. Như vậy lý tưởng mà đảng cộng sản muốn đạt tới là một dân tộc Việt Nam nghèo đói, thấp về văn hóa, lùn về thể xác. Với một dự án chính trị tương đương với một bản tuyên bố phá sản như vậy, Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn ngạo mạn tự cho mình độc quyền lãnh đạo đất nước vô thời hạn. Sự xác xược của họ không có một giới hạn nào.

Cuộc đấu tranh vì dân chủ, tự do và nhân quyền vì vậy trở thành đặc biệt khó khăn; chúng ta phải đương đầu với một tập đoàn cầm quyền thô bạo hoàn toàn không quan tâm tới quyền lợi và tương lai đất nước mà chỉ có một ưu tư duy nhất là giữ độc quyền cai trị đất nước bằng mọi giá, kể cả bằng tội ác. Cuộc đấu tranh khó khăn này đòi hỏi sức mạnh tổng hợp của toàn dân.

Với chủ trương đấu tranh thiết lập một thể chế dân chủ đa nguyên, trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, và bằng phương thức bất bạo động, chúng ta sẽ đẩy mạnh những công tác sau đây. Những công tác này không kế tiếp nhau theo một thứ tự cứng nhắc qua từng giai đoạn, giai đoạn trước phải hoàn tất mới đến giai đoạn sau, mà song hành với nhau, gối đầu lên nhau, bổ túc và tiếp sức cho nhau.

1. Giành thắng lợi dứt khoát về mặt tư tưởng và lý luận.

Một cố gắng quan trọng sẽ được tập trung vào công tác đấu tranh tư tưởng để bẻ gãy những lý luận gian trá, ngụy biện của chính quyền cộng sản.

Chúng ta phải bẻ gãy lập luận cho rằng dân chủ sẽ đưa tới hỗn loạn. Chúng ta sẽ chứng minh rằng dân chủ là điều kiện căn bản để bảo đảm không có hỗn loạn. Dân chủ là phương thức sinh hoạt cho phép xã hội tiến hóa và đổi mới không ngừng trong trật tự.

Chúng ta phải bẻ gãy lập luận cho rằng muốn phát triển cần có kỷ luật và muốn có kỷ luật cần hy sinh dân chủ, giới hạn tự do và nhân quyền. Nhân dân Việt Nam cần được giải thích rõ ràng không thể có kỷ luật quốc gia nào khác hơn là hiến pháp và luật pháp. Nhân danh kỷ luật để áp đặt một kế hoạch nhà nước là làm tê liệt mọi ý kiến và sáng kiến cũng như khả năng phản ứng kịp thời và đúng lúc của các tác nhân kinh tế, xã hội. Một chính sách kinh tế hoạch định

và chỉ huy còn là nguyên nhân tự nhiên đưa tới một bộ máy kiểm soát nặng nề, quan liêu. Nhân dân Việt Nam cũng cần được thuyết phục rằng dân chủ, tự do và nhân quyền không những không là những trở ngại mà còn là những điều kiện không có không được cho một phát triển lành mạnh, liên tục và kéo dài; những tiến bộ ban đầu tại một số nước độc tài như Việt Nam chỉ là hậu quả của việc tháo gỡ một phần một chính sách quản lý cực kỳ vô lý và sẽ mau chóng đạt tới giới hạn nếu không có chuyển biến thực sự về dân chủ.

Chúng ta phải bẻ gãy lập luận cho rằng xã hội Phương Đông khác với xã hội Phương Tây, và do đó không thể chấp nhận những giá trị của Phương Tây như tự do cá nhân, dân chủ và nhân quyền. Tự do, dân chủ và nhân quyền là những giá trị phổ cập của cả loài người, không riêng gì của Phương Tây. Các giá trị đó có mặt trong mọi nền văn minh, kể cả tại Việt Nam. Ưu điểm của các nước Phương Tây là đã biết phát huy mạnh mẽ những giá trị đó, nhờ thế họ đã phồn vinh và vượt xa phần còn lại của thế giới. Chúng ta cần phát huy những giá trị đó để tiến lên. Và vì chúng ta đã chậm trễ nên cần phát huy một cách mạnh mẽ và quả quyết.

Chúng ta cần phơi bày sự gian trá của lập luận, mới xuất hiện gần đây, cho rằng các giá trị văn hóa Phương Đông có lợi cho phát triển hơn các giá trị văn hóa Phương Tây. Dĩ nhiên nền văn hóa Phương Đông có nhiều điểm đáng tự hào, nhưng đằng sau lập luận mị dân đó là ý đồ biện hộ cho những chế độ độc tài chuyên chính. Các nước Châu Á đã phát triển nhờ chấp nhận các suy nghĩ tổ chức và làm việc dân chủ của người Phương Tây chứ không vì phủ nhận Phương Tây và đề cao những nét đặc thù của mình. Một số nước Châu Á hiện có mức tăng trưởng cao vì khởi hành ở tình trạng thấp hơn và chấp nhận nhiều chịu đựng hơn chứ không phải vì văn hóa Phương Đông hợp với phát triển hơn văn hóa Phương Tây. Nếu quả như vậy thì Phương Đông đã không thua kém. Và lại, các nước Châu Á có những nền văn hóa và phong tục rất khác nhau, nên không thể nói một cách chung chung tới những giá trị Phương Đông hay Châu Á được.

Chúng ta cần ý thức rằng đây không phải chỉ là một cuộc tranh luận lý

thuyết. Đằng sau những lập luận nguy hiểm này là những nhà tù khắc nghiệt, những đày đoạ thô bạo mà những con người đáng quý nhất của đất nước là nạn nhân, trong khi một thiểu số cường hào tha hồ vét tài nguyên quốc gia.

Chúng ta cũng cần phải cực lực bác bỏ một thứ "chủ nghĩa kinh tế" mà một số chính quyền, trong đó có Việt Nam, đang theo đuổi. Kinh tế không phải là tất cả, và ngay cả trên địa hạt thuần túy kinh tế tỷ lệ tăng trưởng cũng không phải là tất cả. Một thành tích tăng trưởng kinh tế 10% không cho phép chính quyền tự mãn là có công rồi áp đặt một chế độ độc tài lên dân chúng, nhất là khi sự tăng trưởng đó chỉ là sự phục hồi một phần sau nhiều năm đổ vỡ do chính quyền gây ra và phải trả bằng một giá rất đắt về văn hóa, đạo đức, môi trường. Mục tiêu quốc gia là một xã hội phồn vinh, có văn hóa cao, có sự phân phối hợp tình hợp lý tức quốc gia, có cơ hội thăng tiến công bằng cho mọi người, có liên đới giữa người và người và giữa mọi người với xã hội, có bảo đảm tự do và phẩm giá cho mọi người, có khả năng không ngừng vươn lên, có môi trường thiên nhiên được bảo vệ và không ngừng cải thiện.

Cố gắng tư tưởng là một bộ phận tối quan trọng của cuộc vận động dân chủ.

2. Phát động mạnh mẽ cuộc tranh đấu bảo vệ và yểm trợ những người dân chủ trong nước.

Chúng ta may mắn có được một số người quả cảm dám nói lên tiếng nói dân chủ - tiếng nói của trí tuệ và lương tâm - bất chấp an ninh nhân thân. Họ đã bị đàn áp thô bạo. Hàng ngàn người đang mòn mỏi trong các nhà tù, hàng ngàn cuộc đời bị gãy đổ, hàng ngàn gia đình bị nát. Nhiều người bị trù dập và bị cô lập về mọi mặt văn hóa, xã hội và nhất là kinh tế. Họ sống trong căng thẳng và hồi hộp, gia đình họ sống trong thiếu thốn và lo âu. Những người dân chủ tại Việt Nam đang hy sinh cho cả dân tộc. Họ xứng đáng được mọi người Việt Nam tôn vinh, biết ơn và yểm trợ.

Yểm trợ những người dân chủ trong nước trước hết là một nghĩa vụ đạo đức và tình cảm, nhưng đó cũng là một bất buộc chiến lược. Có được yểm trợ

thì những người dân chủ trong nước mới cảm thấy phấn khởi và mới có khả năng tiếp tục và tăng cường cuộc chiến đấu gian lao và hoàn toàn không cân xứng này, phong trào dân chủ trong nước nhờ đó mới bành trướng được, thông điệp dân chủ nhờ đó mới tới được với mọi người, cuộc vận động dân chủ mới có thể thành công.

Cần phát động mạnh mẽ, trong cùng như ngoài nước nhưng trong tình hình hiện nay chủ yếu là ngoài nước, một phong trào yểm trợ mạnh mẽ những người dân chủ trong nước. Chúng ta sẽ vận động dư luận quốc tế, các tổ chức nhân quyền, các chính phủ dân chủ để bênh vực họ. Chúng ta sẽ giúp đỡ vật chất gia đình họ trong những ngày khó khăn. Những vận động yểm trợ những người dân chủ trong nước tự chúng cũng có tiếng vang và cũng là những thông điệp dân chủ gửi tới toàn dân.

3. Thảo luận và trao đổi bộc trực trong tinh thần tương kính về bối cảnh quốc tế và về hiện tình đất nước, về những chọn lựa cơ bản cho tương lai, về những vấn đề cấp bách phải giải quyết và về hướng giải quyết cho những vấn đề đó. Chính qua những cuộc trao đổi này mà một đồng thuận có thể đạt tới và những con người cần có để giành thắng lợi cho nó có thể tìm ra.

Giai đoạn vận động này cần được xúc tiến ở cả trong lẫn ngoài nước. Nó có mục đích tìm ra những người cùng chí hướng để kết hợp hành động. Nó cũng có mục đích tìm hiểu và đối chiếu mọi lập trường chính trị để nhận diện ra những tổ chức chính trị dù không hoàn toàn chia sẻ quan điểm của nhau nhưng vẫn có thể phối hợp hành động.

Công tác trọng điểm của giai đoạn này là phát hiện và kết nghĩa với những cá nhân và tổ chức cùng theo đuổi lý tưởng dân chủ đa nguyên và sẵn sàng tham gia tranh đấu nhưng không lên tiếng được vì thiếu phương tiện truyền thông và vì bộ máy kiểm soát và kềm kẹp của chính quyền cộng sản. Cố gắng này đi song song với cố gắng phổ biến rộng rãi lý tưởng dân chủ đa nguyên tới quần chúng.

4. Trên căn bản của đồng thuận dân tộc, xúc tiến sự thành hình của một

mặt trận dân chủ qui tụ mọi lực lượng dân tộc dân chủ và tiến bộ. Sự kết hợp này phải vượt lên trên mọi ngăn cách do quá khứ để lại, trong tinh thần hòa giải dân tộc thành thực và trọn vẹn, hoàn toàn hướng về tương lai. Sức mạnh của kết hợp này không dựa trên cơ chế tổ chức mà dựa trên sự phối hợp hành động giữa những người theo đuổi cùng một mục đích, với những phương pháp giống nhau và có lòng tin tưởng lẫn nhau. Kết hợp này phải mở cửa cho mọi cá nhân và đoàn thể thuộc mọi xuất xứ miễn là thành thực chia sẻ lý tưởng dân chủ đa nguyên, thành thực tán thành tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc và quả quyết từ khước bạo lực. Mọi bất đồng quan điểm khác đều có thể thỏa hiệp. Công thức kết hợp là đa nguyên. Sức mạnh của kết hợp này dựa trên sự phong phú và đa dạng của các thành phần cấu tạo.

Chúng ta đánh giá cao vai trò của những người dân chủ hiện có mặt trong guồng máy nhà nước cộng sản. Các anh em này cần được bảo đảm ngay từ bây giờ rằng trong tương lai sẽ không thể có bất cứ một nghi ngờ hoặc dè dặt nào đối với họ. Trái lại, họ sẽ được nhìn nhận như những người đã có công lớn trong việc khai thông tiến trình dân chủ hóa.

Chúng ta khẳng định mặt trận dân chủ này là một mặt trận chống tất cả mọi hình thức độc tài trong đó độc tài cộng sản chỉ là một, chống sự áp bức, chống sự tồi đố và gian trá. Mặt trận dân chủ này không phải là sự kéo dài của cuộc xung đột trong quá khứ, mà là một mặt trận hướng về tương lai. Nó mở cửa cho mọi người dân chủ thuộc mọi quá khứ chính trị và mọi cương vị. Nhưng ngược lại, nó cũng chỉ mở cửa cho những người thật sự dân chủ.

5. Bằng mọi phương tiện hòa bình và bằng mọi sáng kiến phát động cuộc tranh đấu đòi bầu cử tự do. Sau đó sẽ tranh thủ để đạt thắng lợi trong những cuộc bầu cử đó.

Những cuộc bầu cử tự do sẽ không thể do chính quyền cộng sản quyết định một mình và tổ chức một mình. Bầu định chế nào, bầu vào lúc nào, bầu như thế nào, những ai được quyền đi bầu và những ai được quyền ứng cử là những quyết định trên đó đối lập Việt Nam phải có tiếng nói. Bầu cử tự do chỉ có thể

diễn ra khi mọi quyền tự do chính trị cơ bản đã được long trọng và chính thức xác nhận, và các luật lệ mâu thuẫn với các quyền tự do chính trị đã được bãi bỏ.

Bầu cử tự do phải diễn ra trong tinh thần hòa giải dân tộc, vượt lên trên mọi hàng rào hành chính do chính quyền hiện tại tạo ra hay do hoàn cảnh mà có. Một cách cụ thể, trước khi có bầu cử mọi chính trị phạm phải được trả tự do và phục hồi quyền công dân trọn vẹn, các tiền án chính trị phải được xóa bỏ, người Việt hải ngoại cũng phải được nhìn nhận quyền bầu cử và ứng cử.

Bầu cử tự do cũng phải được tổ chức bởi một chính quyền hội đủ điều kiện để được nhìn nhận là có khả năng đảm bảo cho bầu cử được công bằng và lương thiện. Chính quyền này sẽ hoan nghênh sự hiện diện không giới hạn của những quan sát viên quốc tế vô tư trong những cuộc bầu cử tự do.

Những đòi hỏi trên đây dù rất khiêm tốn và rất hợp tình hợp lý nhưng chắc chắn sẽ gặp sự chống đối của chính quyền cộng sản, vì thế phải vận dụng mọi áp lực quần chúng và quốc tế trong mọi lãnh vực để buộc đảng cộng sản phải nhượng bộ và tham gia vào tiến trình dân chủ hóa.

Chúng ta không đánh giá được sự ngoan cố của đảng cộng sản để có thể tiên liệu được lúc nào sẽ có bầu cử tự do. Nhưng chúng ta có thể tin chắc bầu cử tự do sẽ tới trong một tương lai không xa và cần chuẩn bị để giành thắng lợi ngay từ bây giờ.

Hình thức và chiến thuật đấu tranh, nói chung, sẽ uyển chuyển theo tình huống. Khi chính quyền cộng sản đã nhượng bộ và chấp nhận luật chơi dân chủ, cuộc vận động sẽ công khai và cơ quan lãnh đạo sẽ đặt ở trong nước. Chừng nào chính quyền cộng sản còn ngoan cố tiếp tục chính sách đàn áp, cuộc vận động sẽ kín đáo và cơ quan lãnh đạo sẽ đặt tại hải ngoại.

Trong cả hai trường hợp chúng ta cần một sự hiện diện tích cực trên cả nước và trong mọi địa hạt. Chúng ta sẽ tận dụng mọi kẻ hở, nắm lấy mọi cơ hội, kết thân với mọi người muốn đổi mới đất nước để tạo ra và nhân lên những cơ sở đối lập càng ngày càng tích cực, càng ngày càng công khai. Một mặt chúng ta nỗ lực để mở rộng thêm cánh cửa bùng bít của chính quyền cộng sản và tận dụng luồng giao lưu giữa trong và ngoài nước, một mặt chúng ta vận dụng mọi sáng

kiến để tạo áp lực càng ngày càng mãnh liệt và nhiều mặt lên chế độ. Chế độ cộng sản Việt Nam đang chao đảo trầm trọng trước khát vọng dân chủ của toàn dân và của ngay cả đội bộ phận đảng viên cộng sản. Đa số các cơ quan của chính quyền máy đảng và nhà nước cũng đã chống lại đường lối của ban lãnh đạo và tiếp tay một cách kín đáo nhưng hữu hiệu cho trào lưu đòi đổi mới về dân chủ đa nguyên. Chúng ta sắp có một khí thế rất mạnh mà chúng ta sẽ tận dụng để tiến công tập đoàn cộng sản thủ cựu trên mọi mặt trận, chặn đánh mọi lối thoát của nó, trừ lối thoát về dân chủ đa nguyên.

Yếu tố cơ bản của cuộc vận động lịch sử này là thái độ khiêm tốn, là tinh thần dung nạp. Trong hoàn cảnh phân hóa mà lịch sử để lại không một cá nhân nào, không một tổ chức nào có đủ uy tín để có thể được chấp nhận là trung tâm của một tập hợp dân tộc mới. Những cố gắng áp đặt chỉ làm xấu thêm một hoàn cảnh tự nó đã rất khó khăn. Không một tổ chức nào có độc quyền tranh đấu cho tự do, dân chủ. Mọi tổ chức đều phải coi những cố gắng của mình như những đóng góp cho thắng lợi của dân chủ. Mọi tổ chức, kể cả những tổ chức do sự kết hợp của nhiều tổ chức, đều phải tự coi mình là những thành tố, những chặng đường của một kết hợp càng ngày càng lớn hơn.

Trong đấu tranh để đòi bầu cử tự do cũng như để giành thắng lợi qua các cuộc bầu cử tự do đó, chúng ta lúc nào cũng chủ trương xóa bỏ hận thù, tôn trọng mọi người và mọi chính kiến để tôn trọng lẫn nhau và cùng nhau xây dựng tương lai Việt Nam chung. Tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc này không thể bị đồng hóa với thái độ sẵn sàng cấu kết và đồng lõa với bất cứ ai. Thái độ của chúng ta rất minh bạch. Chúng ta có mục tiêu và đường lối rõ ràng và chúng ta sẽ kiên trì theo đuổi. Chúng ta sẽ dồn mọi cố gắng để giành thắng lợi trong bầu cử tự do. Nếu thắng, chúng ta sẽ mời các tổ chức chính trị chia sẻ lý tưởng dân chủ đa nguyên cùng với ta nhận trách nhiệm trước dân tộc. Nếu không may thắng lợi về tay những lực lượng khác lập trường, chúng ta sẽ tiếp tục đấu tranh trong cương vị của một đối lập đứng đắn và trách nhiệm.

Như tất cả mọi cuộc vận động chính trị, cuộc đấu tranh sẽ đòi hỏi nhiều thỏa hiệp. Tùy mức độ hưởng ứng nhiều hay ít mà sách lược đấu tranh để chấm

dứt chế độ độc tài và thiết lập dân chủ, những chọn lựa cơ bản, cũng như chính sách chuyển tiếp trong dự án chính trị này sẽ được thực hiện toàn bộ hay một phần trong mỗi thời điểm, sớm hay muộn trong thời gian. Tinh thần của chúng ta là tinh thần đối thoại và hợp tác. Chúng ta sẽ chấp nhận những thỏa hiệp, kể cả những thỏa hiệp giai đoạn, nhưng sẽ không bao giờ nhân nhượng trên ba lập trường căn bản: *lý tưởng dân chủ đa nguyên, tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, và phương thức đấu tranh bất bạo động.*

Khiêm tốn và ôn hòa, bao dung và nhân nhượng, nhưng cuộc vận động dân chủ cũng đòi hỏi rất nhiều quyết tâm và ý chí. Chúng ta không có nhiều thời gian. Thế kỷ 21 đã gần kề. Chúng ta sắp thay đổi thế kỷ và chúng ta cũng sắp thay đổi thiên niên kỷ. Nếu vào năm 2000, khi cả nhân loại reo hò đón mừng một thời đại mới, chúng ta vẫn còn phải mang trên vai ách độc tài thì đó sẽ là mối nhục cho cả ngàn năm sau, mối nhục đó sẽ to lớn đến độ người Việt Nam sẽ khó còn đủ tự hào để gọi tên đất nước mình. Các thế hệ lớn lên sẽ rất khó chấp nhận thân phận Việt Nam, và đất nước Việt Nam sẽ chết đi trong lòng rất nhiều người.

Cách đây một ngàn năm, tổ tiên ta đã hùng dũng bước vào thiên niên kỷ thứ hai bằng cách vứt bỏ ách đô hộ của Trung Quốc, mở đầu cho kỷ nguyên độc lập dân tộc. Chúng ta phải xứng đáng với ông cha, chúng ta cũng phải bước vào thiên niên kỷ thứ ba bằng cách vứt bỏ ách độc tài cộng sản, mở đầu kỷ nguyên dân chủ đa nguyên.

VII. Chuyển tiếp thành công về dân chủ

Sau khi chế độ độc tài đảng trị chấm dứt chúng ta sẽ trải qua một giai đoạn chuyển tiếp cực kỳ khó khăn. Trong một khoảng thời gian chừng năm năm, chúng ta sẽ phải làm những cố gắng rất phi thường để vượt qua những thử thách vô cùng cam go, trước khi đất nước có thể trở thành một quốc gia bình thường và hội nhập thực sự vào cộng đồng quốc tế.

Chúng ta sẽ phải chuyển đổi từ một hệ thống nhất nguyên, tập trung, chuyên quyền sang một chế độ đa nguyên, tản quyền và phân quyền. Chúng ta sẽ phải thay thế một kinh tế hoạch định đặt nền tảng trên các xí nghiệp quốc doanh bằng một kinh tế thị trường lấy các xí nghiệp tư làm sức mạnh. Chúng ta sẽ phải biến một guồng máy nhà nước quan liêu, bần giấy, công cụ của một đảng thành một nhà nước hữu hiệu, trách nhiệm, lành mạnh, phục vụ cho công ích. Chúng ta sẽ phải chấm dứt lối quản lý bằng nghị quyết và chỉ thị để thiết lập một nhà nước pháp trị. Chúng ta sẽ phải thay thế một nền giáo dục tuyên truyền và nhồi sọ bằng một nền giáo dục khách quan và khai phóng.

Chúng ta kế thừa một đất nước suy kiệt toàn diện; trộm cướp lộng hành; tham nhũng đã thành nền nếp; buôn lậu đã thành một phong trào quốc gia; các bệnh truyền nhiễm lan tràn một cách không kiểm soát; tuổi trẻ thất học và bỏ học; con người suy nhược, bi quan và chán nản; cơ sở hạ tầng hư hỏng; môi trường sinh thái bị hủy hoại và ô nhiễm; chủ quyền kinh tế và ngay cả đất đai đã mất nhiều về tay người ngoại quốc; gần hai chục triệu người sống trong cảnh nghèo khổ cùng cực.

Chúng ta sẽ phải biến đất nước đó thành một đất nước có kỷ cương, có chủ quyền, có lòng tin, có liên đới, có sức bật kinh tế và có sức thu hút đầu tư nước ngoài.

Chúng ta tiếp thu một đất nước chòng chành chất hận thù do chiến tranh và các chính sách phân biệt đối xử để lại. Chúng ta sẽ phải hàn gắn những đổ vỡ mà không gây ra những đổ vỡ mới. Chúng ta sẽ phải phục hồi danh dự cho những

người đã bị xúc phạm mà không xúc phạm những người khác, phải bồi thường thiệt hại cho những nạn nhân mà không tạo ra những nạn nhân mới.

Chúng ta cần minh định: vấn đề đặt ra không phải là đi tìm một công thức mẫu nhiệm nào có thể biến đất nước thành giàu mạnh. Không làm gì có một công thức như vậy. Vấn đề là từ những thực tại của đất nước và bối cảnh thế giới nhận diện những vấn đề cần được giải quyết ưu tiên và đề ra những giải đáp.

Mục tiêu của giai đoạn chuyển tiếp này là tăng sản lượng quốc gia lên gấp đôi trong khoảng thời gian năm năm đồng thời cải thiện được môi trường và giềng mối xã hội, hóa giải mọi hận thù và hiềm khích, thực sự đưa một Việt Nam hòa hợp vào quỹ đạo tiến bộ. Mục tiêu này có thể đạt được và sẽ phải đạt được bằng những chính sách và biện pháp không mâu thuẫn với những định hướng lớn đã vạch ra.

Chúng ta có quá nhiều vấn đề văn hóa xã hội trầm trọng và cấp bách cần giải quyết nhưng lại chỉ có những tài nguyên rất eo hẹp. Nếu chúng ta dành quá nhiều tài nguyên cho các vấn đề ấy thì chúng ta sẽ không còn tài nguyên để phát triển kinh tế và sẽ dậm chân tại chỗ trong cảnh đói khổ. Ngược lại có những vấn đề văn hóa xã hội gay gắt đến độ nếu không được giải quyết sẽ triệt tiêu mọi cố gắng kinh tế. Phải nhìn nhận một thực tế phũ phàng là chúng ta sẽ còn phải chung sống với sự nghèo khổ cơ cực nhiều năm nữa. Trong hoàn cảnh ngân sách eo hẹp chúng ta sẽ phải thiết lập một thứ tự ưu tiên cho các vấn đề. Tinh thần chỉ đạo là: giải quyết cấp bách những vấn đề tối cần thiết cho hòa giải dân tộc, an ninh xã hội và phát triển kinh tế. Các vấn đề khác sẽ được giải quyết theo một thứ tự ưu tiên khác ngay khi khả năng kinh tế cho phép.

1. Những công tác chính trị căn bản của giai đoạn chuyển tiếp

1.1. Trả chính quyền về cho nhân dân

Việc đầu tiên phải làm là phi chính trị hóa guồng máy chính quyền, quân đội và công an. Công chức và quân nhân có quyền tham gia các tổ chức chính trị nhưng mọi sinh hoạt đảng phái trong mọi cơ quan hành chính và quân sự của

nhà nước sẽ bị nghiêm cấm. Bộ máy hành chính, quân đội và công an phải là những công cụ phi chính trị, hoàn toàn độc lập với mọi chính đảng, tuyệt đối tôn trọng hiến pháp, tuyệt đối phục tùng mọi chính quyền dân cử. Quân đội và công an sẽ trở lại với sứ mạng cao cả là bảo vệ đất nước, giữ gìn trật tự an ninh, và do đó cần được tách rời hẳn khỏi mọi hoạt động kinh doanh. Các công ty hiện do quân đội và công an làm chủ sẽ được giải tư. Những người đang làm việc tại các công ty đó nếu muốn có thể được giải ngũ để tiếp tục công việc.

Quân đội sẽ được hiện đại hóa về trang bị và huấn luyện, đồng thời cũng sẽ được tiết giảm quân số.

1.2. Thực hiện hòa giải và hòa hợp dân tộc

Một cố gắng phải bắt đầu ngay và tiếp tục trong nhiều năm là thực hiện đường lối hòa giải và hòa hợp dân tộc. Mọi chính trị phạm sẽ được trả tự do và phục hồi quyền công dân ngay tức khắc. Mọi người vì lý do chính trị, vì các chính sách đánh tư sản, cải cách ruộng đất, hay vì đã từng là công chức quân nhân của miền Nam mà đã bị giam cầm, hạ nhục sẽ được phục hồi danh dự và sẽ được bồi thường thiệt hại ít nhất là một cách tượng trưng. Nhà nước sẽ nhân danh sự liên tục quốc gia nhận lỗi về những sai lầm trong quá khứ, nhất là đối với những người đã chết oan *dù ở trong hàng ngũ nào và trong giai đoạn nào*. Những người đã bị tịch thu tài sản sẽ được nhà nước nhận bồi hoàn, sự bồi hoàn thực sự sẽ được thi hành dần dần với thời gian theo khả năng kinh tế của nhà nước.

Những nghĩa trang và mồ mả bị xúc phạm sẽ được trùng tu.

Một cơ quan đặc biệt, cấp bộ, sẽ được thành lập để bảo đảm rằng mọi chính sách của nhà nước thể hiện đúng tinh thần hòa giải dân tộc, đồng thời nhận và giải quyết những hồ sơ khiếu nại và đòi bồi thường của dân chúng.

Nhà nước sẽ nghiêm cấm mọi hành động trả thù báo oán. Mọi người Việt Nam dù có quá khứ nào đều được đối xử bình đẳng trong nghĩa vụ cũng như trong quyền lợi. Trên nguyên tắc mọi công chức, quân nhân đều sẽ được duy trì ở lại chức vụ đang giữ. Mọi thay đổi nhân sự đều sẽ phải có lý do kỹ thuật,

khách quan và chính đáng.

Việc thực thi hòa giải và hòa hợp dân tộc sẽ cần một thời gian rất dài. Những biện pháp cấp bách có mục đích chúng tỏ thiện chí muốn thực sự hàn gắn những đổ vỡ do quá khứ để lại, để mọi người Việt Nam hài lòng bắt tay nhau xây dựng đất nước.

Để chính sách hòa giải và hòa hợp dân tộc có nền tảng chính đáng và thêm sức mạnh, một đạo luật về hòa giải và hòa hợp dân tộc sẽ được soạn thảo để toàn dân biểu quyết qua trưng cầu dân ý.

1.3. Ban hành một hiến pháp mới cho Cộng Hòa Việt Nam

Hiến pháp này sẽ do một quốc hội lập hiến, cơ chế đầu tiên được bầu ra, biểu quyết. Hiến pháp này phù hợp với chế độ chính trị đã được chọn lựa và trình bày, và sẽ không được mang bất cứ một qui chiếu nào về một chủ nghĩa, một tôn giáo hay một chính đảng nào. Hiến pháp mới sẽ long trọng xác nhận những quyền tự do căn bản. Án tử hình sẽ được bãi bỏ vì nó phản văn minh và thực ra nó cũng không có cái hiệu lực mà sự dăm của nó có thể làm ta làm tưởng. Sau khi hiến pháp mới đã biểu quyết xong, quốc hội lập pháp - có thể là ngay chính quốc hội lập hiến biểu quyết tự biến thành quốc hội lập pháp nếu hoàn cảnh cho phép - sẽ biểu quyết các bộ luật căn bản. Tinh thần chỉ đạo cho việc soạn thảo các bộ luật căn bản này là giản dị, sáng sủa, dễ hiểu và dễ tôn trọng trong bối cảnh đất nước. Các đạo luật đầu tiên không nhất thiết phải hoàn chỉnh. Điều quan trọng là đặt những nền tảng lành mạnh cho sinh hoạt quốc gia, các đạo luật sau đó sẽ được bổ túc thêm để càng ngày càng đầy đủ và hoàn chỉnh. Các đạo luật hiện hành sẽ được rà soát lại; một số đạo luật mới có thể xuất phát từ các đạo luật hiện hành, sau khi đã loại bỏ các qui chiếu về chủ nghĩa xã hội và đảng cộng sản, và các điều khoản phản dân chủ hay trái ngược với các quyền tự do hiến định.

1.4. Bắt đầu đem tân quyền vào thực tế

Ngay sau đó cần đem tân quyền vào sinh hoạt chính trị. Điều này có nghĩa

là cần một đạo luật tổ chức lãnh thổ qui định ranh giới của từng địa phương và một nhất thứ bầu cử và thành lập các chính quyền địa phương. Nguyên tắc chỉ đạo là các địa phương phải khá thuần nhất về mặt địa lý, giao thông, cấu tạo sắc tộc, chức năng kinh tế, và phải có diện tích và dân số đầy đủ để có thể là những thực thể tồn tại và phát triển được.

2. Những ưu tiên văn hóa xã hội

Những vấn đề gay gắt nhất và cấp bách nhất đang đặt ra cho đất nước không phải là những vấn đề kinh tế mà là những vấn đề văn hóa xã hội.

2.1. Tăng cường trật tự an ninh

Việt Nam ngày hôm nay đang là một trong những nước thiếu an ninh nhất thế giới. Mối đe dọa an ninh đầu tiên chính là đảng và nhà nước cộng sản. Bất người trái phép, giam cầm và đánh đập dã man đã trở thành thông lệ. Tình trạng thiếu an ninh cũng do những thành phần bất hảo càng ngày càng đông đảo và càng ngày càng lộng hành. Dĩ nhiên những tệ đoan xã hội là sản phẩm tự nhiên của xã hội bế tắc hiện nay và chắc chắn sẽ giảm sút với sự trở lại của hy vọng và niềm tin. Nhưng dầu sao đi nữa thì đất nước ta cũng sẽ còn bất ổn trong một thời gian khá lâu và an ninh trật tự sẽ là một vấn đề nhức nhối cho một chính quyền dân chủ vừa được thành lập. Bảo đảm trật tự an ninh không có nghĩa là giới hạn tự do mà còn là một điều kiện bắt buộc để có tự do thực sự.

Luật pháp cần nghiêm minh chứ không cần phải khe khắt, và nhất là không cần phải hung bạo.

Mọi người Việt Nam đến tuổi trưởng thành đều được cấp thẻ căn cước và giấy thông hành, có quyền ở bất cứ nơi nào mình muốn và di chuyển tự do trên lãnh thổ hay ra nước ngoài, nhưng chính quyền cần nắm vững nơi cư trú để ngăn ngừa tội phạm.

Luật pháp không rõ ràng cũng là một nguyên nhân đưa đến phạm pháp. Trong tương lai đất nước ta cần một luật pháp thật giản dị, thật dễ hiểu và dễ

tôn trọng nhưng cũng rất nghiêm khắc với những sai phạm.

Chính quyền hiện nay có rất nhiều công an, nhưng công an được sử dụng trước hết vào việc bảo vệ quyền lực của đảng thay vì bảo vệ trật tự an ninh, để đàn áp những khát vọng tự do dân chủ hơn là để đàn áp những tệ đoan xã hội. Bởi vậy trong tương lai các cơ quan công an tình báo, bảo vệ chính trị sẽ được chuyển qua lực lượng bảo vệ trật tự an ninh. Việc tăng cường trật tự an ninh như vậy chỉ là một sự cải tổ guồng máy an ninh. Sự cải tổ này không những không tốn kém mà còn có thể tiết kiệm rất nhiều cho ngân sách. Một chính quyền Việt Nam thực sự dân chủ, không có nhu cầu đàn áp đối lập có thể giảm ngân sách an ninh và đồng thời tăng cường trật tự xã hội.

2.2. Chấm dứt tệ nạn buôn lậu

Chúng ta hiện đang chứng kiến một cuộc giằng co bất phân thắng bại giữa chính quyền cộng sản và các tổ chức buôn lậu được sự bao che của nhiều bộ phận của chính nhà nước. Về điểm này, một chính phủ đứng đắn phải vừa cảm thông vừa quả quyết. Cảm thông vì những người buôn lậu đã chỉ phản ứng lại một cách quản lý kinh tế không chấp nhận được của chính quyền và vì họ được sự hậu thuẫn của nhiều thành phần dân chúng. Cảm thông cũng vì hiện nay buôn lậu là nguồn sinh sống của rất nhiều người. Nhưng dầu thế nào đi nữa tệ buôn lậu bắt buộc phải chấm dứt vì nó vừa là một mất mát lớn cho ngân sách vừa là một cạnh tranh bất chính với hàng nội địa. Chính quyền hiện tại không có khả năng để chấm dứt phong trào buôn lậu vì không có nổi hậu thuẫn cần thiết trong dân chúng. Chỉ có một chính quyền có uy tín, được toàn dân chấp nhận và tin tưởng là đứng đắn và có khả năng đưa đất nước đi lên mới có thể thuyết phục được quần chúng rằng chấm dứt phong trào buôn lậu là điều có ích cho mọi người, và nhờ đó mới có thể lập được các tổ chức buôn lậu. Chính sách cần có là trước hết dẹp tan các tổ chức buôn lậu qui mô đồng thời nhìn nhận một hình thức mậu dịch biên giới tầm vóc nhỏ và có kiểm soát. Mục đích của giai đoạn đầu chưa phải là dẹp hẳn buôn lậu mà là làm cho các tổ chức lớn tan vỡ thành những nhóm nhỏ có thể chế ngự được. Sau đó thuế đánh vào mậu dịch

biên giới sẽ tăng dần lên song song với các biện pháp kiểm soát càng ngày càng chặt chẽ hơn, để sau một thời gian chừng năm năm việc trao đổi qua biên giới trở thành bình thường.

2.3. Quả quyết diệt trừ tham nhũng

Tham nhũng là bệnh ung thư đối với sinh hoạt kinh tế. Không dẹp được tham nhũng thì bất cứ chính sách kinh tế nào, dù hoàn chỉnh đến đâu cũng sẽ thất bại. Tệ tham nhũng ngày nay đã đạt tới một mức độ khó tưởng tượng. Nguyên nhân chính của tham nhũng là luật lệ rườm rà mâu thuẫn cho phép những giải thích chủ quan, thiên vị, tùy tiện. Có một luật pháp giản dị, minh bạch khiến người dân biết chắc chắn những gì mình có thể làm và những gì mình không được làm là ta đã giản dị hóa được vấn đề một cách đáng kể. Một nguyên nhân quan trọng khác là sự cấu kết và bao che giữa các đảng viên cộng sản với nhau. Chính quyền cộng sản đã thú nhận là họ không chống được tham nhũng, nhưng điều họ chưa chịu thú nhận là chính đảng cộng sản là một nguyên nhân của tình trạng tham nhũng, do đó tệ tham nhũng sẽ chỉ khắc phục được khi đảng cộng sản không còn độc quyền chính trị. Chống tham nhũng cũng như chống buôn lậu cần phải có quyết tâm nhưng cũng cần có lòng tin và hậu thuẫn của toàn dân. Một trong những đồng minh của ta trong trận chiến cam go này là tự do ngôn luận. Trong một chế độ thực sự tự do, nạn tham nhũng và hà hiếp dân chúng nếu không bị dẹp hẳn thì cũng phải rút xuống ở một mức độ thấp. Sự tố cáo của những người công dân tự do biết rõ mọi quyền của mình là vũ khí chống tham nhũng hiệu lực nhất.

Một hội nghị quốc gia về diệt trừ tham nhũng sẽ được triệu tập để báo động và tranh thủ sự hưởng ứng tích cực của toàn dân vào cố gắng quốc gia này.

2.4. Bãi bỏ hoàn toàn mọi chính sách và biện pháp kiểm duyệt

Hiến pháp mới phải long trọng nhìn nhận quyền tự do sáng tác và phát hành sách báo và văn hóa phẩm, và cấm chỉ mọi đạo luật theo chiều hướng kiểm duyệt. Trong nước Việt Nam tương lai sẽ không thể có một sự giới hạn nào về

tự do phát biểu đến từ chính quyền cả. Luật pháp sẽ chỉ chế tài những văn hóa phẩm trắng trợn kêu gọi bạo lực, xúc phạm đến danh dự và quyền lợi của các công dân hay các đoàn thể công dân và bị chính các cá nhân hay đoàn thể này truy tố. Các hiệp hội công dân như vậy sẽ nắm một vai trò then chốt trong việc bảo vệ sự lành mạnh của văn hóa. Chúng ta đừng quên rằng xã hội dân sự là nền tảng của thể chế dân chủ đa nguyên.

2.5. Bảo đảm sự khách quan và đứng đắn của các sách giáo khoa

Sẽ không có vấn đề nhà nước áp đặt sách giáo khoa chính thức. Quyền sáng tác sách giáo khoa sẽ không bị giới hạn và quyền chọn sách giáo khoa hoàn toàn thuộc các nhà giáo. Nhưng một định chế độc lập với chính quyền, xuất phát từ các nhà giáo, sẽ soạn thảo ra những sách giáo khoa đầu tiên, và sau đó có thẩm quyền tuyên bố những sách nào có phẩm chất đầy đủ để được dùng làm sách giảng dạy, dựa trên tiêu chuẩn khách quan và đứng đắn. Giáo dục là một đầu tư rất tốn kém của đất nước vì vậy nó phải thuần túy hướng về mục tiêu truyền bá kiến thức và mở mang trí tuệ chứ không thể mang bất cứ một màu sắc tuyên truyền nào.

2.6. Bảo đảm một trình độ văn hóa tối thiểu cho mọi công dân

Một chú trọng đặc biệt dành cho việc giảng dạy Việt văn. Đó là điều mà ta không thể tiết kiệm được bởi vì một trình độ văn hóa tối thiểu và một khả năng truyền thông tối thiểu vừa là điều kiện không có không được cho phát triển kinh tế, vừa là một điều kiện cần thiết cho sự ổn vững của xã hội, cho hòa bình giữa những con người.

Từ nhiều năm nay chính quyền cộng sản hầu như đã bỏ rơi hoàn toàn mọi cố gắng về giáo dục. Chúng ta đã mất đi rất nhiều học sinh từ khi chế độ cộng sản thực hiện chính sách kinh tế tư bản hoang dại. Phải thi hành cưỡng bách giáo dục và giáo dục miễn phí ít nhất tới cấp II, hết lớp 9. Rất có thể là ngân sách sẽ không cho phép tuyển dụng đủ số giáo chức cần có, trong trường hợp này chúng ta cần phát động một phong trào liên đới quốc gia về văn hóa, sinh

viên tiếp tay dạy học sinh, lớp trên tiếp tay dạy lớp dưới trong tinh thần tình nguyện hay với thù lao tượng trưng. Cũng cần lưu ý rằng tình trạng bi đát của ngành giáo dục hiện nay không phải chỉ thuần túy do ngân sách eo hẹp. Sự xuống cấp của giáo dục hiện nay phần chính do chính sách của nhà nước cộng sản. Giáo dục bị xem là dịch vụ kiếm tiền cho nhà nước thay vì một đầu tư vào tương lai. Nhà nước cộng sản cũng không phân biệt giáo dục với tuyên truyền. Học sinh bị nhồi sọ những kiến thức mà cả người dạy lẫn người học đều biết là sai và vô ích. Thêm vào đó sự bế tắc của kinh tế cũng như sự băng hoại của xã hội khiến cho thanh thiếu niên và phụ huynh không biết học để làm gì.

2.7. Cải thiện môi trường sinh sống và danh lam thắng cảnh

Chúng ta là một quốc gia đã bị quá nhiều tàn phá, do đó chúng ta phải gìn giữ và bảo trì cẩn trọng các di tích lịch sử và các danh lam thắng cảnh. Đó là những tài sản quý báu, những nguồn tự hào và là những gạch nối gắn bó người Việt Nam với nhau. Việc trùng tu các di tích này sẽ không tốn kém lắm vì số lượng ít ỏi, và cũng có thể không tốn kém gì hết cho nhà nước. Chúng ta sẽ cho đấu thầu quyền khai thác và nghĩa vụ bảo trì một số di tích và thắng cảnh có giá trị du lịch cho các công ty tư nhân, sẽ giao phó một số di tích có tính tôn giáo cho các giáo hội. Du lịch sẽ là một sinh hoạt kinh tế quan trọng và chúng ta khó hình dung kỹ nghệ du lịch có thể thành công nếu đất nước ta không đẹp.

Cố gắng văn hóa này gắn liền với một kế hoạch bảo vệ môi sinh trong địa hạt kinh tế. Chính sách đánh bắt vô tổ chức hiện nay đã làm suy giảm trầm trọng nguồn hải sản của ta. Chúng ta cần có ngay những quy định giản dị, minh bạch và được áp dụng triệt để nhằm cứu vùng biển và cứu nguồn hải sản. Phong trào phá rừng bán gỗ bừa bãi - vẫn còn tiếp tục - đang có cơ nguy biến nước ta thành căn cổ; phong trào này phải được chặn đứng ngay tức khắc. Việc phục hồi lại cây rừng vừa cần nhiều vốn lại vừa cần sự bảo vệ và chăm sóc đều đặn cho nên có thể ngân sách nhà nước không đáng đáng nổi. Cần nghiên cứu giải pháp giao khoán từng vùng rừng, từng khu rừng cho các công ty tư nhân phục hồi và khai thác, với những quyền lợi và những cam kết rõ rệt.

Song song với cố gắng phát triển công nghiệp cũng phải có những quy định rõ ràng về cách xử lý các loại phế liệu.

2.8. Giữ đất của ông cha cho con cháu

Từ nhiều năm nay, chính quyền cộng sản đã làm ngơ để nhiều vùng đất có giá trị chiến lược lọt vào tay người ngoại quốc. Việc mua bán đất này, nhiều khi được thực hiện qua trung gian của những người Việt cho mượn tên đứng làm chủ, là một mất mát lớn cho đất nước. Chúng ta quá đông dân và có quá ít đất đai, chúng ta phải gìn giữ cẩn trọng từng tấc đất của cha ông để lại.

Cần duyệt xét lại những sang nhượng đất đai để chặn đứng việc bán đất cho người ngoại quốc.

Những đất đai chuyển nhượng mờ ám sẽ bị thu hồi, trong trường hợp nghiêm trọng có thể bị tịch thu không bồi hoàn.

3. Những biện pháp kinh tế

Về mặt kinh tế việc đầu tiên mà một chính quyền đứng đắn phải làm là chấm dứt lối cai trị bằng nghị quyết, thông cáo, quyết định, chỉ thị và thay vào đó bằng những luật lệ rõ ràng, minh bạch và ổn vững. Một bộ luật kinh doanh là điều không thể thiếu và cũng không thể đợi. Đồng thời chúng ta cần tập trung cố gắng quốc gia vào những vấn đề cấp bách.

3.1. Giải tư đại bộ phận các xí nghiệp quốc doanh và tư hữu hóa ruộng đất

Nhà nước không có thiên chức làm xe đạp, bán quần áo, mở cửa hàng ăn uống, quản lý khách sạn và vũ trường... Những công ty quốc doanh, nông trường quốc doanh làm mất tinh thần chấp nhận rủi ro, làm trì trệ các sáng kiến và làm mất tinh thần trách nhiệm. Chúng ta coi tư doanh là nền tảng của kinh tế quốc gia. Kinh nghiệm của các nước chuyển hóa về kinh tế thị trường cho thấy việc giải tư phải được thực hiện trong thời gian thực ngắn để tránh tệ nạn đầu cơ, tẩu tán tài sản quốc gia, làm xuống cấp các xí nghiệp cần giải tư.

Chúng ta sẽ giải tư tức khắc tất cả mọi công ty, xí nghiệp quốc doanh có thể giải tư được để đem lại cho kinh tế một sinh lực mới.

Chúng ta sẽ xúc tiến ngay việc tư hữu hóa ruộng đất theo nguyên tắc trả quyền sở hữu lại cho những người đang canh tác trên đất của mình, tùy trường hợp cấp không hoặc bán lại cho nông dân những đất đai đang được nhà nước cộng sản giao phó. Việc tư hữu hóa nông nghiệp đặt ra nhiều vấn đề phức tạp về cả hai mặt kỹ thuật lẫn tình cảm, thí dụ như trường hợp của những người đã bị truất hữu một cách oan ức trước đây, nên cần có một chính sách rất thận trọng.

Nguyên tắc chỉ đạo của chính sách giải tư và tư hữu hóa là những gì tư nhân có thể làm được nhà nước sẽ không làm. Chính sách này sẽ phải hoàn tất về cơ bản sau hai năm cho công nghiệp và sau năm năm cho nông nghiệp.

3.2. Khuyến khích tối đa đầu tư kể cả đầu tư từ nước ngoài

Bãi bỏ từng bước các luật đầu tư hiện nay vì chúng còn quá gò bó và vì chúng dành cho người ngoại quốc những quyền mà người Việt Nam không có, chúng còn chia rẽ người trong nước với người sống ở nước ngoài. Trong tương lai người đầu tư nước ngoài sẽ có tất cả mọi quyền hạn mà họ đang có và sẽ có nhiều tự do hơn hiện nay nhưng sẽ không thể có những quyền mà người Việt Nam không có. Thời gian để hoàn tất mọi thủ tục thành lập công ty sẽ không thể quá một tuần lễ. Cần nhận thức giá trị rất tương đối của các bộ luật nâng đỡ đầu tư. Nếu những đặc quyền chỉ có hiệu lực ngắn hạn thì luật đầu tư chỉ lôi kéo được những đầu tư hời hợt, còn nếu những đặc quyền về đầu tư có hiệu lực dài hạn thì luật đầu tư sẽ có khuynh hướng trở thành luật lệ bình thường. Và lại quyết định đầu tư chỉ tùy thuộc rất ít vào những biện pháp khuyến khích và tùy thuộc rất nhiều vào bối cảnh chính trị và kinh tế.

3.3. Đẩy mạnh sự phát triển của thị trường nội địa

Chúng ta sẽ lấy thị trường trong nước làm bàn đạp để tiến lên. Với gần 80 triệu dân, nước ta là một thị trường rất lớn và sự trao đổi giữa những người Việt Nam với nhau tự nó đã là một động cơ kinh tế vô cùng quan trọng. Trong

bất cứ một nền kinh tế nào, trừ trường hợp rất đặc biệt của các nước xuất khẩu dầu lửa, thị trường nội địa bao giờ cũng quan trọng hơn hoạt động xuất nhập cảng. Thị trường nội địa vừa quan trọng về khối lượng, vừa là nơi thử nghiệm cho hàng xuất khẩu, lại vừa là kho trái độn cần thiết để đương đầu với những biến thiên của thị trường quốc tế. Thị trường nội địa có mạnh thì hoạt động xuất cảng mới phát triển được. Thị trường nội địa sẽ được kích thích do sự giải tỏa mọi cường chế về kinh doanh và sự thúc đẩy những chương trình công cộng quan trọng. Các ngành nông nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp thực phẩm, dệt và may mặc là những bàn đạp đầu tiên cho thị trường nội địa của ta.

Phát triển thị trường nội địa phải đi song hành với phát triển kinh tế nội địa. Chúng ta không có những nhà tư bản lớn cho nên cần tích cực thúc đẩy, nâng đỡ và khuyến khích các xí nghiệp cá nhân và các công ty tầm cỡ nhỏ, giúp họ phát đạt và gia tăng tầm vóc, dần dần trở thành những nhà tư bản lớn.

Một bất buộc khẩn cấp của chính sách phát triển thị trường nội địa là phải tu sửa và tăng cường hệ thống đường giao thông và truyền thông, các phương tiện chuyên chở và truyền tin.

3.4. Dồn cố gắng cho hai công trình giao thông chiến lược và công trình phát triển cảng Cam Ranh

Hai công trình lớn mà chúng ta phải bắt đầu ngay và phải tiếp tục trong nhiều năm, qua nhiều giai đoạn, là công trình hiện đại hóa và mở rộng đường xe lửa Thống Nhất và công trình xa lộ hóa quốc lộ Xuyên Việt. Đây là những công trình vừa tối cần thiết cho các hoạt động kinh tế, vừa cụ thể hóa sự thống nhất của đất nước, lại vừa tạo nhiều công ăn việc làm trên khắp lãnh thổ. Những dự kiến hiện nay cho hai công trình này còn ở mức rất thấp so với nhu cầu của nước ta mà phần lớn sinh hoạt tập trung dọc theo hai trục giao thông này. Mở rộng và hiện đại hóa hai công trình này cũng là điều cần thiết cho dự án xây dựng và khai thác cảng Cam Ranh, một dự án trọng đại mà ta sẽ tiến hành mạnh mẽ trong nhiều năm để đem lại sức mạnh kinh tế cho cả nước và cho miền Trung, miền nhiều triển vọng nhất của đất nước do vị trí bờ biển nhưng hiện nay là vùng

kém mở mang nhất.

VIII. Đất nước sẽ vươn lên

Một chương trình phục hưng dù khiêm nhường đến đâu cũng đòi hỏi rất nhiều chi phí. Chúng ta sẽ gặp nhiều khó khăn, nhưng chúng ta cũng sẽ có những nguồn tài trợ.

Trước hết là chấm dứt những phí phạm do chính quyền cộng sản tạo ra mà phí phạm lớn nhất là do chính Đảng Cộng Sản Việt Nam. Hiện nay hàng trăm ngàn người được trả lương chỉ để làm việc cho bộ máy của đảng cộng sản. Hàng ngàn nhà và phòng ốc bị chiếm dụng làm trụ sở, văn phòng cho các chi bộ đảng. Cán bộ, đảng viên tham nhũng lợi dụng quyền thế biển thủ một phần quan trọng tổng sản lượng quốc gia. Trong tương lai khi đảng cộng sản phải chấp nhận một chỗ đứng bình thường ngang hàng với các chính đảng khác, nhà nước sẽ tiết kiệm được một khoản ngân sách lớn, giải tỏa một nguồn nhân lực lớn và thu hồi một số tài sản lớn.

Nguồn tài trợ thứ hai là do sự tiết giảm ngân sách an ninh quốc phòng. Chúng ta không có ý đồ chinh phục nước nào và ngược lại cũng không còn lo ngại bị chinh phục bằng quân sự. Sự phòng vệ các vùng biển và hải đảo cũng không cần đến một lực lượng đông đảo như ngày nay mà cần một quân đội cơ giới tinh nhuệ. Guồng máy công an gần nửa triệu người của nhà nước cộng sản trước hết nhằm đàn áp những nguyện vọng dân chủ. Một nhà nước dân chủ thực sự có thể giảm một phần quan trọng chi phí cho bộ máy công an.

Nguồn tài trợ thứ ba là do sự giải tự các xí nghiệp quốc doanh. Như đã trình bày ở phần trên, mục đích chính của chính sách giải tư là hợp lý hóa và lành mạnh hóa sinh hoạt kinh tế. Tuy vậy chương trình giải tư cũng sẽ đem lại một tài khoản quan trọng.

Nguồn tài trợ thứ tư do sự đóng góp tích cực hơn của cộng đồng Việt Nam hải ngoại hơn hai triệu người sau khi một chế độ dân chủ thực sự, phù hợp với nguyện vọng sâu xa của đồng bào hải ngoại đã được thiết lập. Cộng đồng người Việt hải ngoại không những chỉ là nguồn tài trợ mà còn có thể có những đóng

góp vô cùng quan trọng khác.

Nhưng nguồn tài trợ quan trọng nhất và càng ngày càng dồi dào hơn là do chính sự phát triển của kinh tế. Hiện nay rất nhiều ngành nghề bị tê liệt, rất nhiều tài năng bị triệt tiêu do sự cấm cản của chính quyền cộng sản. Trả lại tự do kinh doanh thực sự cho dân chúng là ta đã khai thông được nhiều sinh lực mới và có thể chờ đợi những đóng góp mới. Chính sách kinh tế đúng đắn và lương thiện của ta cũng sẽ có khả năng động viên nguồn tài chính còn lại trong nhân dân. Không có sức mạnh nào lớn hơn sức mạnh mà chúng ta sẽ có nhờ giải tỏa và động viên sinh lực của một dân tộc gần 80 triệu người cần mẫn. Những tiến bộ gần đây cũng chủ yếu do chính quyền cộng sản đã triệt thoái và trả lại phần nào một không gian tự do cho dân chúng; những tiến bộ ấy đã chỉ rất giới hạn vì vẫn còn quá nhiều kèm kẹp, tham nhũng và bất công. Chúng ta có quyền chờ đợi những thành quả nhiều lần lớn hơn.

Chúng ta có quyền hy vọng và lạc quan.

Đất nước ta tuy có vấp ngã nhưng vẫn còn khả năng đứng dậy và đi tới.

Chúng ta không cần trông đợi ở một phép màu hay một ân huệ nào cả. Phép màu ấy chúng ta có thể tự tạo ra cho mình, ân huệ ấy chúng ta có thể tự ban cho mình một cách giản dị.

Bình thường hóa quan hệ giữa người Việt Nam với nhau. Long trọng xác nhận đất nước là của mọi người chứ không phải là của riêng một đảng hay một chủ nghĩa nào cả. Nhìn nhận chỗ đứng ngang nhau cho mọi người và cho mỗi người. Cởi bỏ những xiềng xích của hận thù và của các chủ nghĩa để nhìn nhau như anh em. Đem lại sự lạc quan và niềm tin ở một nhà nước thành tín và lương thiện. Đem lại những đảm bảo rõ rệt, chắc chắn cho quyền tư hữu và quyền kinh doanh. Quyết tâm bài trừ những tham nhũng và tệ đoan xã hội đang phá hoại cơ thể quốc gia. Tất cả những điều này chúng ta đều có thể làm được và có thể làm ngay được. Rồi chúng ta sẽ thấy đất nước này thay da đổi thịt, rồi chúng ta sẽ thấy dân tộc này vùng dậy chồm tới chinh phục tương lai. Chúng ta sẽ khám phá ra sự màu nhiệm của những giá trị rất đơn giản như tự do dân chủ, hòa hợp dân tộc. Đất nước sẽ đứng dậy và đi tới.

IX. Vì đất nước hôm nay và ngày mai: Giấc mơ Việt Nam

Nước Việt Nam có khả năng trở thành một cường quốc và nhất định sẽ là một nước lớn và giàu mạnh nếu chúng ta động viên được mọi trái tim Việt Nam, mọi khối óc Việt Nam, mọi bàn tay Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng tương lai chung.

Bài học lớn nhất của nửa sau thế kỷ hai mươi này là một dân tộc muốn vươn lên chỉ cần hai yếu tố: những con người cần mẫn và đồng thuận dân tộc. Chúng ta là một dân tộc đông đảo, con người của ta thông minh và cần mẫn, địa lý của ta vô cùng thuận lợi, chúng ta lại đang tiến tới đồng thuận dân tộc. Chúng ta có quyền lấy một lạc quan lịch sử làm hành trang cho cuộc hành trình về tương lai.

Chúng ta cũng có quyền lạc quan vì cuộc đấu tranh của ta trong sáng, đó là cuộc đấu tranh để đẩy lui sự tồi đố và sự gian trá, để tôn vinh mọi người, tôn vinh quyền làm người và quyền được hưởng hạnh phúc như một dân tộc lớn mà dân tộc ta rất xứng đáng để có.

Dân tộc Việt Nam đã phải trả những giá rất đắt cho hận thù và chia rẽ, cho óc độc quyền lệ phải, cho sự cuồng tín và tôn thờ bạo lực. Chúng ta đã thức tỉnh và đã nhìn ra những vết xe đổ.

Thủ thách trước mặt chúng ta rất lớn, nhưng hy vọng thôi thúc chúng ta còn lớn hơn. Đằng sau những trở ngại là cả một tương lai rực sáng. Chế độ độc tài này sẽ là chế độ độc tài cuối cùng tại Việt Nam. Rũ bỏ được nó chúng ta sẽ vinh viễn đi vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của tự do, dân chủ, bao dung, đùm bọc, kỷ nguyên vinh quang của những cố gắng chung và của thành công chung.

Chúng ta đã hiểu bằng máu và nước mắt và đã chấp nhận trong da thịt những giá trị giản dị nhưng màu nhiệm như tự do, dân chủ, hòa bình, công lý, bao dung, cố gắng. Chúng ta đã nhuần thấm tình dân tộc nghĩa đồng bào trong

sự tủi nhục chung vì thua kém. Chúng ta đã thấy rõ ràng rằng tất cả mọi người Việt Nam đều bị ràng buộc với nhau trong một thân phận chung. Chúng ta đang tiến tới một đồng thuận dân tộc lớn nhất kể từ ngày ông cha mở nước. Đồng thuận ấy sẽ là vũ khí vô địch giúp chúng ta tiến lên xây dựng một đất nước đẹp tươi cho muôn đời con cháu.

Chúng ta hãy cùng nhau cất lên chung một lời nguyện.

Nước Việt Nam sẽ là một nước lớn.

Làm người Việt Nam trong thế kỷ hai mươi đã là một điều bất hạnh thì làm người Việt Nam trong thế kỷ hai mươi mốt sẽ phải là một niềm vui, một may mắn và một nguồn hạnh diện.

Thế giới đã biết đến Việt Nam như là nạn nhân của hận thù và chia rẽ, của óc độc quyền lễ phải thì thế giới sẽ phải biết đến Việt Nam sau này như là vùng đất của sự bao dung, như là một mẫu mực thành công của tình anh em tìm lại, của sự hồi sinh từ hoang tàn và đổ nát.

Đó là lý tưởng của thời đại chúng ta. Đó là gia tài mà chúng ta sẽ để lại cho các thế hệ sau. Đó là giấc mơ Việt Nam mà chúng ta muốn chia sẻ với đồng bào cả nước.

Tổ quốc Việt Nam muôn năm!